



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ KỸ THUẬT
THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH, NGHỀ: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

MÃ NGÀNH, NGHỀ: 5480201

TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP

*(Ban hành theo Quyết định số: 39 /QĐ-TMHN ngày 22 tháng 3 năm 2025 của
Hiệu trưởng trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Thương mại Hà Nội)*

Hà Nội, năm 2025

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ KỸ THUẬT
THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH, NGHỀ: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

MÃ NGÀNH, NGHỀ: 5480201

TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP

(Ban hành theo Quyết định số: 39/QĐ-TMHN ngày 02 tháng 3 năm 2025 của
Hiệu trưởng trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Thương mại Hà Nội)

Hà Nội, năm 2025

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành, nghề: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Mã ngành, nghề: 5480201

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THCS, tốt nghiệp THPT, tốt nghiệp Trung cấp trở lên, có đủ sức khoẻ để học tập. Học sinh tốt nghiệp THCS phải học các môn văn hoá theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học sinh tốt nghiệp trung cấp trở lên được miễn các môn học chung.

Thời gian đào tạo: Từ 1 đến 2 năm

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

Công nghệ thông tin trình độ trung cấp là nghề thực hiện: Bảo trì máy tính (Lập kế hoạch, triển khai sửa chữa bảo hành, bảo trì máy tính, bảo vệ dữ liệu, xử lý sự cố máy tính,...); Khai thác dịch vụ công nghệ thông tin (Quản lý, vận hành các hệ thống dịch vụ trong lĩnh vực công nghệ thông tin), Quản trị hệ thống phần mềm (Quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu của phần mềm); Quản trị cơ sở dữ liệu (nhận, xử lý và trích lọc dữ liệu, kết xuất dữ liệu,...); Dịch vụ khác hàng (Xử lý thông tin về ứng dụng, sản phẩm Công nghệ thông tin, cung cấp hỗ trợ phần cứng máy tính, phần mềm khi cần thiết); Lập trình ứng dụng (phần mềm ứng dụng, thiết kế web); Quản trị mạng máy tính (đảm bảo tính bảo mật, tính toàn vẹn và tính sẵn sàng).

Công nghệ thông tin trình độ trung cấp đáp ứng yêu cầu trình độ bậc 4 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Người làm nghề Công nghệ thông tin có thể làm việc tại các cơ quan, doanh nghiệp có sử dụng máy tính, ứng dụng công nghệ thông tin. Các doanh nghiệp phát triển ứng dụng (với vai trò là chuyển giao, hỗ trợ người dùng), hoặc các doanh nghiệp hay tổ chức khác có sử dụng máy tính, hệ thống mạng, thiết bị viễn thông, thiết bị an ninh (với vai trò là người vận hành, bảo trì và sửa chữa).

2. Mục tiêu đào tạo:

2.1. Mục tiêu chung:

- Chính trị, đạo đức:
- + Hiểu biết một số kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp, Pháp luật của Nhà nước;
- + Hiểu được quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

+ Có hiểu biết về truyền thống tốt đẹp của giai cấp công nhân Việt Nam để kế thừa truyền thống và phát triển năng lực trong giai đoạn tới, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân, sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Yêu nghề có tâm huyết với nghề và tác phong làm việc công nghiệp hóa, hiện đại hóa;

+ Có lối sống lành mạnh phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hóa của dân tộc;

+ Luôn có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu của công việc.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Có sức khỏe để tham gia học tập và làm việc trong ngành May;

+ Hiểu biết về phương pháp rèn luyện thể chất để nâng cao sức khỏe, tạo cơ hội phấn đấu và phát triển;

+ Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện theo nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

a, Về kiến thức:

- Trình bày được các dịch vụ liên quan đến công nghệ thông tin như: bảo trì, bảo dưỡng, khắc phục các sự cố hỏng hóc thông thường của máy tính và mạng máy tính;

- Trình bày chính xác các kiến thức căn bản về công nghệ thông tin;

- Xác định được quy trình bàn giao ca, ghi nhật ký công việc;

- Xác định được các tiêu chuẩn an toàn lao động;

- Phân tích được hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu;

- Lập kế hoạch sao lưu, phục hồi dữ liệu, hệ thống mạng máy tính;

- Xác định được quy trình xử lý dữ liệu;

- Trình bày đúng nguyên lý hoạt động của mạng máy tính, quản trị mạng máy tính;

- Trình bày kiến thức lập trình, phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, thiết kế web;

- Trình bày được kiến thức về công nghệ phần mềm, quản trị dự án công nghệ thông tin.

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

b, Về kỹ năng:

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định;

- Kết nối, điều khiển được máy tính và các thiết bị ngoại vi, mạng máy tính;
- Phân tích, tổ chức và thực hiện đúng quy trình vệ sinh các trang thiết bị cũng như kỹ năng sử dụng thiết bị an toàn lao động, kỹ năng đảm bảo an toàn trong lao động nghề nghiệp;
- Lắp ráp, kết nối, sử dụng được hệ thống máy tính và các thiết bị ngoại vi, thiết bị an ninh;
- Hỗ trợ, tìm hiểu được nhu cầu của khách hàng, tư vấn cho khách hàng, hình thành sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng;
- Tra cứu được tài liệu trên Internet bằng ngôn ngữ tiếng Việt hoặc tiếng Anh phục vụ cho yêu cầu công việc;
- Ghi được nhật ký cũng như báo cáo công việc, tiến độ công việc;
- Thực hiện được các biện pháp vệ sinh công nghiệp, cháy, nổ, chập điện, an toàn lao động;
- Sao lưu, phục hồi được dữ liệu đảm bảo tính sẵn sàng của hệ thống;
- Xây dựng được các hệ thống thông tin đáp ứng kỳ vọng của khách hàng;
- Triển khai, cài đặt, vận hành (quản trị) được hệ thống thông tin cho doanh nghiệp.
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

c. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

- Thực hiện công việc có đạo đức, ý thức về nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, linh hoạt trong công việc để thích nghi được với các môi trường làm việc khác nhau (doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nước ngoài);
- Thực hiện trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;
- Giải quyết được công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Rèn luyện trở thành người có đạo đức, có lương tâm nghề nghiệp, có ý thức chức kỷ luật, có khả năng tự học hoặc tiếp tục học để nâng cao trình độ;
- Phân loại các phế phẩm như thiết bị phần cứng máy tính, mực in,... vào đúng nơi quy định tránh ô nhiễm môi trường.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Bảo trì máy tính;
- Khai thác dịch vụ công nghệ thông tin;
- Quản trị hệ thống phần mềm;
- Quản trị cơ sở dữ liệu;
- Dịch vụ khách hàng;
- Lập trình ứng dụng;

- Quản trị mạng máy tính.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 24 môn học/mô đun
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1410 giờ/52 tín chỉ;
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ;
- Khối lượng lý thuyết: 394 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 960 giờ;
- Thời gian thi, kiểm tra : 56 giờ.

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

| TT | Mã năng lực | Tên năng lực |
|------------|---|---|
| I | Năng lực cơ bản (năng lực chung) | |
| 1 | NL.CB.01 | Năng lực sử dụng ngoại ngữ (tiếng Anh) |
| 2 | NL.CB.02 | Năng lực về sử dụng tin học cơ bản, văn phòng |
| 3 | NL.CB.03 | Năng lực về chính trị |
| 4 | NL.CB.04 | Năng lực về pháp luật |
| 5 | NL.CB.05 | Năng lực về Quốc phòng và An ninh |
| 6 | NL.CB.06 | Năng lực về thể chất |
| II | Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn) | |
| 1 | NL.CM.01 | Năng lực sử dụng kỹ năng giao tiếp |
| 2 | NL.CM.02 | Năng lực về cơ sở dữ liệu |
| 3 | NL.CM.03 | Năng lực soạn thảo văn bản |
| 4 | NL.CM.04 | Năng lực lập trình cơ bản |
| 5 | NL.CM.05 | Năng lực về cấu trúc dữ liệu và giải thuật |
| 6 | NL.CM.06 | Năng lực phân tích và thiết kế hệ thống thông tin |
| 7 | NL.CM.07 | Năng lực về mạng máy tính |
| 8 | NL.CM.08 | Năng lực quản trị cơ sở dữ liệu với Access |
| 9 | NL.CM.09 | Năng lực về cấu trúc và bảo trì máy tính |
| 10 | NL.CM.10 | Năng lực photoshop cơ bản |
| 11 | NL.CM.11 | Năng lực sử dụng AutoCAD cơ bản |
| 12 | NL.CM.12 | Năng lực thiết kế trang Web |
| 13 | NL.CM.13 | Năng lực thiết kế và lắp đặt hệ thống mạng |
| 14 | NL.CM.14 | Năng lực quản trị CSDL với SQL server |
| III | Năng lực nâng cao | |
| 1 | NL.NC.01 | Năng lực làm việc nhóm |
| 2 | NL.NC.02 | Năng lực khởi tạo doanh nghiệp |

6. Nội dung chương trình:

| Mã MH/ MĐ | Tên môn học/mô đun | Số tín chỉ | Thời gian học tập (giờ) | | | |
|-----------------|--|------------------|-------------------------|--------------|---|---------------------|
| | | | Tổng số | Trong đó | | |
| | | | | Lý thuyết | Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận | Thi/ Kiểm tra |
| I. | Các môn học chung | 11 | 255 | 94 | 148 | 13 |
| MH01 | Tiếng Anh | 3 | 90 | 30 | 56 | 4 |
| MH02 | Tin học | 2 | 45 | 15 | 29 | 1 |
| MH03 | Giáo dục chính trị vvv | 2 | 30 | 15 | 13 | 2 |
| MH04 | Pháp luật | 1 | 15 | 9 | 5 | 1 |
| MH05 | Giáo dục QP-AN | 2 | 45 | 21 | 21 | 3 |
| MH06 | Giáo dục Thể chất | 1 | 30 | 4 | 24 | 2 |
| II | Các môn học, mô đun chuyên môn | 39 | 1110 | 272 | 797 | 41 |
| II.1 | Môn học, mô đun cơ sở | 11 | 255 | 122 | 122 | 11 |
| MH07 | Kỹ năng giao tiếp | 2 | P30 | 29 | 0 | 1 |
| MH08 | Cơ sở dữ liệu | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MH09 | Tin học văn phòng | 2 | 60 | 25 | 32 | 3 |
| MH10 | Lập trình cơ bản | 2 | 60 | 25 | 32 | 3 |
| MĐ11 | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật | 3 | 60 | 28 | 30 | 2 |
| II.2 | Môn học, mô đun chuyên môn | 28 | 855 | 150 | 675 | 30 |
| MH12 | Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin | 2 | 60 | 15 | 42 | 3 |
| MĐ13 | Mạng máy tính | 2 | 60 | 15 | 42 | 3 |
| MH14 | Quản trị cơ sở dữ liệu với Access | 2 | 60 | 15 | 42 | 3 |
| MĐ15 | Cấu trúc và bảo trì máy tính | 3 | 75 | 15 | 57 | 3 |
| MĐ16 | Photoshop cơ bản | 2 | 60 | 15 | 42 | 3 |
| MH17 | AutoCAD cơ bản | 2 | 60 | 15 | 42 | 3 |
| MH18 | Thiết kế trang Web | 2 | 60 | 15 | 42 | 3 |

| | | | | | | |
|------------------|-----------------------------------|-----------|-------------|------------|------------|-----------|
| MĐ19 | Thiết kế và lắp đặt hệ thống mạng | 2 | 60 | 15 | 42 | 3 |
| MH20 | Quản trị CSDL với SQL server | 3 | 60 | 30 | 28 | 2 |
| MH21 | Thực hành nghề nghiệp 1 | 4 | 120 | 0 | 118 | 2 |
| MĐ22 | Thực hành nghề nghiệp 2 | 4 | 180 | 0 | 178 | 2 |
| II.3 | Môn học, mô đun tự chọn | 2 | 45 | 28 | 15 | 2 |
| MH23 | Kỹ năng làm việc nhóm | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MH24 | Khởi tạo doanh nghiệp | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| Tổng cộng | | 52 | 1410 | 394 | 960 | 56 |

Khối kiến thức văn hóa bổ trợ dành riêng cho đối tượng có bằng tốt nghiệp THCS:

| Mã MH | Tên môn học | Số tín chỉ | Tổng số giờ |
|------------------|---|-------------|-------------|
| MH VH01 | Toán | 7 | 210 |
| MH VH02 | Ngữ văn | 7 | 210 |
| MH VH03 | Sinh học/ Lịch sử/ Địa lý/ Hóa học/ Vật lý | 4,5 | 140 |
| Tổng cộng | | 18,5 | 560 |

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1. Các môn văn hóa bổ trợ: Dành riêng cho người học tốt nghiệp THCS để có đủ kiến thức cơ bản học tiếp các môn học, mô đun nghề nghiệp; thực hiện theo chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông lớp 10, lớp 11 Thông tư 12/2022/TT-BGDĐT, ngày 26/07/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7.2. Về các môn học chung:

Danh mục và chương trình các môn học chung gồm 06 môn học, thực hiện theo theo quy định hiện hành của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, cụ thể:

- Chương trình môn học Quốc phòng an ninh: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thương binh và Xã hội.

- Chương trình môn học Chính trị: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH, ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Chương trình môn học Pháp luật: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Chương trình môn học Tin học: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11 /2018/TT-BLĐT BXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Chương trình môn học Giáo dục thể chất: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 12/2018/TT-BLĐT BXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Chương trình môn học Tiếng Anh: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2019/TT-BLĐT BXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Trường hợp các văn bản quy định về Chương trình đào tạo của 06 môn học chung nói trên được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới đó.

Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện. Người học có chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và chứng chỉ ngoại ngữ bậc 3/6 trở lên được miễn học, miễn thi các môn học đó theo thông tư 04/2022/TT-BLĐT BXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

7.3. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo đối với đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tích lũy tín chỉ:

Thực hiện theo Thông tư 04/2022/TT-BLĐT BXH, ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

7.4. Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với những nội dung có thể thực hiện bằng hình thức trực tuyến:

Căn cứ vào tình hình thực tế, Nhà trường sẽ bố trí cho học sinh được học, kiểm tra đánh giá kết thúc môn học, mô-đun bằng hình thức trực tuyến.

7.5. Nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khoá:

- Căn cứ vào điều kiện thực tế Nhà trường bố trí cho học sinh đi tham quan một số địa danh cách mạng, các di tích lịch sử ... nhằm giáo dục truyền thống cách mạng, lòng yêu nước, yêu tổ quốc và tham gia các hoạt động của địa phương.

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, khoa chuyên môn có thể bố trí cho học sinh tham quan ngắn một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo.

- Thời gian cho các hoạt động ngoại khoá được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá.

- Đi thực tế: Giáo viên bố trí theo yêu cầu môn học, mô-đun.

7.6. Tổ chức kiểm tra hết môn học, mô-đun

- Hình thức thi kết thúc môn học, mô đun có thể là thi trắc nghiệm, viết, vấn đáp, Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp giữa một hoặc nhiều các hình thức trên.

- Thời gian làm bài thi kết thúc môn học, mô đun đối với mỗi bài thi viết từ 60 đến 120 phút, thời gian làm bài thi đối với các hình thức thi khác hoặc thời gian làm bài thi của môn học, mô đun có tính đặc thù của ngành, nghề đào tạo do Hiệu trưởng quyết định.

- Lịch thi của kỳ thi chính phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 02 tuần, lịch thi của kỳ thi phụ phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 01 tuần; trong kỳ thi, từng môn học, mô-đun được tổ chức thi riêng biệt, không bố trí thi ghép một số môn học, mô-đun trong cùng một buổi thi của một người học.

- Danh sách người học đủ điều kiện dự thi, không đủ điều kiện dự thi có nêu rõ lý do phải được công bố công khai trước ngày thi môn học, mô đun ít nhất 05 ngày làm việc; danh sách phòng thi, địa điểm thi phải được công khai trước ngày thi kết thúc môn học, mô đun từ 1 - 2 ngày làm việc.

- Đối với hình thức thi viết, mỗi phòng thi phải bố trí ít nhất hai giáo viên coi thi và không bố trí quá 50 người học dự thi; người học dự thi phải được bố trí theo số báo danh; đối với hình thức thi khác, Hiệu trưởng quyết định việc bố trí phòng thi hoặc địa điểm thi và các nội dung liên quan khác.

- Bảo đảm tất cả những người tham gia kỳ thi phải được phổ biến ít nhất về quyền hạn, nhiệm vụ, nghĩa vụ của mình trong kỳ thi; tất cả các phiên họp liên quan đến kỳ thi, việc lựa chọn bốc thăm đề thi, bàn giao đề thi, bài thi, điểm thi phải được ghi lại bằng biên bản.

- Hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi kết thúc môn học, mô đun, học phần phải được quy định trong chương trình chi tiết của môn học, mô đun.

Quy định tổ chức kiểm tra hết môn học được mô tả chi tiết trong mỗi đề cương chi tiết môn học, cụ thể:

+ Kết thúc mỗi tín chỉ, giảng viên giảng dạy tổ chức kiểm tra lấy điểm định kỳ được quy định cụ thể tại chương trình môn học.

+ Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết và 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận và 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 45 giờ thực tập tại cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp;

+ Một giờ học thực hành/tích hợp là 60 phút; một giờ học lý thuyết là 45 phút. Một ngày học thực hành/tích hợp không quá 8 giờ; một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ. Mỗi tuần học không quá 40 giờ thực hành/tích hợp hoặc 30 giờ lý thuyết.

+ Thời gian làm bài thi kết thúc môn học, mô - đun đối với mỗi bài thi viết từ 60 đến 120 phút. Thời gian làm bài thi đối với các hình thức thi khác hoặc thời gian làm bài thi của môn học, mô - đun có tính đặc thù của ngành, nghề đào tạo do Hiệu trưởng quyết định.

7.7. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

- Người học phải học hết chương trình đào tạo và có đủ điều kiện sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

+ Hoàn thành chương trình đào tạo: tổng số giờ, tổng số MH, MĐ.

+ Điểm rèn luyện.

+ Hoàn thành học phí theo qui định.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy đủ số mô đun, tín chỉ theo quy định của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp ngay cho người học hoặc phải thi tốt nghiệp lý thuyết chuyên môn và thực hành nghề nghiệp; hoặc làm chuyên đề, khóa luận làm điều kiện xét tốt nghiệp theo quy định của trường.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Hà Nội (để báo cáo);
- Lưu VT, QLĐT.

HIỆU TRƯỞNG



Tùng Văn Vinh

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

MÔN HỌC TIẾNG ANH THUỘC KHỐI CÁC MÔN HỌC CHUNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 01 năm
2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Tiếng Anh

Mã môn học: MH01

Thời gian thực hiện: 90 giờ (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 56 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học ngoại ngữ bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

2. Tính chất: Chương trình môn học Tiếng Anh này bao gồm các kiến thức, kỹ năng sử dụng Tiếng Anh cơ bản trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

II. Mục tiêu môn học

- Sau khi học xong chương trình ở trình độ trung cấp, học sinh đạt được trình độ năng lực Tiếng Anh Bậc 1 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể:

1. Về kiến thức:

- Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại và quá khứ, phân loại danh từ, đại từ và tính từ; nhận biết được các từ vựng về giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt và kỳ nghỉ.

2. Về kỹ năng:

- Kỹ năng nghe: Theo dõi và hiểu được lời nói khi được diễn đạt chậm, rõ ràng, có khoảng ngừng để kịp thu nhận các thông tin về các chủ đề liên quan đến thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đồ vật trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động trong các dịp lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

- Kỹ năng nói: Đưa ra và hồi đáp các nhận định đơn giản liên quan đến các chủ đề rất quen thuộc như tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, trình bày sở thích, đặt câu hỏi về số lượng, trình bày về những ngày lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

- Kỹ năng đọc: Đọc hiểu các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các chủ đề thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong thời gian rảnh

rồi, nơi chôn, các món ăn và thức uống phổ biến, các ngày lễ đặc biệt và kỳ nghỉ, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

- Kỹ năng viết: Viết được những cụm từ, câu ngắn về bản thân, gia đình, trường lớp, nơi làm việc, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn và đồ uống, các lễ hội và dịp đặc biệt, các kỳ nghỉ và các sở thích.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

| Số TT | Tên các bài, mục | Tổng số | Thời gian (giờ) | | |
|-------------|---|-----------|-----------------|-------------------------------|----------|
| | | | Lý thuyết | Thực hành, thảo luận, bài tập | Kiểm tra |
| 1 | Bài 1: Gia đình và bạn bè (Family and friends) | 9 | 3 | 6 | |
| 2 | Bài 2: Thời gian rảnh rỗi (Leisure time) | 9 | 3 | 6 | |
| 3 | Bài 3: Địa điểm (Places) | 9 | 3 | 6 | |
| 4 | Bài 4: Các loại thực phẩm và đồ uống (Food and drink) | 9 | 3 | 6 | |
| 5 | Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test) | 9 | 3 | 4 | 2 |
| 6 | Bài 5: Các sự kiện đặc biệt (Special occasions) | 9 | 3 | 6 | |
| 7 | Bài 6: Kỳ nghỉ (Vacation) | 9 | 3 | 6 | |
| 8 | Bài 7: Các hoạt động hàng ngày (Activities) | 9 | 3 | 6 | |
| 9 | Bài 8: Sở thích (Hobbies and interests) | 9 | 3 | 6 | |
| 10 | Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test) | 9 | 3 | 4 | 2 |
| Cộng | | 90 | 30 | 56 | 4 |

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1. GIA ĐÌNH VÀ BẠN BÈ (FAMILY AND FRIENDS)

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu:

- Nhận biết các động từ thông dụng và từ vựng về gia đình.
- Nhận biết và sử dụng được thì hiện tại đơn, tính từ sở hữu, đại từ và đại từ chỉ định.
- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài gia đình.
- Nói về bản thân và gia đình.
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về gia đình.
- Viết đoạn văn giới thiệu bản thân.

2. Nội dung:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Gia đình

2.1.2. Nghề nghiệp

2.1.3. Các động từ thông dụng và các hoạt động

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Động từ “to be”

2.2.2. Tính từ sở hữu

2.2.3. Đại từ và đại từ chỉ định

2.2.4. Thì hiện tại đơn

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về thông tin cá nhân và gia đình

2.3.2. Bài tập True/False

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Giới thiệu bản thân và gia đình

2.4.2. Hỏi và trả lời

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My friend Minh

2.5.2. Bài tập trắc nghiệm

2.5.3. Bài tập True/False

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn giới thiệu bản thân (tối thiểu 50 từ)

Bài 2. THỜI GIAN RẪNH RỖI (LEISURE TIME)

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu:

- Nhận biết và đặt ví dụ với các trạng từ chỉ tần suất (Adverbs of frequency), động từ khiếm khuyết can/can't và câu hỏi với How often...?
- Sử dụng các từ vựng về sở thích, thể thao và hoạt động lúc rảnh rỗi.
- Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi.
- Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi.
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích trong thời gian rảnh rỗi.
- Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi.

2. Nội dung:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các môn thể thao

2.1.2. Các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Trạng từ chỉ tần suất

2.2.2. Động từ khiếm khuyết Can/can't

2.2.3. Cấu trúc How often...?

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án chính xác

2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp đúng đối tượng và hoạt động

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi

2.4.2. Phỏng vấn một người bạn trong lớp

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: What does she usually do on Saturdays?

2.5.2. Đọc và trả lời câu hỏi

2.5.3. Bài tập trắc nghiệm

2.5.4. Bài tập True/False

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi (tối thiểu 50 từ).

Bài 3. ĐỊA ĐIỂM (PLACES)

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu:

- Nhận biết và đặt ví dụ với There is/there are, giới từ chỉ nơi chốn và các từ vựng về vật dụng trong nhà, các địa điểm phổ biến và các tính từ phổ biến.
- Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà.
- Hỏi đường và chỉ đường.
- Đọc hiểu bài đọc giới thiệu về thành phố và các địa điểm nổi bật.
- Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về quê hương của bạn.

2. Nội dung:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các địa điểm trong thành phố

2.1.2. Các tính từ thông dụng

2.1.3. Các đồ vật trong nhà

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Cấu trúc There is/There are

2.2.2. Giới từ chỉ nơi chốn

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà

2.3.2. Bài tập nghe và chọn đáp án chính xác

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Mô tả vị trí các đồ vật và nơi chốn trong hình ảnh

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh bảng câu hỏi

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: Da Nang City - a worth-living city in Viet Nam

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả một căn phòng trong nhà bạn (tối thiểu 50 từ)

Bài 4. CÁC LOẠI THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG (FOOD AND DRINK)

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu:

- Nhận biết và đặt ví dụ với danh từ đếm được và không đếm được (Countable and uncountable nouns), cấu trúc How much/how many, động từ khiếm khuyết Should/shouldn't, cấu trúc Would like và các từ vựng về các loại thức ăn và đồ uống.
- Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống.

- Hỏi về số lượng.
- Đọc hiểu một số thức ăn và đồ uống trong thực đơn.
- Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt.

2. Nội dung:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

Các loại thực phẩm và đồ uống

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Danh từ đếm được và không đếm được

2.2.2. Cấu trúc How much/How many

2.2.3. Cấu trúc Should/Shouldn't

2.2.4. Cấu trúc Would like

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống

2.3.2. Bài tập True/False

2.3.3. Bài tập trắc nghiệm

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Hỏi về số lượng trong mua sắm

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh câu với much hoặc many

2.4.3. Bài tập lựa chọn đáp án đúng

2.4.4. Bài tập sửa lỗi câu

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: A restaurant menu

2.5.2. Bài tập phân loại từ vựng

2.5.3. Bài tập True/False

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt (tối thiểu 50 từ)

Bài 5. CÁC SỰ KIỆN ĐẶC BIỆT (SPECIAL OCCASIONS)

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu:

- Sử dụng thì Present simple và Present continuous, giới từ chỉ thời gian (prepositions of time) và các từ vựng về quần áo, màu sắc, lễ hội và sự kiện đặc biệt và tính từ mô tả ngoại hình.

- Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan.

- Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt.

- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về các hoạt động trong ngày Tết truyền thống Việt Nam.

- Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt.

2. Nội dung:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các ngày lễ quan trọng

2.1.2. Từ vựng mô tả ngoại hình

2.1.3. Quần áo và màu sắc

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì hiện tại đơn

2.2.2. Thì hiện tại tiếp diễn

2.2.3. Giới từ chỉ thời gian

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan

2.3.2. Bài tập lựa chọn đáp án đúng

2.3.3. Thực hành theo cặp đôi

2.3.4. Bài tập nghe và điền từ vào chỗ trống

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt

2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp

2.4.3. Thực hành nói với bạn trong lớp

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: Tet holiday

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi

2.5.3. Thảo luận

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt (tối thiểu 50 từ)

Bài 6. KỠ NGHỈ (VACATION)

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu:

- Sử dụng thì quá khứ đơn (Past simple), các cụm từ chỉ thời gian, các vật dụng và hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ, tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc.
- Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ.
- Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ.
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về một chuyến du lịch đã thực hiện.
- Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn.

2. Nội dung:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ

2.1.2. Các vật dụng liên quan đến kỳ nghỉ

2.1.3. Các tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì quá khứ đơn

2.2.2. Dạng quá khứ của động từ To be

2.2.3. Dạng quá khứ của động từ Can

2.2.4. Động từ hợp quy tắc

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng

2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ

2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp

2.4.3. Thực hành với bạn trong lớp

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My first trip to Hanoi

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi

2.5.3. Bài tập True/False

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn (tối thiểu 50 từ)

Bài 7. CÁC HOẠT ĐỘNG HÀNG NGÀY (ACTIVITIES)

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu:

- Sử dụng kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp; to infinitive và gerund và từ vựng về các hoạt động hàng ngày; các tính từ chỉ tính cách.
- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày.
- Nói về các hoạt động hàng ngày.
- Đọc hiểu bức thư giới thiệu về một chuyến du lịch.
- Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh.

2. Nội dung:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các hoạt động hàng ngày

2.1.2. Tính từ chỉ tính cách

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn

2.2.2. To infinitive and Gerund

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng

2.3.3. Bài tập nghe và trả lời câu hỏi

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Nói về các hoạt động hàng ngày

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: A letter

2.5.2. Bài tập đọc và lựa chọn đáp án đúng

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh (tối thiểu 50 từ)

Bài 8. SỞ THÍCH (HOBBIES AND INTERESTS)

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu:

- Sử dụng kết hợp thì quá khứ đơn (Past simple) và thì quá khứ tiếp diễn (Past continuous) các từ vựng về sở thích, các môn thể thao đi chung với động từ: play, go và do.

- Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi.
- Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích.
- Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân.

2. Nội dung:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Sở thích

2.1.2. Cấu trúc Play/go/do+ sport

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì quá khứ đơn

2.2.2. Thì quá khứ tiếp diễn

2.2.3. Kết hợp thì quá khứ đơn và thì quá khứ tiếp diễn

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: What is a hobby?

2.5.2. Bài tập True/False/Not given

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân (tối thiểu 80 từ)

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng học được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng.

- Bàn, ghế rời cho từng sinh viên.

- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, phấn (hoặc bút bảng).

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, hệ thống âm thanh.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo viên sử dụng giáo trình dùng chung và tham khảo các tài liệu giảng dạy khác hỗ trợ bài giảng.

4. Các điều kiện khác: Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học nghe nhìn và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức: Các kiến thức về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp theo từng chủ đề liên quan trong chương trình.

- Kỹ năng:

+ Kỹ năng nghe: Nghe và xác định thông tin về gia đình, bạn bè, các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt, vị trí và nơi chốn, và các sở thích theo yêu cầu.

+ Kỹ năng nói: Tự giới thiệu về bản thân, gia đình, công việc, sở thích và các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt theo yêu cầu.

+ Kỹ năng đọc: Đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết của các bài đọc ngắn theo yêu cầu.

+ Kỹ năng viết: Viết câu và đoạn văn ngắn về các chủ đề khác nhau theo yêu cầu.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Làm việc độc lập hoặc theo nhóm.

2. Phương pháp đánh giá:

- Việc đánh giá kết quả học tập của học sinh được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

- Phương pháp đánh giá sẽ dựa theo đặc thù ngành, nghề đào tạo và điều kiện của từng đơn vị giáo dục, có thể kết hợp kiểm tra nghe, nói và tự luận.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Tùy theo đặc thù của các ngành, nghề đào tạo, các trường lựa chọn môn học Tiếng Anh hoặc môn học ngoại ngữ khác theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để giảng dạy.

- Học sinh là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học cơ sở bắt buộc học toàn bộ chương trình môn học này. Học sinh là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc đã được cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình trung học phổ thông hoặc đã thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông, Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào chương trình này và chương trình học trung học phổ thông mà học sinh đã hoàn thành để xem xét, quyết định điều chỉnh chương trình môn học cho phù hợp, bảo đảm đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học.

2. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học:

- Miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh: Học sinh được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh trong các trường hợp sau:

+ Có chứng chỉ Tiếng Anh Bậc 1 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

+ Có chứng chỉ Tiếng Anh tương đương cấp độ A1 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu do các tổ chức nước ngoài cấp.

- Bảo lưu, công nhận kết quả học tập: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Học sinh có nhu cầu được miễn trừ, bảo lưu kết quả môn học phải có đơn đề nghị hiệu trưởng xem xét, quyết định khi nhập học và trước mỗi kỳ thi.

3. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; chú trọng phương pháp giao tiếp trong giảng dạy; áp dụng đa dạng các kỹ thuật dạy học;

lấy học sinh làm trung tâm; tổ chức các hoạt động nghe, nói, đọc và viết sinh động nhằm tăng cường sự tham gia của học sinh; tổ chức các hoạt động đa dạng với sự hỗ trợ của các học liệu, giáo cụ trực quan sinh động phục vụ mục tiêu chương.

- Đối với học sinh: Quan sát, hoạt động nhóm, thảo tác theo hướng dẫn của giáo viên và làm bài tập về nhà.

- Khuyến khích việc tổ chức dạy và học trực tuyến môn học, kết hợp với các phần mềm tự học trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

- Bên cạnh việc học 90 giờ trên lớp, giáo viên nên xây dựng nội dung và mục tiêu tự học thêm 110 giờ cho học sinh thông qua hệ thống bài tập bổ sung, phần mềm hoặc ứng dụng tiếng Anh hỗ trợ tự học, tài liệu tham khảo khác nhằm giúp học sinh đạt năng lực A1 theo quy định sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp.

4. Tài liệu tham khảo:

1. Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

3. Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng.

4. Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

5. Tim Falla and Paul A. Davies, Solutions Elementary (02nd edition), Oxford University Press, 2012.

6. Miles Craven, Breakthrough Plus 1, MacMillan Education, 2013.

7. Herbert Puchta and Jeff Stranks, More! 1, Cambridge University Press, 2008.

8. Jack C. Richards, Tactics for Listening (02nd. edition); Oxford University Press, 2015.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

MÔN HỌC TIN HỌC THUỘC KHỐI CÁC MÔN HỌC CHUNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Tin học

Mã môn học: MH02

Thời gian thực hiện: 45 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 29 giờ; Kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí:

- Môn học Tin học là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trung cấp.

2. Tính chất:

- Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về máy tính, công nghệ thông tin, cũng như việc sử dụng máy tính trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp sau này.

II. Mục tiêu của môn học

- Sau khi học xong môn học này, học sinh đạt được một số nội dung trong Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông, cụ thể:

1. Về kiến thức:

- Trình bày được một số kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng máy tính, xử lý văn bản; sử dụng bảng tính, trình chiếu, Internet.

2. Về kỹ năng:

- Nhận biết được các thiết bị cơ bản của máy tính, phân loại phần mềm.

- Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức, quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng máy in.

- Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản đơn giản theo mẫu.

- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và các hàm cơ bản để tính toán các bài toán đơn giản.

- Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu các nội dung đơn giản.

- Sử dụng được một số dịch vụ Internet cơ bản như: Trình duyệt Web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin.

- Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Nhận thức được tầm quan trọng, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp.

- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng một số nội dung trong chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

| Số TT | Tên chương | Tổng số | Thời gian (giờ) | | |
|-------------|---|---------|-----------------|-------------------------------|----------|
| | | | Lý thuyết | Thực hành, thảo luận, bài tập | Kiểm tra |
| 1 | Chương I. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản | 4 | 3 | 1 | |
| 2 | Chương II. Sử dụng máy tính cơ bản | 4 | 2 | 2 | |
| 3 | Chương III. Xử lý văn bản cơ bản | 15 | 3 | 12 | |
| 4 | Chương IV. Sử dụng bảng tính cơ bản | 9 | 3 | 6 | |
| 5 | Chương V. Sử dụng trình chiếu cơ bản | 8 | 2 | 6 | |
| 6 | Chương VI. Sử dụng Internet cơ bản | 4 | 2 | 2 | |
| 7 | Kiểm tra | 1 | | | 1 |
| Cộng | | 45 | 15 | 29 | 1 |

2. Nội dung chi tiết:

Chương I. HIỂU BIẾT VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm, biểu diễn thông tin trong máy tính.

- Nhận biết được các thiết bị phần cứng, phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng.

2. Nội dung:

2.1. Kiến thức cơ bản về máy tính

2.1.1. Thông tin và xử lý thông tin

2.1.1.1. Thông tin

2.1.1.2. Dữ liệu

2.1.1.3. Xử lý thông tin

2.1.2. Phần cứng

2.1.2.1. Đơn vị xử lý trung tâm

2.1.2.2. Thiết bị nhập

2.1.2.3. Thiết bị xuất

2.1.2.4. Bộ nhớ và thiết bị lưu trữ

2.2. Phần mềm

2.2.1. Phần mềm hệ thống

2.2.2. Phần mềm ứng dụng

2.2.3. Một số phần mềm ứng dụng thông dụng

2.2.4. Phần mềm nguồn mở

2.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.1. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.2. Đơn vị thông tin và dung lượng bộ nhớ

Chương II. SỬ DỤNG MÁY TÍNH CƠ BẢN

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows, phần mềm tiện ích, tiếng Việt trong máy tính, máy in.

- Khởi động, tắt được máy tính, máy in theo đúng quy trình. Tạo và xóa được thư mục, tập tin; sử dụng được một số phần mềm tiện ích thông dụng.

2. Nội dung:

2.1. Làm việc với hệ điều hành

2.1.1. Windows là gì?

2.1.2. Khởi động và thoát khỏi Windows

2.1.3. Desktop

2.1.4. Thanh tác vụ (Taskbar)

2.1.5. Menu Start

2.1.6. Khởi động và thoát khỏi một ứng dụng

2.1.7. Chuyển đổi giữa các cửa sổ ứng dụng

2.1.8. Thu nhỏ một cửa sổ, đóng cửa sổ một ứng dụng

- 2.1.9. Sử dụng chuột
- 2.2. Quản lý thư mục và tập tin
 - 2.2.1. Khái niệm thư mục và tập tin
 - 2.2.2. Xem thông tin, di chuyển, tạo đường tắt đến nơi lưu trữ thư mục và tập tin
 - 2.2.3. Tạo, đổi tên tập tin và thư mục, thay đổi trạng thái và hiển thị thông tin về tập tin
 - 2.2.4. Chọn, sao chép, di chuyển tập tin và thư mục
 - 2.2.5. Xóa, khôi phục tập tin và thư mục
 - 2.2.6. Tìm kiếm tập tin và thư mục
- 2.3. Một số phần mềm tiện ích
 - 2.3.1. Phần mềm nén, giải nén tập tin
 - 2.3.2. Phần mềm diệt virus
- 2.4. Sử dụng tiếng Việt
 - 2.4.1. Các bộ mã tiếng Việt
 - 2.4.2. Cách thức nhập tiếng Việt
 - 2.4.3. Chọn phần mềm nhập tiếng Việt
- 2.5. Sử dụng máy in
 - 2.5.1. Lựa chọn máy in
 - 2.5.2. In

Chương III. XỬ LÝ VĂN BẢN CƠ BẢN

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về văn bản và xử lý văn bản, sử dụng phần mềm Microsoft Word trong soạn thảo văn bản.
- Sử dụng được phần mềm soạn thảo Microsoft Word để soạn thảo được văn bản đơn giản theo mẫu, in được văn bản.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm văn bản và xử lý văn bản
 - 2.1.1. Khái niệm văn bản
 - 2.1.2. Khái niệm xử lý văn bản
- 2.2. Sử dụng Microsoft Word
 - 2.2.1. Giới thiệu Microsoft Word
 - 2.2.1.1. Mở, đóng Microsoft Word
 - 2.2.1.2. Giới thiệu giao diện Microsoft Word
 - 2.2.2. Thao tác với tập tin Microsoft Word
 - 2.2.2.1. Mở một tập tin có sẵn

- 2.2.2.2. Tạo một tập tin mới
- 2.2.2.3. Lưu tập tin
- 2.2.2.4. Đóng tập tin
- 2.2.3. Định dạng văn bản
 - 2.2.3.1. Định dạng văn bản (Text)
 - 2.2.3.2. Định dạng đoạn văn
 - 2.2.3.2.1. Định dạng đoạn (Paragraph)
 - 2.2.3.2.2. Định dạng Bullets, Numbering
 - 2.2.3.2.3. Thiết lập điểm dừng (Tab)
 - 2.2.3.2.4. Định dạng khung và nền (Borders and Shading)
 - 2.2.3.3. Kiểu dáng (Style)
 - 2.2.3.4. Chèn (Insert) các đối tượng vào văn bản
 - 2.2.3.4.1. Bảng (Table)
 - 2.2.3.4.2. Chèn hình ảnh (Picture)
 - 2.2.3.4.3. Chèn chữ nghệ thuật (WordArt)
 - 2.2.3.4.4. Chèn ký tự đặc biệt
 - 2.2.3.4.5. Chèn đối tượng Shapes
 - 2.2.3.5. Hộp văn bản (Textbox)
 - 2.2.3.6. Tạo tiêu đề trang (Header & Footer)
- 2.2.4. In văn bản

Chương IV. SỬ DỤNG BẢNG TÍNH CƠ BẢN

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về bảng tính, trang tính; về sử dụng phần mềm Microsoft Excel.

- Sử dụng được phần mềm Microsoft Excel để tạo bảng tính, trang tính; nhập và định dạng dữ liệu; sử dụng các biểu thức toán học, các hàm cơ bản để tính toán các bài toán đơn giản.

2. Nội dung:

2.1. Kiến thức cơ bản về bảng tính (Workbook)

2.2.1. Khái niệm bảng tính

2.2.2. Các bước xây dựng bảng tính thông thường

2.2. Sử dụng Microsoft Excel

2.2.1. Làm việc với phần mềm Microsoft Excel

2.2.1.1. Mở, đóng phần mềm

2.2.1.2. Giao diện Microsoft Excel

2.2.2. Thao tác trên tập tin bảng tính

2.2.2.1. Mở tập tin bảng tính

2.2.2.2. Lưu bảng tính

2.2.2.3. Đóng bảng tính

2.3. Thao tác với ô

2.3.1. Các kiểu dữ liệu

2.3.2. Cách nhập dữ liệu

2.3.3. Chính sửa dữ liệu

2.3.3.1. Xóa dữ liệu

2.3.3.2. Khôi phục dữ liệu

2.4. Làm việc với trang tính (Worksheet)

2.4.1. Dòng và cột

2.4.1.1. Thêm dòng và cột

2.4.1.2. Xoá dòng và cột

2.4.1.3. Hiệu chỉnh kích thước ô, dòng, cột

2.4.2. Trang tính

2.4.2.1. Tạo, xóa, di chuyển, sao chép các trang tính

2.4.2.2. Thay đổi tên trang tính

2.4.2.3. Mở nhiều trang tính

2.4.2.4. Tính toán trên nhiều trang tính

2.5. Biểu thức và hàm

- 2.5.1. Biểu thức số học
 - 2.5.1.1. Khái niệm biểu thức số học
 - 2.5.1.2. Tạo biểu thức số học đơn giản
 - 2.5.1.3. Các lỗi thường gặp
- 2.5.2. Hàm
 - 2.5.2.1. Khái niệm hàm, cú pháp hàm, cách nhập hàm
 - 2.5.2.2. Toán tử so sánh =, <, >
 - 2.5.2.3. Các hàm cơ bản (SUM, AVERAGE, MIN, MAX, COUNT, COUNTA, ROUND)
 - 2.5.2.4. Hàm điều kiện IF
 - 2.5.2.5. Các hàm ngày (DAY, MONTH, YEAR)
 - 2.5.2.6. Các hàm tìm kiếm (VLOOKUP, HLOOKUP)
- 2.6. Định dạng ô, dãy ô
 - 2.6.1. Định dạng kiểu số, ngày, tiền tệ
 - 2.6.2. Định dạng văn bản
 - 2.6.3. Căn chỉnh, hiệu ứng viền
- 2.7. Kết xuất và phân phối trang tính, bảng tính
 - 2.7.1. Trình bày trang tính để in
 - 2.7.2. Kiểm tra và in
 - 2.7.3. Phân phối trang tính

Chương V. SỬ DỤNG TRÌNH CHIẾU CƠ BẢN

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về sử dụng máy tính và phần mềm Microsoft PowerPoint trong việc thiết kế và trình chiếu thông tin.
- Sử dụng được phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint để soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu một số nội dung đơn giản.

2. Nội dung:

- 2.1. Kiến thức cơ bản về bài thuyết trình
 - 2.1.1. Khái niệm bài thuyết trình
 - 2.1.2. Các bước cơ bản để tạo một bài thuyết trình
- 2.2. Sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint
 - 2.2.1. Các thao tác tạo trình chiếu cơ bản
 - 2.2.1.1. Giới thiệu Microsoft PowerPoint
 - 2.2.1.2. Tạo một bài thuyết trình cơ bản
 - 2.2.1.3. Các thao tác trên slide
 - 2.2.1.4. Chèn Picture
 - 2.2.1.5. Chèn Shapes, WordArt và Textbox

- 2.2.1.6. Chèn Table, Chart, SmartArt
- 2.2.2. Hiệu ứng, trình chiếu và in bài thuyết trình
 - 2.2.2.1. Tạo các hiệu ứng hoạt hình cho đối tượng
 - 2.2.2.2. Tạo các hiệu ứng chuyển slide
 - 2.2.2.3. Cách thực hiện một trình diễn
 - 2.2.2.4. Lặp lại trình diễn
 - 2.2.2.5. In bài thuyết trình

Chương VI. SỬ DỤNG INTERNET CƠ BẢN

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về Internet, WWW (World Wide Web), các thao tác với thư điện tử.
- Sử dụng được các thao tác đơn giản trong trình duyệt Web, nhận và soạn thảo trả lời thư điện tử; tìm kiếm thông tin.
- Nhận biết và thực hiện được các biện pháp an toàn bảo mật thông tin khi sử dụng các thiết bị, trang thông tin liên quan đến Internet.

2. Nội dung:

- 2.1. Kiến thức cơ bản về Internet
 - 2.1.1. Tổng quan về Internet
 - 2.1.2. Dịch vụ WWW (World Wide Web)
- 2.2. Khai thác và sử dụng Internet
 - 2.2.1. Sử dụng trình duyệt Web
 - 2.2.3. Thư điện tử (Email)
 - 2.2.3. Tìm kiếm thông tin (Search).
 - 2.2.4. Bảo mật khi làm việc với Internet
- 2.3. Kiến thức cơ bản về an toàn và bảo mật thông tin trên mạng
 - 2.3.1. Nguồn gốc các nguy cơ đối với việc đảm bảo an toàn dữ liệu và thông tin
 - 2.3.2. Tác dụng và hạn chế chung của phần mềm diệt virus, phần mềm an ninh mạng
 - 2.3.3. An toàn thông tin khi sử dụng các loại thiết bị di động và máy tính trên internet
 - 2.3.4. An toàn khi sử dụng mạng xã hội

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng máy tính có cấu hình phù hợp (đảm bảo mỗi sinh viên 1 máy). Phòng được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng và máy điều hòa.
- Bàn, ghế cho sinh viên (mỗi bàn đặt 1 bộ máy tính).
- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, bút bảng.

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy tính cài hệ điều hành Windows, Microsoft Office (Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint), phần mềm tiện ích và có kết nối Internet.

- Các thiết bị phần cứng máy tính gồm: Mainboard, CPU, Ram, Ổ cứng, Card màn hình, Card âm thanh, Card mạng, Vỏ máy tính, Nguồn máy tính, Màn hình, Bàn phím, Chuột, Loa.

- Có một máy server quản lý toàn bộ máy con có kết nối mạng LAN và một máy cho giáo viên.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Giáo trình, bài giảng, hệ thống bài tập, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác:

- Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

- Việc đánh giá kết quả học tập của học sinh được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

- Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH. Ngoài ra, Hiệu trưởng quy định cụ thể và quyết định miễn trừ học tập môn học như sau:

- Miễn trừ học tập môn học đối với học sinh có:

+ Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

+ Chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Học sinh là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học cơ sở bắt buộc học toàn bộ chương trình môn học này. Học sinh đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho học sinh được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình trung học phổ thông.

Tài liệu tham khảo

1. Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình mục tiêu phát triển công nghiệp công nghệ thông tin đến 2020, tầm nhìn 2025”.
2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 31/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề đến năm 2020”.
3. Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.
4. Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.
5. Thông tư số 44/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc công nhận chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin
6. Nguyễn Đăng Ty, Hồ Thị Phương Nga, Giáo trình Tin học Đại cương, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2015.
7. Huyền Trang, Sử dụng Internet an toàn, NXB Phụ nữ, 2014.
8. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến, Giáo trình thực hành Microsoft Word, NXB Thanh Niên, 2016.
9. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến, Giáo trình thực hành Excel, NXB Thanh Niên, 2017.
10. Joan Lambert and Curtis Frye, Microsoft Office 2016 Step by Step 1st Edition, Microsoft, 2015.
11. Peter Weverka, Office 2016 All-In-One For Dummies 1st Edition, John Wiley & Sons, 2016./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

MÔN HỌC GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ THUỘC KHỐI CÁC MÔN HỌC CHUNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH, ngày 06 tháng 12 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Giáo dục chính trị

Mã môn học: MH03

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thảo luận: 13 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí:

- Môn học Giáo dục chính trị là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

2. Tính chất:

- Chương trình môn học bao gồm khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; chú trọng về đạo đức công dân, đạo đức nghề nghiệp; góp phần giáo dục người lao động phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức:

- Trình bày được một số nội dung khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; yêu cầu và nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Về kỹ năng:

- Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào việc học tập, rèn luyện, xây dựng đạo đức, lối sống để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

| STT | Tên bài | Thời gian (giờ) | | | |
|-------------|--|-----------------|-----------|-----------|----------|
| | | Tổng số | Lý thuyết | Thảo luận | Kiểm tra |
| 1 | Bài mở đầu | 1 | 1 | | |
| 2 | Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác - Lê nin | 4 | 2 | 2 | |
| 3 | Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh | 5 | 3 | 2 | |
| 4 | Bài 3: Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng | 5 | 3 | 2 | |
| 5 | Bài 4: Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam | 10 | 5 | 5 | |
| 6 | Bài 5: Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt | 3 | 1 | 2 | |
| 7 | Kiểm tra | 2 | | | 2 |
| Cộng | | 30 | 15 | 13 | 2 |

2. Nội dung chi tiết:

BÀI MỞ ĐẦU

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung:

2.1. Vị trí, tính chất môn học

2.2. Mục tiêu của môn học

2.3. Nội dung chính

2.4. Phương pháp dạy học và đánh giá môn học

Bài 1: KHÁI QUÁT VỀ CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm, nội dung chính và giá trị của chủ nghĩa Mác - Lênin đối với sự phát triển của xã hội.
- Khẳng định được chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng của Đảng ta.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm chủ nghĩa Mác - Lênin
- 2.2. Các bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lênin
 - 2.2.1. Triết học Mác - Lênin
 - 2.2.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin
 - 2.2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học
- 2.3. Vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin

Bài 2: KHÁI QUÁT VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm, một số nội dung cơ bản, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự cần thiết, nội dung học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.
- Có nhận thức đúng đắn và bước đầu vận dụng tốt kiến thức đã học vào việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, phong cách cá nhân.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh
- 2.2. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh
- 2.3. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam
- 2.4. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay
 - 2.4.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh
 - 2.4.2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Bài 3: NHỮNG THÀNH TỰU CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được quá trình ra đời và những thành tựu của cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

- Khẳng định, tin tưởng và tự hào về sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng ở nước ta.

2. Nội dung:

2.1. Sự ra đời và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam

2.1.1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

2.1.2. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng

2.2. Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng

2.2.1. Thắng lợi của đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc

2.2.2. Thắng lợi của công cuộc đổi mới

Bài 4: PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được một số quan điểm và giải pháp cơ bản xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay.

- Nhận thức được đường lối phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người của nước ta trong giai đoạn hiện nay là phù hợp và chủ động thực hiện đường lối đó.

2. Nội dung:

2.1. Nội dung của chủ trương phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

2.2. Giải pháp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

2.2.1. Nội dung phát triển kinh tế, xã hội

2.2.2. Nội dung phát triển văn hóa, con người

Bài 5: TU DƯỠNG, RÈN LUYỆN ĐỂ TRỞ THÀNH NGƯỜI CÔNG DÂN TỐT, NGƯỜI LAO ĐỘNG TỐT

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày sơ lược được quan niệm, nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

- Tích cực học tập và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Nội dung:

2.1. Quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt

2.1.1. Người công dân tốt

2.1.2. Người lao động tốt

2.2. Nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt

2.2.1. Phát huy truyền thống yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam

2.2.2. Phấn đấu học tập nâng cao năng lực và rèn luyện phẩm chất cá nhân

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- Phòng học, máy tính, máy chiếu và các thiết bị dạy học khác.

- Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan.

- Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đầu tư phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

- Việc đánh giá kết quả học tập của học sinh được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

- Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022.

- Học sinh là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học cơ sở bắt buộc học toàn bộ chương trình môn học này. Học sinh đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho học sinh được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình trình phổ thông.

VII. Một số hướng dẫn khác

- Khuyến khích các trường trong danh sách trường nghề được ưu tiên đầu tư tập trung, đồng bộ theo tiêu chí trường nghề chất lượng theo Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020" tổ chức thí điểm giảng dạy trực tuyến môn học này. Đối với các trường khác, chỉ tổ chức giảng dạy trực tuyến môn học sau khi có văn bản hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2014), Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.
2. Ban Tuyên giáo Trung ương (2014), Hướng dẫn số 127-HD/BTGTW ngày 30/6/2014 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc triển khai thực hiện Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.
3. Ban Tuyên giáo Trung ương (2016), Những điểm mới trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
4. Ban Tuyên giáo Trung ương (2018), Sổ tay các văn bản hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
5. Bộ Chính trị (2016), Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.
6. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2008), Quyết định số 03/2008/QĐ-BLĐTBXH, ngày 18/2/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Chính trị dùng cho các trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Thông tư số 11/2012/TT-BGDĐT, ngày 07/3/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị dùng trong đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

14. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

15. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

16. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

17. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Nghiệp vụ công tác đảng ở cơ sở, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

18. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội;

19. Hội đồng Lý luận Trung ương (2017), Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

20. Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
Các tài liệu liên quan khác./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

MÔN HỌC PHÁP LUẬT THUỘC KHỐI CÁC MÔN HỌC CHUNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Pháp luật

Mã môn học: MH04

Thời gian thực hiện môn học: 15 giờ (Lý thuyết: 9 giờ; Thảo luận, bài tập: 5 giờ;

Kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí:

- Môn học Pháp luật là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

2. Tính chất:

- Chương trình môn học bao gồm một số nội dung về nhà nước và pháp luật; giúp học sinh có nhận thức đúng và thực hiện tốt các quy định của pháp luật.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật của Việt Nam.

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; pháp luật lao động; phòng, chống tham nhũng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Về kỹ năng:

- Nhận biết được cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở Việt Nam; các thành tố của hệ thống pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam.

- Phân biệt được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật lao động; phòng, chống tham nhũng; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; tự chủ được các hành vi của mình trong các mối quan hệ liên quan đến các nội dung đã được học, phù hợp với quy định của pháp luật và các quy tắc ứng xử chung của cộng đồng và của xã hội.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

| STT | Tên chương/bài | Thời gian (giờ) | | | |
|-------------|---|-----------------|-----------|-----------------------|----------|
| | | Tổng số | Lý thuyết | Thảo luận/ bài tập | Kiểm tra |
| 1 | Bài 1: Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật | 2 | 1 | 1 | |
| 2 | Bài 2: Hiến pháp | 2 | 1 | 1 | |
| 3 | Bài 3: Pháp luật lao động | 7 | 5 | 2 | |
| 4 | Bài 4: Pháp luật phòng, chống tham nhũng | 2 | 1 | 1 | |
| 5 | Bài 5: Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng | 1 | 1 | 0 | |
| 6 | Kiểm tra | 1 | | | 1 |
| Cộng | | 15 | 9 | 5 | 1 |

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Nhận biết được bản chất, chức năng, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Nhận biết được các thành tố của hệ thống pháp luật và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam.

2. Nội dung:

2.1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Bản chất, chức năng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.3. Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2. Hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2.1. Các thành tố của hệ thống pháp luật

2.2.1.1. Quy phạm pháp luật

2.2.1.2. Chế định pháp luật

2.2.1.3. Ngành luật

2.2.2. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2.3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

2.2.3.1. Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật

2.2.3.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam hiện nay

Bài 2: HIẾN PHÁP

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm, vị trí của hiến pháp và một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nhận thức được trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc thi hành và bảo vệ Hiến pháp.

2. Nội dung:

2.1. Hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.1.1. Khái niệm hiến pháp

2.1.2. Vị trí của hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013

2.2.1. Chế độ chính trị

2.2.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

2.2.3. Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường

Bài 3: PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật lao động.

- Nhận biết được quyền, nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động và một số vấn đề cơ bản khác trong pháp luật lao động.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật lao động
- 2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật lao động
- 2.3. Một số nội dung của Bộ luật lao động
 - 2.3.1. Quyền và nghĩa vụ của người lao động
 - 2.3.2. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động
 - 2.3.3. Hợp đồng lao động
 - 2.3.4. Tiền lương
 - 2.3.5. Bảo hiểm xã hội
 - 2.3.6. Thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi
 - 2.3.7. Kỷ luật lao động
 - 2.3.8. Tranh chấp lao động
 - 2.3.9. Công đoàn

Bài 4: PHÁP LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về phòng, chống tham nhũng và các điểm chính của Luật Phòng, chống tham nhũng.
- Nhận thức đúng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân trong công tác phòng, chống tham nhũng.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm tham nhũng
- 2.2. Nguyên nhân, hậu quả của tham nhũng
- 2.3. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng
- 2.4. Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng
- 2.5. Giới thiệu Luật Phòng, chống tham nhũng

Bài 5: PHÁP LUẬT BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng.
- Nhận thức được trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Nội dung:

- 2.1. Quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng
- 2.2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phim, tranh ảnh minh họa các tình huống pháp luật, tài liệu phát tay cho học sinh, tài liệu tham khảo.
4. Các điều kiện khác: Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

- Việc đánh giá kết quả học tập của học sinh được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

- Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022.

Tài liệu tham khảo

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
2. Bộ Luật lao động, 2012.
3. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, 2010.
4. Luật Phòng, chống tham nhũng, 2005.
5. Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.
6. Quyết định số 1997/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng giai đoạn 2016 - 2020.
7. Chỉ thị số 10/CT- TTg ngày 12/06/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014.
8. Thông tư số 08/2014/TT-BLĐTĐBXH ngày 22/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình, giáo trình môn học Pháp luật dùng trong đào tạo trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Pháp luật đại cương, Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm, 2017.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật (Phê duyệt kèm theo Quyết

định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2014).

11. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Kinh tế - Luật: Giáo trình Luật Lao động, năm 2016.

12. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2018.

13. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.

14. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Lao động Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2018.

15. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2016.

16. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, năm 2017.

17. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, năm 2017./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

MÔN HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH THUỘC KHỐI CÁC MÔN HỌC CHUNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Giáo dục Quốc phòng và An ninh

Mã môn học: MH05

Thời gian thực hiện: 45 giờ (Lý thuyết: 21 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 21 giờ; Kiểm tra: 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí:

- Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trung cấp.

2. Tính chất:

- Chương trình môn học bao gồm những nội dung cơ bản về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự, rèn luyện kỹ năng quân sự, sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam.

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội.

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội; tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng của một số loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật cấp cứu chuyển thương.

2. Về kỹ năng:

- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay.

- Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.

- Xác định được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội.

- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị; kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh; cấp cứu chuyên thương.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Luôn có tinh thần cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh.

- Rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức, hình thành lối sống có kỷ luật, có ý thức tự giác và tác phong nhanh nhẹn trong các hoạt động.

- Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

| STT | Tên bài | Thời gian (giờ) | | | |
|-----|---|-----------------|-----------|---------------------|----------|
| | | Tổng số | Lý thuyết | Thực hành/thảo luận | Kiểm tra |
| 1 | Bài 1: Nhập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh | 2 | 2 | | |
| 2 | Bài 2: Phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam | 4 | 3 | 1 | |
| 3 | Bài 3: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên | 4 | 3 | 1 | |
| 4 | Bài 4: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia | 4 | 3 | 1 | |
| 5 | Bài 5: Một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo | 4 | 3 | 1 | |
| 6 | Bài 6: Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội | 4 | 3 | 1 | |
| 7 | Kiểm tra | 1 | | | 1 |
| 8 | Bài 7: Đội ngũ đơn vị | 4 | 1 | 3 | |

| | | | | | |
|-------------|--|-----------|-----------|-----------|----------|
| 9 | Bài 8: Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh | 10 | 2 | 8 | |
| 10 | Bài 9: Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương | 6 | 1 | 5 | |
| 11 | Kiểm tra | 2 | | | 2 |
| Cộng | | 45 | 21 | 21 | 3 |

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: NHẬP MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, điều kiện thực hiện, yêu cầu về kiểm tra đánh giá môn học; các yêu cầu tối thiểu về lễ tiết tác phong quân nhân cho học sinh môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh.

- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của học sinh trong học tập môn học, nhận thức được tầm quan trọng của công tác quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung:

2.1. Vị trí, tính chất, mục tiêu của môn học

2.2. Các nội dung chính

2.3. Một số yêu cầu cơ bản về lễ tiết tác phong quân nhân cho học sinh

2.4. Điều kiện thực hiện môn học

2.5. Tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập

Bài 2: PHÒNG CHỐNG CHIẾN LƯỢC “DIỄN BIẾN HÒA BÌNH”, BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH ĐỐI VỚI VIỆT NAM

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với các nước xã hội chủ nghĩa và Việt Nam.

- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung:

2.1: Chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội

- 2.1.1. Khái niệm chiến lược "Diễn biến hòa bình"
- 2.1.2. Khái niệm bạo loạn lật đổ
- 2.2. Chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam
 - 2.2.1. Âm mưu, thủ đoạn của chiến lược "Diễn biến hòa bình" đối với Việt Nam
 - 2.2.2. Bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá Việt Nam
- 2.3. Quan điểm và phương châm của Đảng, Nhà nước về phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ
 - 2.3.1. Quan điểm chỉ đạo
 - 2.3.2. Phương châm tiến hành
- 2.4. Những giải pháp phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay
 - 2.4.1. Nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, nắm chắc mọi diễn biến không để bị động và bất ngờ
 - 2.4.2. Đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế
 - 2.4.3. Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân
 - 2.4.4. Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh về mọi mặt
 - 2.4.5. Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương vững mạnh
 - 2.4.6. Xây dựng, luyện tập các phương án, các tình huống chống "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của địch
 - 2.4.7. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động
- 2.5. Thảo luận

Bài 3: XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ, LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên.
- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên.

2. Nội dung:

- 2.1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ
 - 2.1.1. Khái niệm, vị trí vai trò và nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ
 - 2.1.2. Nội dung xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

- 2.1.3. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trong giai đoạn hiện nay
- 2.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên
 - 2.2.1. Khái niệm, vị trí, vai trò xây dựng lực lượng dự bị động viên
 - 2.2.2. Những quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên
 - 2.2.3. Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên
 - 2.2.4. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dự bị động viên trong giai đoạn hiện nay
- 2.3. Thảo luận

Bài 4: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ, BIÊN GIỚI QUỐC GIA

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia, quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia.

- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia.

2. Nội dung:

2.1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia

2.1.1. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia

2.1.2. Chủ quyền biên giới quốc gia

2.2. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.3. Một số giải pháp cơ bản của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.4. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.5. Thảo luận

Bài 5: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được những nội dung chính về dân tộc, tôn giáo; vấn đề dân tộc, tôn giáo theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước hiện nay.

- Xác định rõ quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung:

- 2.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc
 - 2.1.1. Một số vấn đề chung về dân tộc
 - 2.1.2. Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam
- 2.2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo
 - 2.2.1. Một số vấn đề chung về tôn giáo
 - 2.2.2. Tình hình tôn giáo ở Việt Nam
- 2.3. Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam
 - 2.3.1. Quan điểm, chính sách về dân tộc của Đảng và Nhà nước
 - 2.3.2. Quan điểm, chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước
 - 2.3.3. Một số giải pháp nâng cao nhận thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc
- 2.4. Thảo luận

Bài 6: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM VÀ TỆ NẠN XÃ HỘI

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội.
- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội hiện nay.

2. Nội dung:

- 2.1. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm
 - 2.1.1. Khái niệm tội phạm và phòng chống tội phạm
 - 2.1.2. Nội dung nhiệm vụ hoạt động phòng chống tội phạm
 - 2.1.3. Chủ thể và nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm
 - 2.1.4. Phòng chống tội phạm trong nhà trường
- 2.2. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội
 - 2.2.1. Khái niệm, mục đích công tác phòng chống tệ nạn xã hội và đặc điểm đối tượng hoạt động tệ nạn xã hội
 - 2.2.2. Chủ trương, quan điểm và các quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội
 - 2.2.3. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong phòng chống tệ nạn xã hội
- 2.3. Thảo luận

Bài 7: ĐỘI NGŨ ĐƠN VỊ

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội.
- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội.

2. Nội dung:

2.1. Đội hình tiểu đội

2.1.1. Đội hình tiểu đội một hàng ngang

2.1.2. Đội hình tiểu đội hai hàng ngang

2.1.3. Đội hình tiểu đội một hàng dọc

2.1.4. Đội hình tiểu đội hai hàng dọc

2.2. Đội hình trung đội

2.2.1. Đội hình trung đội một hàng ngang

2.2.2. Đội hình trung đội hai hàng ngang

2.2.3. Đội hình trung đội ba hàng ngang

2.2.4. Đội hình trung đội một hàng dọc

2.2.5. Đội hình trung đội hai hàng dọc

2.2.6. Đội hình trung đội ba hàng dọc

2.3. Đổi hướng đội hình

2.3.1. Đổi hướng đội hình khi đứng tại chỗ

2.3.2. Đổi hướng đội hình trong khi đi

2.4. Thực hành

Bài 8: GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT SỬ DỤNG MỘT SỐ LOẠI VŨ KHÍ BỘ BINH

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tác dụng, tính năng chiến đấu, cấu tạo, chuyển động của một số loại vũ khí bộ binh.
- Thực hiện đúng động tác tháo lắp súng bộ binh và kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh.
- Có ý thức giữ gìn, bảo quản và sử dụng vũ khí bộ binh trong tập luyện và chiến đấu.

2. Nội dung:

2.1. Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh

2.1.1. Súng trường CKC

2.1.2. Súng tiểu liên AK

2.2. Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh

2.2.1. Kỹ thuật tháo và lắp súng tiểu liên AK và súng trường CKC

2.2.2. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và súng trường CKC

2.3. Thực hành

Bài 9: KỸ THUẬT CẤP CỨU VÀ CHUYỂN THƯƠNG

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về kỹ thuật cấp cứu, chuyển thương.
- Thực hiện đúng các bước cấp cứu, chuyển thương.

2. Nội dung:

- 2.1. Cầm máu tạm thời
 - 2.1.1. Mục đích
 - 2.1.2. Nguyên tắc cầm máu tạm thời
 - 2.1.3. Phân biệt các loại chảy máu
 - 2.1.4. Các biện pháp cầm máu tạm thời
- 2.2. Cố định tạm thời xương gãy
 - 2.2.1. Mục đích
 - 2.2.2. Nguyên tắc cố định tạm thời xương gãy
 - 2.2.3. Kỹ thuật cố định tạm thời xương gãy
- 2.3. Hô hấp nhân tạo
 - 2.3.1. Nguyên nhân gây ngạt thở
 - 2.3.2. Kỹ thuật cấp cứu ban đầu
 - 2.3.3. Tiến triển của việc cấp cứu ngạt thở
- 2.4. Kỹ thuật chuyển thương
 - 2.4.1. Mang vác bằng tay
 - 2.4.2. Chuyển nạn nhân bằng cáng
- 2.5. Thực hành

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Địa điểm học tập: Phòng học, thao trường, bãi tập và các địa điểm khác đáp ứng điều kiện thực hiện môn học.

2. Trang thiết bị:

2.1. Tài liệu: Giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh bậc trung cấp và các tài liệu tham khảo khác do Hiệu trưởng nhà trường quyết định theo quy định của pháp luật.

2.2. Tranh, phim ảnh:

- Sơ đồ tổ chức Quân đội và Công an.
- Kỹ thuật băng bó cấp cứu, chuyển thương
- Súng tiểu liên AK, súng trường CKC.
- Các tư thế, động tác bắn súng AK, CKC.
- Phim ảnh về giáo dục quốc phòng và an ninh.

2.3. Mô hình vũ khí:

- Mô hình súng AK-47, CKC.
- Mô hình súng tiểu liên AK-47, CKC luyện tập.

2.4. Máy bắn tập:

- Máy bắn MBT-03
- Thiết bị tạo tiếng nổ và lực giạt cho máy bắn tập MBT-03 TNAK-12
- Thiết bị theo dõi đường ngắm RDS-07

2.5. Thiết bị khác:

- Bao đạn
- Bộ bia (khung + mặt bia số 4)
- Giá đặt bia đa năng
- Kính kiểm tra đường ngắm
- Đồng tiền di động
- Mô hình đường đạn trong không khí
- Hộp dụng cụ huấn luyện
- Thiết bị tạo tiếng súng và tiếng nổ giả
- Dụng cụ băng bó cứu thương
- Cáng cứu thương
- Giá súng và bàn thao tác
- Tủ đựng súng và thiết bị

2.6. Trang phục:

- Trang phục giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục quốc phòng và an ninh:
- + Trang phục mùa hè
- + Trang phục dã chiến
- + Mũ Kêpi
- + Mũ cứng
- + Mũ mềm
- + Thắt lưng
- + Giày da
- + Tất sợi
- + Sao mũ Kêpi giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Nền cấp hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Nền phù hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Biểu tên
- + Ca vát

- Trang phục học sinh giáo dục quốc phòng và an ninh:

+ Trang phục hè

+ Mũ cứng

+ Mũ mềm

+ Giày vải

+ Tất sợi

+ Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh

+ Thắt lưng

+ Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh

3. Các điều kiện khác:

- Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy nội dung lý thuyết theo hình thức trực tuyến.

Tài liệu tham khảo:

1. Chỉ thị 12-CT/TW ngày 03/05/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.

2. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.

3. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.

4. Luật Biên giới quốc gia, 2004.

5. Luật nghĩa vụ quân sự, 2015.

6. Luật an ninh quốc gia, 2004.

7. Bộ luật hình sự, 2015.

8. Luật phòng chống tham nhũng, 2005; sửa đổi, bổ sung năm 2018.

9. Luật tín ngưỡng, tôn giáo, 2016.

10. Luật Quốc phòng, 2006; sửa đổi, bổ sung năm 2018.

11. Luật giáo dục quốc phòng và an ninh, 2013.

12. Luật biển Việt Nam, 2012.

13. Luật Dân quân tự vệ, 2009.

14. Luật phòng, chống ma túy, 2000, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

15. Pháp lệnh số 10/2003/PL-UBTVQH11 ngày 17/03/2003 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phòng, chống mại dâm.

16. Nghị định số 116/2006/NĐ-CP ngày 06/10/2006 của Chính phủ về động viên quốc phòng.

17. Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc.

18. Nghị định số 25/2014/NĐ-CP ngày 07/04/2014 quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao.

19. Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.

20. Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.

21. Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

22. Thông tư số 02/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung học phổ thông.

23. Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

24. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh tập 1, tập 2 dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, Nhà xuất bản Giáo dục 2007.

25. Học viện chính trị: Phòng, chống "diễn biến hòa bình" ở Việt Nam - những vấn đề lý luận và thực tiễn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2009.

26. Giáo trình Giáo dục an ninh - trật tự, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam 2012.

27. Điều lệnh quản lý bộ đội, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2011.

28. Sách dạy bắn súng tiểu liên AK, Cục quân huấn, BTTM, năm 1997./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC
MÔN HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT THUỘC KHỐI CÁC MÔN HỌC CHUNG
TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP
(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Giáo dục thể chất

Mã môn học: MH06

Thời gian thực hiện: 30 giờ (lý thuyết: 04 giờ; Thực hành: 24 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí:

- Môn học Giáo dục thể chất là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

2. Tính chất:

- Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về thể dục, thể thao; giúp học sinh tập luyện để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức:

- Trình bày được tác dụng, các kỹ thuật chính và một số quy định của luật môn thể dục thể thao được học để rèn luyện sức khỏe, phát triển thể lực chung.

2. Về kỹ năng:

- Tự tập luyện, rèn luyện đúng các yêu cầu về kỹ thuật, quy định của môn thể dục thể thao được học.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có ý thức tự giác và hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày để góp phần bảo đảm sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

| STT | Chương/bài | Thời gian (giờ) | | | |
|-------------|--|-----------------|-----------|-----------|----------|
| | | Tổng số | Lý thuyết | Thực hành | Kiểm tra |
| I | Bài mở đầu | 1 | 1 | | |
| II | Chương I: Giáo dục thể chất chung | | | | |
| 1 | Bài 1: Thể dục cơ bản | 6 | 1 | 5 | |
| 2 | Bài 2: Điền kinh | 8 | 1 | 7 | |
| 3 | Kiểm tra giáo dục thể chất chung | 1 | | | 1 |
| III | Chương II: Chuyên đề thể dục thể thao tự chọn (chọn 1 trong các chuyên đề sau) | 14 | 1 | 12 | 1 |
| 1 | Chuyên đề 1: Môn bơi lội | 14 | 1 | 12 | 1 |
| 2 | Chuyên đề 2: Môn cầu lông | 14 | 1 | 12 | 1 |
| 3 | Chuyên đề 3: Môn bóng chuyền | 14 | 1 | 12 | 1 |
| 4 | Chuyên đề 4: Môn bóng rổ | 14 | 1 | 12 | 1 |
| 5 | Chuyên đề 5: Môn bóng đá | 14 | 1 | 12 | 1 |
| 6 | Chuyên đề 6: Môn bóng bàn | 14 | 1 | 12 | 1 |
| 7 | Chuyên đề 7: Môn thể dục thể thao khác | 14 | 1 | 12 | 1 |
| Cộng | | 30 | 4 | 24 | 2 |

2. Nội dung chi tiết:

BÀI MỞ ĐẦU

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung:

2.1. Vị trí, tính chất môn học

2.2. Mục tiêu của môn học

2.3. Nội dung chính

2.4. Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập

Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG

Bài 1: THỂ DỤC CƠ BẢN

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản đối với bài thể dục tay không liên hoàn.
- Thực hiện được đúng động tác kỹ thuật của bài thể dục tay không liên hoàn.

2. Nội dung:

- 2.1. Giới thiệu về thể dục cơ bản
- 2.2. Thể dục tay không liên hoàn
 - 2.2.1. Tác dụng của thể dục tay không liên hoàn
 - 2.2.2. Các động tác kỹ thuật

Bài 2: ĐIỀN KINH

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản và một số nội dung trong Luật Điền kinh như: Chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình.
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật và bảo đảm các yêu cầu khác của môn điền kinh được học.

2. Nội dung:

- 2.1. Chạy cự ly ngắn
 - 2.1.1. Tác dụng của chạy cự ly ngắn
 - 2.1.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly ngắn
- 2.2. Chạy cự ly trung bình
 - 2.2.1. Tác dụng của chạy cự ly trung bình
 - 2.2.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly trung bình

Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN

(Chọn 1 trong các chuyên đề sau)

Chuyên đề 1: MÔN BƠI LỘI

Thời gian: 14 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật bơi.
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bơi lội.

2. Nội dung:

- 2.1. Tác dụng của môn Bơi lội
- 2.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.2.1. Làm quen với nước, phương pháp thở nước và thả nổi
 - 2.2.2. Động tác chân và tay
 - 2.2.3. Phối hợp tay - chân
 - 2.2.4. Phối hợp tay - chân - thở
- 2.3. Một số quy định của Luật bơi

Chuyên đề 2: MÔN CẦU LÔNG

Thời gian: 14 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Cầu lông.
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Cầu lông.

2. Nội dung:

- 2.1. Tác dụng của môn Cầu lông
- 2.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.2.1. Tư thế cơ bản và cách cầm vợt
 - 2.2.2. Các bước di chuyển (phải trái, trước, sau, chéo), bước đơn, kép, đệm
 - 2.2.3. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái cao tay
 - 2.2.4. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái thấp tay
 - 2.2.5. Kỹ thuật đánh cầu sát lưới và bỏ nhỏ
 - 2.2.6. Kỹ thuật phát cầu (thấp gần, cao sâu)
- 2.3. Một số quy định của Luật Cầu lông

Chuyên đề 3: MÔN BÓNG CHUYỀN

Thời gian: 14 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng chuyền
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng chuyền.

2. Nội dung:

- 2.1. Tác dụng của môn Bóng chuyền
- 2.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.2.1. Tư thế cơ bản, các bước di chuyển
 - 2.2.2. Kỹ thuật chuyền bóng cao tay cơ bản (chuyền bước 2)
 - 2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay cơ bản (chuyền bước 1)
 - 2.2.4. Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt
 - 2.2.5. Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt
- 2.3. Một số quy định của Luật Bóng chuyền

Chuyên đề 4: MÔN BÓNG RỔ

Thời gian: 14 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng rổ.
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng rổ.

2. Nội dung:

- 2.1. Tác dụng của môn Bóng rổ
- 2.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.2.1. Cách cầm bóng và tư thế chuẩn bị và di chuyển
 - 2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng
 - 2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng và bắt bóng hai tay trước ngực
 - 2.2.4. Kỹ thuật ném rổ bằng một tay trên vai
 - 2.2.5. Kỹ thuật hai bước ném rổ
- 2.3. Một số quy định của Luật Bóng rổ

Chuyên đề 5: MÔN BÓNG ĐÁ

Thời gian: 14 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng đá.
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng đá.

2. Nội dung:

- 2.1. Tác dụng của môn Bóng đá
- 2.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.2.1. Kỹ thuật di chuyển
 - 2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng
 - 2.2.3. Kỹ thuật giữ/khống chế bóng
 - 2.2.4. Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân
 - 2.2.5. Kỹ thuật đá biên hoặc ném biên
- 2.3. Một số quy định của Luật Bóng đá

Chuyên đề 6: MÔN BÓNG BÀN

Thời gian: 14 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng bàn.
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng bàn.

2. Nội dung:

- 2.1. Tác dụng của môn Bóng bàn
- 2.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.2.1. Cách cầm vợt và tư thế chuẩn bị và di chuyển
 - 2.2.2. Kỹ thuật giao bóng, đỡ giao bóng thuận tay và trái tay
 - 2.2.3. Kỹ thuật lúp bóng thuận tay và trái tay
 - 2.2.4. Kỹ thuật gò bóng thuận và trái tay
- 2.3. Một số quy định của Luật Bóng bàn

Chuyên đề 7: MÔN THỂ DỤC THỂ THAO KHÁC

Thời gian: 14 giờ

Căn cứ vào điều kiện thực tế và nhu cầu của học sinh, Hiệu trưởng nhà trường có thể xem xét, quyết định xây dựng và thực hiện các chuyên đề thể dục thể thao tự chọn khác như: Võ thuật, đẩy tạ, tennis, đá cầu...bảo đảm yêu cầu về mục tiêu, nội dung và thời lượng của chuyên đề thể dục thể thao.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Điều kiện chung: Nhà tập luyện/thi đấu đa năng; video/clip, tranh ảnh, máy chiếu, loa, đài, còi, cờ lệnh, đồng hồ bấm giờ; bàn, ghế; quần áo tập luyện, dụng cụ y tế.

2. Trang thiết bị

2.1. Đối với giáo dục thể chất chung:

- Thể dục cơ bản: Sân tập, còi, tranh động tác, thảm tập; dụng cụ tập như gậy, bóng, hoa; nhạc tập và các thiết bị khác.

- Điền kinh: Chạy cự ly ngắn và trung bình: Sân chạy, dụng cụ phát lệnh, bàn đạp xuất phát và các thiết bị khác.

2.2. Đối với chuyên đề thể dục thể thao tự chọn:

- Môn bơi lội: Hồ bơi, phao bơi, nón bơi, kính bơi và các thiết bị khác.

- Môn cầu lông: Sân cầu lông, bộ trụ; lưới, vợt, quả cầu lông, bảng lật tỷ số và các và các thiết bị khác.

- Môn bóng chuyền: Sân bóng chuyền; trụ, lưới, bóng chuyền; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác.

- Môn bóng rổ: Sân bóng rổ, trụ bóng rổ; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác.

- Môn bóng đá: Sân bóng đá, khung thành, bóng đá, thẻ phạt, bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác.

- Môn bóng bàn: Phòng tập; bàn, vợt, bóng, bảng lật tỷ số và các thiết bị khác.

3. Các điều kiện khác: Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đầu tư phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

- Việc đánh giá kết quả học tập của học sinh được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

- Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐT BXH ngày 30 tháng 3 năm 2022.

- Học sinh là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học cơ sở bắt buộc học toàn bộ chương trình môn học này. Học sinh đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho học sinh được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình trung học phổ thông.

Tài liệu tham khảo

1. Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 32/01/2015 của Chính phủ Quy định về Giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường.

2. Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025.

3. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Cầu lông, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2000.

4. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.

5. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Thể dục, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2009.

6. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà xuất bản Thể dục thể thao, năm 2006.

7. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Điền kinh (sách giáo khoa), năm 2006.

8. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng đá, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2007.

9. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.

10. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.

11. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng rổ, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.

12. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng đá, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2017.

13. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bơi lội (tập 1, tập 2), Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.

14. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2014.

15. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Điền kinh, năm 2016.

16. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2014.

17. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình thể dục (tập 1, tập 2) Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.

18. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.

19. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.

20. Luật các môn thể thao và các tài liệu tham khảo khác./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: **Kỹ năng giao tiếp**

Mã môn học: **MH07**

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 00 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học Kỹ năng giao tiếp thuộc môn học cơ sở ngành, nghề Công nghệ thông tin trong chương trình đào tạo trung cấp.

- Tính chất: Kỹ năng giao tiếp là môn học kỹ năng mềm, giúp cho người học nắm bắt được các kiến thức, kỹ năng cơ bản trong giao tiếp hàng ngày. Ngay trong quá trình học tập người học đã có thể vận dụng kiến thức môn học vào giải quyết các mục tiêu môn học. Sau khi học xong môn học người học vận dụng kiến thức môn học đã tích lũy vào trong các hoạt động khác của đời sống hàng ngày.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

+ Định nghĩa được khái niệm giao tiếp; xác định được vai trò của giao tiếp, các hình thức và phương tiện giao tiếp; nêu được các nguyên tắc giao tiếp và ý nghĩa của các nguyên tắc đó trong giao tiếp. Trình bày được một số kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống, cách thức giải quyết các xung đột khi gặp phải và khắc phục những trở ngại trong giao tiếp. Xác định được các kỹ năng giao tiếp cơ bản trong tìm kiếm việc làm và tại nơi làm việc.

- Về kỹ năng:

+ Có khả năng giao tiếp tốt để xây dựng một hình ảnh nghề nghiệp chuyên nghiệp đối với khách hàng.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có khả năng tự học, chủ động việc trong cập nhật các kiến thức của môn học.

+ Có tinh thần trách nhiệm trong các hoạt động học tập. Từ những kiến thức đã học, học sinh thấy rõ được vị trí vai trò của mình trong hoạt động nghề nghiệp.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

| Số TT | Tên chương, mục | Thời gian (giờ) | | | |
|-------|--|------------------|-----------|--------------------|----------|
| | | Tổng số | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập | Kiểm tra |
| 1 | Chương 1. Một số vấn đề khái quát về hoạt động giao tiếp. 1. Bản chất của giao tiếp | 10 | 10 | | |

| | | | | | |
|---|---|-----------|-----------|----------|----------|
| | 2. Một số đặc điểm cơ bản của tâm lý con người trong giao tiếp 3. Những trở ngại trong quá trình giao tiếp và Phương pháp khắc phục những trở ngại trong quá trình giao tiếp | | | | |
| 2 | Chương 2. Một số nghi thức giao tiếp cơ bản 1. Nghi thức gặp gỡ làm theo 2. Nghi thức xử sự trong giao tiếp 3. Nghi thức tổ chức tiếp xúc và chiêu đãi 4. Kỹ thuật diễn thuyết 5. Sử dụng các phương tiện thông tin liên lạc 6. Kỹ năng giao tiếp ứng xử với khách hàng Kiểm tra | 10 | 10 | | |
| 3 | Chương 3. Tập quán giao tiếp tiêu biểu trên thế giới 1. Tập quán giao tiếp theo tôn giáo 2. Tập quán giao tiếp theo vùng lãnh thổ | 10 | 9 | | 1 |
| | Cộng | 30 | 29 | 0 | 1 |

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Một số vấn đề khái quát về hoạt động giao tiếp

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Hiểu khái quát về hoạt động giao tiếp, bản chất giao tiếp, những trở ngại trong quá trình giao tiếp cũng như cách khắc phục của hoạt động giao tiếp.

2. Nội dung bài:

2.1. Bản chất của giao tiếp

2.2. Một số đặc điểm cơ bản của tâm lý con người trong giao tiếp

2.3. Những trở ngại trong quá trình giao tiếp và Phương pháp khắc phục những trở ngại trong quá trình giao tiếp

Chương 2: Một số nghi thức giao tiếp cơ bản

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Hiểu được một số nghi thức giao tiếp cơ bản như nghi thức gặp gỡ, xử sự, nghi thức tổ chức tiếp xúc và chiêu đãi, diễn thuyết, kỹ năng giao tiếp ứng xử với khách hàng.

2. Nội dung bài:

- 2.1. Nghi thức gặp gỡ làm theo
- 2.2. Nghi thức xử sự trong giao tiếp
- 2.3. Nghi thức tổ chức tiếp xúc và chiêu đãi
- 2.4. Kỹ thuật diễn thuyết
- 2.5. Sử dụng các phương tiện thông tin liên lạc
- 2.6. Kỹ năng giao tiếp ứng xử với khách hàng

Chương 3: Tập quán giao tiếp tiêu biểu trên thế giới

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Hiểu được tập quán giao tiếp của từng tôn giáo và của vùng lãnh thổ.

2. Nội dung bài:

- 2.1. Tập quán giao tiếp theo tôn giáo
- 2.1. Tập quán giao tiếp theo vùng lãnh thổ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

- Phòng học lý thuyết có máy chiếu.

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy tính
- Máy chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Bài giảng Kỹ năng giao tiếp
- Bài tập thực hành, thảo luận
- Bản phát tay của bài giảng điện tử

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung:

- Về kiến thức:
 - + Định nghĩa được khái niệm giao tiếp; xác định được vai trò của giao tiếp, các hình thức và phương tiện giao tiếp; nêu được các nguyên tắc giao tiếp và ý nghĩa của

các nguyên tắc đó trong giao tiếp. Trình bày được một số kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống, cách thức giải quyết các xung đột khi gặp phải và khắc phục những trở ngại trong giao tiếp. Xác định được các kỹ năng giao tiếp cơ bản trong tìm kiếm việc làm và tại nơi làm việc.

- Về kỹ năng:

+ Có khả năng giao tiếp tốt để xây dựng một hình ảnh nghề nghiệp chuyên nghiệp đối với khách hàng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực tự chủ và độc lập trong việc học tập và tự cập nhật những kiến thức mới.

2. Phương pháp: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra viết, trắc nghiệm và thực hành, thông qua những tiết thảo luận, báo cáo kết quả tự học.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Trung cấp ngành Công nghệ thông tin.

- Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Khi giảng dạy giáo viên sử dụng các học cụ trực quan, máy tính, máy chiếu, máy móc, dụng cụ chuyên ngành để mô tả nội dung bài học.

- Đối với người học: Cần nắm chắc kiến thức, làm bài tập và thảo luận ngay sau mỗi bài học lý thuyết.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Bài 2, 3

4. Tài liệu tham khảo

- Kỹ năng giao tiếp

- Đạo đức nghề nghiệp lưu hành nội bộ.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: **Cơ sở dữ liệu**

Mã môn học: MH08

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ: Lý thuyết: 15 giờ: Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 28 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Cơ sở dữ liệu là môn học cơ sở trong chương trình đào tạo trung cấp ngành, nghề Công nghệ thông tin.

- Tính chất: Cơ sở dữ liệu là một môn học không thể thiếu trong ngành Công nghệ thông tin. Nó giúp người học hiểu và ứng dụng vào việc tổ chức, quản lý và khai thác thông tin một cách hiệu quả. Việc nắm vững các kiến thức về cơ sở dữ liệu sẽ mở ra nhiều cơ hội nghề nghiệp hấp dẫn.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được các khái niệm cơ bản về CSDL như thuộc tính, khóa, các dạng chuẩn của cơ sở dữ liệu.

+ Áp dụng được để thực hiện các truy vấn trên CSDL.

+ Xây dựng được cơ sở dữ liệu ở dạng chuẩn 3NF cho bài toán thực tế.

- Về kỹ năng:

+ Xây dựng được các truy vấn bằng đại số quan hệ

+ Thành thạo các truy vấn trên CSDL bằng ngôn ngữ SQL.

+ Thành thạo các thao tác chuẩn hóa cơ sở dữ liệu về dạng 3NF.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có khả năng tự học, chủ động trong việc cập nhật các kiến thức của môn học.

+ Có tinh thần trách nhiệm trong các hoạt động học tập. Từ những kiến thức lập trình đòi hỏi độ chính xác cao giúp cho học sinh ý thức hơn và biết cách sắp xếp khoa học công việc học tập và các hoạt động trong đời sống.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

| Số TT | Tên bài, mục | Thời gian (giờ) | | | |
|-------|--|-----------------|-----------|--------------------|----------|
| | | Tổng số | Lý Thuyết | Thảo luận, bài tập | Kiểm tra |
| 1 | Chương 1: Nhập môn cơ sở dữ liệu 1. Khái niệm cơ bản 2. Mô hình dữ liệu | 3 | 3 | | |
| 2 | Chương 2: Mô hình dữ liệu quan hệ 1. Những khái niệm cơ bản 2. Các phép toán địa số quan hệ Bài tập | 5 | 2 | 3 | |
| 3 | Chương 3: Ngôn ngữ định nghĩa và thao tác dữ liệu 1. Khái niệm và phân loại các ngôn ngữ 2. Ngôn ngữ đại số quan hệ 2.1. Phép hợp 2.2. Phép Giao 2.3. Phép trừ 2.4. Tích đề các 2.5. Phép chiếu 2.6. phép chọn 2.7. Phép kết nối 2.8. Phép chia 3. Ngôn ngữ SQL 3.1. Tạo bảng 3.2. Khỏi Select 3.2.1. Cú pháp tổng quát 3.2.2. Tìm kiếm với điều kiện đơn giản 3.2.3. Tìm kiếm với điều kiện phức tạp Bài tập | 17 | 4 | 12 | 1 |

| | | | | | |
|-------------|---|-----------|-----------|-----------|----------|
| 4 | Chương 4: Lý thuyết thiết kế cơ sở dữ liệu 1. Những khái niệm cơ bản 2. Chuẩn hóa lược đồ quan hệ Bài tập | 13 | 3 | 9 | 1 |
| 5 | Chương 5: Tối ưu hóa câu hỏi 1. Chiến lược tối ưu hóa cơ bản 2. Chiến lược tối ưu hóa tổng quát 3. Tối ưu hóa mọi lớp các biểu thức quan hệ Bài tập | 7 | 3 | 4 | |
| Cộng | | 45 | 15 | 28 | 2 |

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1. Nhập môn cơ sở dữ liệu

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu:

- Hiểu các khái niệm cơ bản
- Mô tả được các mô hình cơ sở dữ liệu

2. Nội dung bài:

2.1. Khái niệm cơ bản

2.1.1. Kiến trúc của hệ cơ sở dữ liệu

2.1.2. Phân loại cơ sở dữ liệu

2.1.3. Ý nghĩa của việc xây dựng cơ sở dữ liệu

2.2. Mô hình dữ liệu

2.2.1. Khái niệm về thực thể - Liên kết thực thể

2.2.2. Các loại mô hình dữ liệu

Chương 2: Mô hình dữ liệu quan hệ

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các khái niệm cơ bản
- Hiểu các phép toán quan hệ
- Áp dụng các phép toán quan hệ giải quyết các bài tập

2. Nội dung bài:

2.1. Những khái niệm cơ bản

2.2. Các phép toán đại số quan hệ

Chương 3: Ngôn ngữ định nghĩa và thao tác dữ liệu

Thời gian: 17 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các khái niệm và phân loại được các ngôn ngữ
- Phân biệt được các phép toán và mô tả được hoạt động của chúng
- Áp dụng các ngôn ngữ đã học để xây dựng các câu truy vấn

2. Nội dung bài:

2.1. Khái niệm và phân loại các ngôn ngữ

2.2. Ngôn ngữ đại số quan hệ

2.2.1. Phép hợp

2.2.2. Phép giao

2.2.3. Phép trừ

2.2.4. Tích đề các

2.2.5. Phép chiếu

2.2.6. Phép chọn

2.2.7. Phép kết nối

2.2.8. Phép chia

2.3. Ngôn ngữ SQL

2.3.1. Tạo bảng

2.3.2. Khối Select

2.3.1.1. Cú pháp tổng quát

2.3.1.2. Tìm kiếm với điều kiện đơn giản

2.3.1.3. Tìm kiếm với điều kiện phức tạp

2.3.3. Các mệnh đề cập nhật dữ liệu

2.3.4. Các mệnh đề an toàn dữ liệu

Chương 4: Lý thuyết thiết kế cơ sở dữ liệu

Thời gian: 13 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm cơ bản
- Trình bày được phương pháp chuẩn hóa lược đồ quan hệ
- Áp dụng các kiến thức đã học giải các bài tập

2. Nội dung bài:

2.1. Những khái niệm cơ bản

2.2. Phụ thuộc hàm.

2.1.2. Hệ tiên đề phụ thuộc hàm

- 2.1.3. Phủ của tập phụ thuộc hàm
- 2.1.4. Bao động của tập các thuộc tính
- 2.1.5. Phép tách lược đồ quan hệ
- 2.2. Chuẩn hoá lược đồ quan hệ
- 2.2.1. Các dạng chuẩn của lược đồ quan hệ
- 2.2.2. Chuẩn hoá qua phép tách không mất mát thông tin

Chương 5: Tối ưu hoá câu hỏi

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm cơ bản
- Trình bày được phương pháp tối ưu hóa câu hỏi
- Áp dụng các kiến thức đã học giải các bài tập

2. Nội dung bài:

- 2.1. Chiến lược tối ưu hoá cơ bản
- 2.2. Chiến lược tối ưu hóa tổng quát
- 2.3..Tối ưu hoá một lớp các biểu thức quan hệ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

- Phòng học lý thuyết có máy chiếu.

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy tính
- Máy chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Bài giảng môn Cơ sở dữ liệu
- Bài tập thực hành

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày được các khái niệm cơ bản về CSDL như thuộc tính, khóa, các dạng chuẩn của cơ sở dữ liệu.
 - + Áp dụng được để thực hiện các truy vấn trên CSDL.
 - + Xây dựng được cơ sở dữ liệu ở dạng chuẩn 3NF cho bài toán thực tế.
- Về kỹ năng:
 - + Xây dựng được các truy vấn bằng đại số quan hệ

- + Thành thạo các truy vấn trên CSDL bằng ngôn ngữ SQL.
- + Thành thạo các thao tác chuẩn hóa cơ sở dữ liệu về dạng 3NF.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực tự chủ và độc lập giải quyết các yêu cầu trong các bài thực hành.

2, Phương pháp: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra viết, trắc nghiệm và bài tập, thông qua những tiết thảo luận, báo cáo kết quả tự học.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Trung cấp ngành Công nghệ thông tin.

- Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Khi giảng dạy giáo viên sử dụng các học cụ trực quan, máy tính, máy chiếu để mô tả nội dung bài học. Thực hiện cẩn thận, chính xác các thao tác.

- Đối với người học: Cần nắm chắc kiến thức, làm bài tập và thực hành ngay sau mỗi bài học lý thuyết.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Ngôn ngữ định nghĩa và thao tác dữ liệu
- Lý thuyết thiết kế cơ sở dữ liệu

4. Tài liệu tham khảo:

- [1]. Lê tiến Vượng - Nhập môn cơ sở dữ liệu - NXB Thống kê -1999;
- [2]. Tô Văn Nam - Giáo trình cơ sở dữ liệu - NXB Giáo dục - 2004;
- [3]. Nguyễn Tuệ - Nhập môn CSDL - Đại học quốc gia Hà nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: **Tin học văn phòng**

Mã môn đun: MĐ09

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ; (Lý thuyết: 25 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 32 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: : Soạn thảo văn bản là mô đun cơ sở trong chương trình đào tạo trung cấp ngành, nghề Công nghệ thông tin.

- Môn học được bố trí sau khi học sinh học xong các môn học chung

- Là Môn học cơ sở nghề bắt buộc trong chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm). Môn học được bố trí sau khi học sinh học xong các môn học chung.

- Tính chất: Là môn học, mô đun giúp người học có kỹ năng soạn thảo văn bản, là một kỹ năng mềm cần thiết đối với người làm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin. Việc nắm vững kỹ năng này sẽ giúp người học tự tin hơn trong công việc và giao tiếp.

II. Mục tiêu mô đun:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về tin học văn phòng;

+ Ghi nhớ các phương pháp: Thiết đặt môi trường làm việc tối ưu, định dạng nâng cao, tham chiếu và liên kết;

+ Hiểu khái niệm trường và phương pháp tạo các biểu mẫu;

+ Trình bày được phương pháp tạo văn bản trong chế độ cộng tác;

+ Trình bày được các phương pháp định dạng trang in và in văn bản.

- Hiểu được các cách nhập văn bản, căn chỉnh định dạng, tạo các hiệu ứng, tạo các liên kết cho các slide;

- Tạo được các chương trình trình chiếu sống động, diễn đạt ý tưởng một cách hiệu quả;

- Có tính sáng tạo, tỉ mỉ, cẩn thận trong công việc.

- Hiểu rõ cấu trúc bảng, các kiểu dữ liệu và các phép toán đối với các kiểu dữ liệu của bảng tính trong Excel;

- Hiểu được cú pháp, công dụng của các hàm trong Excel;

- Hiểu được cách tạo biểu đồ, cách sắp xếp, trích lọc dữ liệu;

- Thành thạo các thao tác tạo bảng, lưu trữ, nhập dữ liệu, định dạng bảng,...;

- Vận dụng được các hàm trong các bài tập phức tạp;

- Sắp xếp, trích lọc được dữ liệu theo một số yêu cầu có độ phức tạp cao;

- Tạo được các biểu đồ với nhiều kiểu dạng;

- Học sinh phải tích lũy đủ số giờ học theo quy định. Tham gia đầy đủ các giờ thực hành;

- Học sinh phải có được tính cẩn thận và sáng tạo khi thiết lập bảng tính.

- Về kỹ năng:

+ Sử dụng thành thạo các chức năng soạn thảo văn bản trên Microsoft Word;

+ Ứng dụng được các kỹ thuật để tạo lập được các mẫu văn bản điện tử một cách chuyên nghiệp.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có khả năng tự học, chủ động trong việc cập nhật các kiến thức của mô đun.

+ Có tinh thần trách nhiệm trong các hoạt động học tập. Từ những kiến thức đòi hỏi độ chính xác cao giúp cho học sinh ý thức hơn và biết cách sắp xếp khoa học công việc học tập và các hoạt động trong đời sống.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

| Số TT | Tên bài, mục | Thời gian (giờ) | | | |
|-------|---|-----------------|-----------|--------------------------------|----------|
| | | Tổng số | Lý thuyết | Thực hành, thí nghiệm, bài tập | Kiểm tra |
| I | MICROSFT POWER POINT | 20 | 8 | 11 | 1 |
| 1 | Bài 1. Làm quen với môi trường làm việc của Word Bài 2. Các thao tác cơ bản ban đầu trong Word | 5 | 2 | 3 | |
| 2 | Bài 3. Chèn các đối tượng Bài 4. Thiết lập, chỉnh sửa văn bản | 5 | 2 | 3 | |
| 3 | Bài 5. Cài đặt trong Word Bài 6. Các thao tác nâng cao trong Word | 5 | 2 | 3 | |
| 4 | Bài 7. Các tiện ích trong Word Bài 8. Bảo mật văn bản Word | 5 | 2 | 2 | 1 |

| | | | | | |
|-------------|---|-----------|-----------|-----------|----------|
| II | MICROSOFT EXCEL | 20 | 9 | 10 | 1 |
| 1 | Bài 1. Các hàm tính thường xuyên được sử dụng trên Excel Bài 2. Vẽ biểu đồ trên Excel | 8 | 4 | 4 | |
| 2 | Bài 3. Thao tác với ô tính, cột tính và bảng tính Bài 4. Một số thiết lập trong Excel | 7 | 3 | 4 | |
| 3 | Bài 5. Vấn đề bảo mật Bài 6. Vấn đề dữ liệu và nhập dữ liệu | 5 | 2 | 2 | 1 |
| III | MICROSFT POWER POINT | 20 | 8 | 11 | 1 |
| 1 | Bài 1. Giới thiệu và những thiết lập cơ bản Bài 2. Thêm Slide mới, chèn hình ảnh, video, audio Bài 3. Chèn Text, công thức toán và các ký tự đặc biệt | 5 | 2 | 3 | |
| 2 | Bài 4. Vẽ hình với công cụ Shape Bài 5. Sử dụng Slide Master | 5 | 2 | 3 | |
| 3 | Bài 6. Hiệu ứng chuyển Slide, hiệu ứng các đối tượng trong Slide Bài 7. Thiết lập liên kết và sử dụng Trigger | 5 | 2 | 3 | |
| 4 | Bài 8. Sử dụng Note trong trình chiếu Bài 9. Một số thao tác trình chiếu PowerPoint | 5 | 2 | 2 | 1 |
| Cộng | | 60 | 25 | 32 | 3 |

1. Nội dung chi tiết:

Bài 1. Làm quen với môi trường làm việc của Word

Bài 2. Các thao tác cơ bản ban đầu trong Word

Thời gian: 5 giờ

- 1.1. Các lệnh trên thanh công cụ Ribbon Microsoft Word 2016
- 1.2. Làm việc trên Word nhanh hơn bằng thanh công cụ nhanh
- 1.3. Thước Ruler - công cụ căn chỉnh lề trên Word
- 1.4. Hiện thị thanh cuộn ngang, dọc trên màn hình Word
- 1.5. Các phím tắt trong Microsoft Word
- 2.1. Các thao tác thiết lập văn bản nhanh chóng trên Word 2016
- 2.2. Hướng dẫn định dạng khổ giấy và đặt lề văn bản trong Word 2016
- 2.3. Tập hợp các cách sao chép, cắt, dán văn bản trong Word 2016
- 2.4. Hướng dẫn cách giãn chữ, giãn dòng, giãn đoạn trên văn bản Word
- 2.5. Hướng dẫn thêm hàng, cột vào bảng trong Microsoft Word
- 2.6. Cách chèn bảng, kẻ bảng trong Word 2016
- 2.7. Cách nhập và trình bày nội dung bảng biểu trong Word 2016
- 2.8. Cách chia cột đơn giản và nhanh chóng cho văn bản trong Word

Bài 3. Chèn các đối tượng

Bài 4. Thiết lập, chỉnh sửa văn bản

Thời gian: 5 giờ

- 3.1. Hướng dẫn chèn công thức toán học vào Microsoft Word
- 3.2. Hướng dẫn chèn link vào văn bản trong Word
- 3.3. Cách chèn hình ảnh vào bài viết trong Word 2016
- 3.4. Cách chèn Online Picture trên Word 2016
- 3.5. Smartart - công cụ chèn sơ đồ trong Word 2016
- 3.6. Cách chèn đối tượng đặc biệt trong Word 2016
- 3.7. Hướng dẫn chèn Text Box - khung văn bản trong Word 2016
- 3.8. Hướng dẫn cách chèn và chỉnh sửa biểu đồ trên Word 2016
- 3.9. Cách chèn ảnh, chèn chữ in mờ trên nền văn bản
- 3.10. Cách chèn định dạng ngày, giờ vào văn bản trong Word 2016
- 3.11. Cách chèn video online vào trong Word 2016

- 3.12. Chèn trang, ngắt trang và xóa trang nhanh chóng trên Word
- 4.1. Cách trình bày kí hiệu đầu đoạn đẹp mắt trong Word
- 4.2. Các kiểu thụt lề thường sử dụng trong văn bản Word
- 4.3. Cách nhập và trình bày nội dung bảng biểu trong Word 2016
- 4.4. Hướng dẫn các thao tác hiệu chỉnh bảng biểu trong Word 2016
- 4.5. Cách thao tác một đoạn văn bản để thu hút người nhìn trên Word 2016
- 4.6. Hướng dẫn định dạng khổ giấy và đặt lề văn bản trong Word 2016
- 4.7. Hướng dẫn căn lề chuẩn trong Microsoft Word
- 4.8. Các bước tạo đường viền, tạo khung đơn giản trên Word 2016
- 4.9. Hướng dẫn in bài trong Microsoft Word
- 4.10. Cách đánh số trang tự động cho văn bản dễ dàng trên Word

Bài 5. Cài đặt trong Word

Bài 6. Các thao tác nâng cao trong Word

Thời gian: 5 giờ

- 5.1. Hướng dẫn cài đặt mặc định viết hoa trong Microsoft Word
- 5.2. Hướng dẫn cài đặt font chữ mặc định trong Microsoft Word
- 5.3. Hướng dẫn tạo phím tắt trong Microsoft Word
- 5.4. Hướng dẫn tạo mục lục tự động trong Microsoft Word
- 5.5. Hướng dẫn thiết lập Font chữ chung cho văn bản trong Word 2016
- 5.6. Xóa gợn sóng, gạch chận màu đỏ dưới các dòng văn bản trong Word
- 5.7. Hướng dẫn cài đặt hình nền trong Microsoft Word
- 6.1. Tạo Bookmart điều hướng và di chuyển dễ dàng trên văn bản word
- 6.2. Hướng dẫn cách in Text bị ẩn trong word đơn giản
- 6.3. Tạo tiêu đề trang và chân trang
- 6.4. Cách tạo Shortcut cho tập tài liệu trong word đang làm việc dở dang
- 6.5. Cách vô hiệu hóa tính năng Screen Tip nhanh chóng trong word
- 6.6. Cách chèn File Word vào trong văn bản Word
- 6.7. Cách tạo Tab hay còn gọi là tạo dấu chấm (...) trong word
- 6.8. Các cách xóa bỏ đường dẫn Link khi copy tài liệu về word
- 6.9. Cách sao chép văn bản trong word đơn giản chỉ với hai nút bấm

- 6.10. Cách sao chép dữ liệu từ Excel sang Word mà vẫn giữ nguyên định dạng
- 6.11. Cách chuyển đổi văn bản thành bảng, bảng thành văn bản trong Word
- 6.12. Cách tạo khung viền cho báo cáo đề án, luận án tốt nghiệp ấn tượng nhất
- 6.13. Thủ thuật tách tất cả các ảnh trong văn bản Word ra File riêng
- 6.13. Cách in 2 mặt dễ dàng trong Word với tất cả các máy in

Bài 7. Các tiện ích trong Word

Bài 8. Bảo mật văn bản Word

Thời gian: 5 giờ

- 7.1. Tạo chữ nghệ thuật bằng WordArt trong Word 2016 nhanh chóng
- 7.2. Hướng dẫn chi tiết cách trộn thư trên Word ai cũng làm được
- 7.3. Tổng hợp các cách hỗ trợ đọc File định dạng đuôi DOCX trong Word
- 7.4. Cách tạo chữ cái lớn đầu dòng dễ dàng bằng Drop Cap
- 7.5. Cách làm giảm kích thước ảnh trong word vẫn giữ được độ nét
- 7.6. Cách làm mất màu nền khi copy tài liệu trên mạng về word
- 8.1. Cách tạo mật khẩu cho File PDF để bảo mật dữ liệu quan trọng
- 8.2. Hướng dẫn cách đặt mật khẩu cho tất cả các File văn bản trong Word
- 8.3. Cách lưu File văn bản trong word dưới dạng hình ảnh
- 8.4. Cách ẩn/hiện những đoạn văn bản quan trọng trong word

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH:

- Máy móc, dụng cụ và trang thiết bị:
 - + Phòng thực hành tin học và trang thiết bị liên quan;
 - + Máy tính, máy chiếu;
 - + Phần mềm Microsoft Word.
- Học liệu:
 - + Giáo trình lý thuyết, giáo án, bài giảng, đề cương môn học;
 - + Các bài tập thực hành.

V. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ:

- Phương pháp đánh giá:
 - + Trắc nghiệm lý thuyết.
 - + Thực hành: đánh giá các bài tập, bài thực hành thông qua sản phẩm trên máy và kỹ năng thao tác.
- Kiến thức:
 - + Mức độ tiếp thu của học sinh về cách sử dụng công cụ được cung cấp bởi phần mềm MS-Word.

- + Mức độ thành thạo trong thao tác thực hiện.
- Kỹ năng:
 - + Khả năng soạn thảo, định dạng, in ấn văn bản tiếng Việt, tiếng Anh;
 - + Khả năng tạo các trình chiếu sinh động, đạt ý tưởng.
- Công cụ đánh giá:
 - + Hệ thống ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm về lý thuyết;
 - + Bài thực hành ứng dụng.

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1. Các hàm tính thường xuyên được sử dụng trên Excel

Bài 2. Vẽ biểu đồ trên Excel

Thời gian: 8 giờ

- 1.1. Các hàm cơ bản thường dùng trong Excel
- 1.2. Hàm COUNTIFS - hàm đếm chứa nhiều điều kiện
- 1.3. Xem ngày tháng năm hiện tại bằng hàm TODAY trong Excel
- 1.4. Một số hàm tính tiền tích lũy và khấu hao tài sản trong Excel
- 1.5. Hàm tính tiền lãi và khấu hao trong Excel
- 1.6. Các hàm về phân bố trong Excel
- 1.7. Hàm tính độ lệch chuẩn, xác suất và khấu hao trong Excel
- 1.8. Tổng hợp một số hàm về thời gian trong Excel
- 2.1. Giới thiệu các dạng biểu đồ trong Excel 2016
- 2.2. Vẽ biểu đồ trong Excel
- 2.3. Vẽ biểu đồ hình tròn trong Excel 2016
- 2.4. Cách vẽ biểu đồ đường biểu diễn trong Excel 2016

Bài 3. Thao tác với ô tính, cột tính và bảng tính

Bài 4. Một số thiết lập trong Excel

Thời gian: 3 giờ

- 3.1. Thao tác đơn giản với hàng, cột trong Excel
- 3.2. Cách tạo bảng và chỉnh sửa bảng trong Excel 2016 nhanh chóng
- 3.3. Cách gộp ô nhanh chóng trong Excel
- 3.4. Kiểm tra dữ liệu nhập vào của một ô trong Excel 2016
- 3.5. Cách chuyển dòng thành cột và ngược lại trong Excel 2016
- 3.6. Cách thay đổi màu cho ô theo giá trị trong Excel

- 3.7. Cách tạo chú thích cho ô trong Excel
- 3.8. Tách dữ liệu từ một cột thành hai cột trên Excel
- 3.9. Phân biệt nhanh các dòng trong Excel bằng cách tô màu xen kẽ
- 3.10. Cách xuống dòng trong ô tính Excel vô cùng đơn giản
- 4.1. Hướng dẫn tạo Hyperlink trong Excel
- 4.2. Hướng dẫn tạo List danh sách trong Excel 2016
- 4.3. Cách thiết lập thời gian để Excel tự động lưu, tránh mất mát dữ liệu
- 4.4. Hướng dẫn thiết lập Font chữ và kích thước chữ mặc định trong Excel
- 4.5. Hướng dẫn thêm nút Up Down cho Excel 2016

Bài 5. Vấn đề bảo mật

Bài 6. Vấn đề dữ liệu và nhập dữ liệu

Thời gian: 2 giờ

- 5.1. Đặt mật khẩu cho Sheet
- 5.2. Đặt và phá bỏ mật khẩu trong Excel 2016
- 5.3. Ẩn, hiện Sheet trong Excel 2016
- 5.4. Cách ẩn công thức trong bảng tính Excel
- 6.1. Cách nhập và hiệu chỉnh dữ liệu trong Excel
- 6.2. Cách sắp xếp và lọc dữ liệu trong Excel
- 6.3. Cách sắp xếp dữ liệu trong Excel
- 6.4. Nhập dữ liệu nhanh chóng bằng chức năng Auto Correct
- 6.5. Hướng dẫn lọc dữ liệu trùng lặp trong Excel

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH:

- Học liệu:
 - + Giáo trình lý thuyết, giáo án, bài giảng, đề cương môn học;
 - + Các bài tập thực hành;
 - + Bộ ngân hàng các câu hỏi trắc nghiệm và lý thuyết.
- Dụng cụ và trang thiết bị:
 - + Phòng thực hành tin học và trang thiết bị liên quan;
 - + Máy tính, máy chiếu, máy in;
 - + Phần mềm Microsoft Excel;

V. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ:

- Phương pháp đánh giá:
 - + Trắc nghiệm;

- + Thực hành trên máy tính.
- Kiến thức:
 - + Mức độ tiếp thu của học sinh về khái niệm, ý nghĩa, cách sử dụng các lệnh;
 - + Mức độ thành thạo trong thao tác xử lý.
- Kỹ năng:
 - + Khả năng tạo lập, xử lý dữ liệu;
 - + Khả năng vận dụng các hàm trong các bài tập phức tạp;
 - + Khả năng khắc phục, hiệu chỉnh.
- Công cụ đánh giá:
 - + Hệ thống ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm;
 - + Hệ thống ngân hàng bài thực hành.

VI. HƯỚNG DẪN CHƯƠNG TRÌNH :

1. Phạm vi áp dụng chương trình :

– Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho học nghề Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) và làm tài liệu tham khảo cho các học sinh/sinh viên các ngành khác.

2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy môn học :

– Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy;

– Nêu vấn đề, phân tích, hướng dẫn các bước.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý:

- Cách sử dụng các hàm cơ bản;
- Cơ sở dữ liệu trong Excel.

3. Nội dung chi tiết:

Bài 1. Giới thiệu và những thiết lập cơ bản

Bài 2. Thêm Slide mới, chèn hình ảnh, video, audio

Bài 3. Chèn Text, công thức toán và các ký tự đặc biệt

Thời gian: 5 giờ

- 1.1. Màn hình khởi động
- 1.2. Lựa chọn Slide Size cho Presentation
- 1.3. Sử dụng thanh công cụ truy cập nhanh
- 1.4. Sử dụng hiển thị tùy chọn Ribbon
- 2.1. Thêm hoặc xóa Slide trong Presentation
- 2.2. Chèn và chỉnh sửa hình ảnh
- 2.3. Chèn Video, audio

Bài 4. Vẽ hình với công cụ Shape

Bài 5. Sử dụng Slide Master

Thời gian: 5 giờ

4.1. Cách vẽ hình

4.2. Sử dụng các định dạng trong tab Format của Draw Tool

5.1. cách sử dụng chế độ Slide Master

+ Thay đổi hình nền

+ Sắp xếp lại Placeholder

+ Tùy chỉnh định dạng văn bản

+ Tạo bố cục Slide độc đáo

Bài 6. Hiệu ứng chuyển Slide, hiệu ứng các đối tượng trong Slide

Bài 7. Thiết lập liên kết và sử dụng Trigger

Thời gian: 5 giờ

6.1. Hiệu ứng chuyển Slide

6.2. Hiệu ứng cho các đối tượng trong Slide

7.1. Liên kết đến một trang Web

7.2. Liên kết đến một chương trình trong máy tính

7.3. Liên kết đến File PowerPoint

7.4. Liên kết trong nội bộ Presentation

7.5. Sử dụng Trigger trong Slide

Bài 8. Sử dụng Note trong trình chiếu

Bài 9. Một số thao tác trình chiếu PowerPoint

Thời gian: 5 giờ

9.1. Mở nội dung trình chiếu của Presenter

9.2. Các thao tác khi trình chiếu

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH:

- Máy móc, dụng cụ và trang thiết bị:
 - + Phòng thực hành tin học và trang thiết bị liên quan;
 - + Máy tính, máy chiếu;
 - + Phần mềm Microsoft PowerPoint.
- Học liệu:

- + Giáo trình lý thuyết, giáo án, bài giảng, đề cương môn học;
- + Các bài tập thực hành.
- +

V. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ:

- Phương pháp đánh giá:
 - + Trắc nghiệm lý thuyết.
 - + Thực hành: đánh giá các bài tập, bài thực hành thông qua sản phẩm trên máy và kỹ năng thao tác.
- Kiến thức:
 - + Mức độ tiếp thu của học sinh về cách sử dụng công cụ được cung cấp bởi phần mềm MS-PowerPoint.
 - + Mức độ thành thạo trong thao tác thực hiện.
- Kỹ năng:
 - + Khả năng tạo các trình chiếu sinh động, đạt ý tưởng.
- Công cụ đánh giá:
 - + Hệ thống ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm về lý thuyết;
 - + Bài thực hành ứng dụng.

VI. HƯỚNG DẪN CHƯƠNG TRÌNH:

1. Phạm vi áp dụng chương trình:

- Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho học sinh trình độ nghề Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) và làm tài liệu tham khảo cho các học sinh/sinh viên các ngành liên quan.

2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy môn học:

- Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy;
- Nêu vấn đề, phân tích, hướng dẫn mẫu.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý:

- Phương pháp nhập, tạo hiệu ứng trình chiếu Slide;
- Các bài thực hành ứng dụng.

4. Tài liệu cần tham khảo:

- Bùi Thế Tâm, *Sử dụng Microsoft Office*, Nhà xuất bản Giao thông vận tải, 2018;
- Bùi Thế Tâm, *Tin học văn phòng*, Nhà xuất bản Giao thông vận tải, 2018;
- Nguyễn Lê Minh Đức Hùng, *Tin học văn phòng*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, 2017;
- Nguyễn Đình Tê, *Lý thuyết và thực hành Tin văn phòng*, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội, 2018

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC THỰC HÀNH

Tên môn học thực hành: **Lập trình cơ bản**

Mã môn học thực hành: MH10

Thời gian thực hiện: 60 giờ, (Lý thuyết: 25 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 32 giờ; Kiểm tra: 03 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học thực hành:

- Vị trí: Là môn học thực hành lập trình cơ bản thuộc môn học cơ sở ngành, nghề Công nghệ thông tin trong chương trình đào tạo trung cấp.

- Tính chất: Môn học thực hành Lập trình cơ bản giúp người học nắm vững kiến thức và kỹ năng lập trình, ghi nhớ được các kiểu dữ liệu, các phép toán, phương pháp tổ chức dưới dạng hàm và các thao tác cơ bản với tệp một cách hiệu quả.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

+ Hiểu được các khái niệm cơ bản trong lập trình

+ Hiểu các cấu trúc lập trình cơ bản và vận dụng các cấu trúc này trong các bài tập thực hành.

+ Hiểu rõ các kiểu dữ liệu có cấu trúc.

+ Biết các nguyên tắc xây dựng và sử dụng hàm

- Về kỹ năng:

+ Thao tác tốt trong môi trường lập trình C

+ Vận dụng thành thạo cấu trúc chương trình C để lập trình giải quyết các bài toán đơn giản.

+ Vận dụng được những kiến thức đã học trong các bài lập trình thực tế.

+ Biết cách phát hiện lỗi và sửa lỗi trong lập trình.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có khả năng tự học, chủ động trong việc cập nhật các kiến thức của môn học.

+ Có tinh thần trách nhiệm trong các hoạt động học tập. Từ những kiến thức lập trình đòi hỏi độ chính xác cao giúp cho học sinh ý thức

Hon và biết cách sắp xếp khoa học công việc học tập và các hoạt động trong đời sống.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

| Số TT | Tên bài, mục | Thời gian (giờ) | | | |
|-------|---|-----------------|-----------|--------------------------------|----------|
| | | Tổng số | Lý thuyết | Thực hành, thí nghiệm, bài tập | Kiểm tra |
| 1 | Chương 1: Tổng quan ngôn ngữ lập trình 1. Mục tiêu 2. Nội dung 2.1. Giới thiệu các khái niệm cơ bản về lập trình 2.2. Giới thiệu về lịch sử phát triển và ứng dụng của ngôn ngữ lập trình 2.3. Làm quen môi trường phát triển phần mềm 2.4. Sử dụng sự trợ giúp từ help file về cú pháp lệnh, về cú pháp hàm, các chương trình mẫu | 10 | 5 | 5 | |
| 2 | Chương 2: Các thành phần cơ bản của ngôn ngữ lập trình - Giới thiệu 1. Mục tiêu 2. Nội dung 2.1. Hệ thống từ khóa và kí hiệu được dùng trong ngôn ngữ lập trình 2.2. Các kiểu dữ liệu cơ bản: kiểu số, ký tự, chuỗi 2.3. Hằng, biến, hàm, các phép toán và biểu thức 2.4. Các lệnh, khối lệnh 2.5. Thực thi chương trình, nhập dữ liệu, nhận kết quả | 10 | 5 | 5 | |
| 3 | Chương 3: Các cấu trúc điều khiển 1. Mục tiêu 2. Nội dung | 12 | 5 | 6 | 1 |

| | | | | | |
|---|---|----|---|---|---|
| | <p>2.1. Khái niệm về lệnh cấu trúc</p> <p>2.2. Các lệnh cấu trúc lựa chọn</p> <p>2.3. Các câu lệnh lặp</p> <p>2.4. Các lệnh chuyển điều kiện</p> <p>2.5. Kết hợp các cấu trúc điều khiển trong chương trình</p> <p>2.6. Kiểm tra</p> <p>Bài tập</p> | | | | |
| 4 | <p>Chương 4: Hàm và thủ tục</p> <p>1. Mục tiêu</p> <p>2. Nội dung</p> <p>2.1. Khái niệm chương trình con</p> <p>2.2. Cấu trúc chương trình có sử dụng chương trình con</p> <p>2.3. Các hàm và thủ tục trong ngôn ngữ lập trình</p> <p>2.4. Tham trị và tham biến</p> <p>2.5. Biến toàn cục và biến địa phương</p> <p>Bài tập</p> | 10 | 4 | 6 | |
| 5 | <p>Chương 5: Dữ liệu kiểu tập hợp, mảng và bảng ghi</p> <p>1. Mục tiêu</p> <p>2. Nội dung</p> <p>2.1. Kiểu tập hợp, các phép toán trên tập hợp</p> <p>2.2. Khái niệm mảng, khai báo mảng, gán giá trị</p> <p>2.3. Mảng nhiều chiều</p> <p>2.4. Kiểu bản ghi</p> <p>2.5. Kiểm tra</p> <p>Bài tập</p> | 10 | 4 | 5 | 1 |
| 6 | <p>Chương 6: Dữ liệu kiểu chuỗi</p> <p>1. Mục tiêu</p> <p>2. Nội dung</p> <p>2.1. Khai báo và các phép toán</p> <p>2.2. Nhập, xuất chuỗi</p> | 8 | 2 | 5 | 1 |

| | | | | |
|---------------------------------|-----------|-----------|-----------|----------|
| 2.3. Các hàm làm việc với chuỗi | | | | |
| 2.4 Kiểm tra | | | | |
| Bài tập | | | | |
| Tài liệu tham khảo | | | | |
| Cộng | 60 | 25 | 32 | 3 |

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Tổng quan ngôn ngữ lập trình

Thời gian: 10 giờ

Giới thiệu: Bài này nhằm giới thiệu cho học sinh những kiến thức tổng quan về ngôn ngữ lập trình. Cách thao tác và làm quen với ngôn ngữ lập trình. Đơn cử trong giáo trình này sử dụng ngôn ngữ lập trình căn bản C

1. Mục tiêu

- Trình bày được các khái niệm về lập trình;
- Trình bày được lịch sử phát triển, ứng dụng của ngôn ngữ lập trình;
- Làm quen môi trường phát triển phần mềm;
- Sử dụng được hệ thống trợ giúp từ help file;
- Thực hiện các thao tác an toàn với máy tính.

2. Nội dung chương:

2.1. Giới thiệu các khái niệm cơ bản về lập trình

2.2. Giới thiệu lịch sử phát triển và ứng dụng của ngôn ngữ lập trình

2.3. Làm quen môi trường phát triển phần mềm

2.4. Sử dụng sự trợ giúp từ help file về cú pháp hàm, các chương trình mẫu

Chương 2: Các thành phần cơ bản của ngôn ngữ lập trình

Thời gian: 10 giờ

Giới thiệu: Mỗi ngôn ngữ lập trình thường có ba thành phần cơ bản: bảng chữ cái, cú pháp và ngữ nghĩa.

1. Mục tiêu:

- Trình bày và sử dụng được hệ thống kí hiệu và từ khóa;
- Mô tả được các kiểu dữ liệu;
- Trình bày được và vận dụng được các loại biến, hằng biểu thức cho từng chương trình cụ thể;
- So sánh được các lệnh, khối lệnh;
- Thực hiện được việc chạy chương trình;

- Thực hiện các thao tác an toàn với máy tính.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Hệ thống từ khóa và kí hiệu được dùng trong ngôn ngữ lập trình
- 2.2. Các kiểu dữ liệu cơ bản: Kiểu số, Ký tự, chuỗi
- 2.3. Hằng biến, hàm, các phép toán và biểu thức
- 2.4. Các lệnh, khối lệnh
- 2.5. Thực thi chương trình, nhập dữ liệu, nhận kết quả

Chương 3: Các cấu trúc điều kiện

Thời gian: 12 giờ

Giới thiệu: Một chương trình bao gồm nhiều câu lệnh. Thông thường các câu lệnh được thực hiện một cách lần lượt theo thứ tự mà chúng được viết ra. Các cấu trúc điều khiển cho phép thay đổi trật tự nói trên, do đó máy có thể nhảy thực hiện một câu lệnh khác ở một vị trí trước hoặc sau câu lệnh hiện thời.

Xét về mặt công dụng, có thể chia các cấu trúc điều khiển thành các nhóm chính:

- Nhảy không có điều kiện.
- Rẽ nhánh.
- Tổ chức chu trình.
- Ngoài ra còn một số toán tử khác có chức năng hỗ trợ như break, continue.

1. Mục tiêu:

- Trình bày được lệnh có cấu trúc;
- Vận dụng được các lệnh cấu trúc: cấu trúc lựa chọn, cấu trúc lặp xác định và lặp vô định;
- Vận dụng được các lệnh bẻ vòng lặp;
- Thực hiện các thao tác an toàn với máy tính.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Khái niệm về lệnh cấu trúc
- 2.2. Các lệnh cấu trúc lựa chọn
- 2.3. Các câu lệnh lặp
- 2.4. Các lệnh chuyển điều khiển
- 2.5. Kết hợp các cấu trúc điều khiển trong chương trình
- 2.6. Kiểm tra

Bài tập

Chương 4: Hàm và Thủ tục

Thời gian: 10 giờ

Giới thiệu: Hàm và thủ tục là một trong những cấu trúc cực kỳ quan trọng trong lập trình. Việc sử dụng hàm và thủ tục trong lập trình sẽ diễn ra rất thường xuyên. Vì vậy nắm, hiểu “hàm và thủ tục là gì? cách khai báo và sử dụng hàm trong C” sẽ đóng vai trò then chốt trong việc học lập trình của bạn. Vậy thì bây giờ, chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu vấn đề này nhé.

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm hàm, thủ tục;
- Trình bày được qui tắc xây dựng hàm, thủ tục và vận dụng được khi thiết kế xây dựng chương trình;
- Phân biệt được cách sử dụng tham số, tham biến;
- Sử dụng được các lệnh kết thúc và lấy giá trị trả về của hàm;
- Thực hiện các thao tác an toàn với máy tính

2. Nội dung chương:

2.1. Khái niệm chương trình con

2.2. Cấu trúc chương trình có sử dụng chương trình con

2.3. Các hàm và thủ tục trong ngôn ngữ lập trình

2.4. Tham trị và tham biến

2.5. Biến toàn cục và biến địa phương

Chương 5: Dữ liệu kiểu tập hợp và bản ghi

Thời gian: 10 giờ

Giới thiệu: Trong khi làm việc với bất kỳ ngôn ngữ lập trình nào, bạn cần sử dụng các kiểu biến đa dạng để lưu giữ thông tin. Các biến, không gì khác ngoài các vị trí bộ nhớ được dành riêng để lưu giá trị. Nghĩa là, khi bạn tạo một biến, bạn dành riêng một số không gian trong bộ nhớ cho biến đó.

Bạn có thể thích lưu thông tin của các kiểu dữ liệu (Data Type) đa dạng như Character, Wide Character, integer, floating-point, double floating point, Boolean,... Dựa trên kiểu dữ liệu của một biến, hệ thống sẽ cấp phát bộ nhớ và quyết định những gì có thể được lưu giữ trong bộ nhớ dành riêng đó

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm tập hợp, mảng và bản ghi;
- Thực hiện cách khai báo, gán giá trị cho tập hợp, mảng, bản ghi;
- Thực hiện các phép toán trên tập hợp, mảng và bản ghi;
- Thực hiện các thao tác an toàn với máy tính.

2. Nội dung chương:

2.1. Kiểu tập hợp, các phép toán trên tập hợp

- 2.2. Khái niệm mảng, khai báo mảng, gán giá trị
 - 2.3. Mảng nhiều chiều
 - 2.4. Kiểu bản ghi
 - 2.5. Kiểm tra
- Bài tập

Chương 6: Dữ liệu kiểu chuỗi

Thời gian: 8 giờ

Giới thiệu: Chuỗi được xem như là một mảng 1 chiều gồm các phần tử có kiểu char như ký tự, con số và bất cứ ký tự đặc biệt như +, -, *, /, \$, #, ... Theo quy ước, một chuỗi sẽ được kết thúc bởi ký tự null ('\0' : kí tự rỗng còn được gọi là ký tự NULL trong bảng mã ASCII).

Các hằng chuỗi ký tự được đặt trong cặp dấu nháy kép "".

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm dữ liệu kiểu chuỗi kí tự ;
- Biết sử dụng dữ liệu kiểu chuỗi trong chương trình;
- Áp dụng được các phép toán trên chuỗi;
- Vận dụng được các hàm xử lý chuỗi để xử lý;
- Thực hiện các thao tác an toàn với máy tính.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Khai báo và các phép toán
- 2.2. Nhập và xuất chuỗi
- 2.3. Các hàm làm việc với chuỗi
- 2.4. Kiểm tra

Bài tập

IV. Điều kiện thực hiện môn học thực hành:

- 1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:
 - Phòng học lý thuyết có máy chiếu,
 - Phòng thực hành tin học có cài đặt phần mềm C.
- 2. Trang thiết bị máy móc:
 - Máy tính
 - Máy chiếu
 - Đĩa phần mềm C
- 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:
 - Bài giảng ngôn ngữ lập trình cơ bản
 - Bài tập thực hành
 - Bản phát tay của bài giảng điện tử
- 4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Về kiến thức đạt được các yêu cầu sau:
 - + Hiểu các khái niệm cơ bản liên quan đến lập trình.
 - + Nhớ được các kiểu dữ liệu, các phép toán trong ngôn ngữ lập trình C
 - + Ghi nhớ được phương pháp tổ chức chương trình dưới dạng hàm
 - + Hiểu được cú pháp và cách hoạt động của các cấu trúc lập trình cơ bản
 - + Nhớ được cú pháp khai báo mảng, danh sách và các quy định khi tạo tác với mảng và danh sách.
- + Hiểu các khái niệm về tệp và các thao tác cơ bản với tệp
- Về kỹ năng: Đánh giá kỹ năng thực hành của các học sinh trong bài thực hành đạt được các yêu cầu sau:
 - + Lập trình giải quyết các bài toán cơ bản liên quan đến cấu trúc lập trình.
 - + Tổ chức được các chương trình dưới dạng hàm
 - + Lập trình giải quyết được các bài toán với cấu trúc dữ liệu mảng, danh sách, tệp tin.
 - + Biết phát hiện và sửa chữa một số lỗi cơ bản.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực tự chủ động và độc lập lập trình giải quyết một số bài toán cơ bản.

2. Phương pháp đánh giá: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra viết, trắc nghiệm và UPS Hanh, thông qua những tiết thảo luận, báo cáo kết quả tự học.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học thực hành:

1. Phạm vi áp dụng môn học thực hành:

Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ trung cấp ngành, nghề Công nghệ thông tin.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học thực hành:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Khi giảng dạy giáo viên sử dụng các học cụ trực quan, máy tính, máy chiếu để mô tả nội dung bài học. Thực hiện cẩn thận, chính xác các thao tác.

- Đối với người học: Cần nắm chắc kiến thức, làm bài tập và thực hành ngay sau mỗi bài học lý thuyết.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Cấu trúc cơ bản của chương trình C
- Các thao tác với mảng, danh sách và các quy định khi tạo tác với mảng và danh sách và tệp.

4. Tài liệu tham khảo:

[1]. Tiêu Kim Cương - Giáo trình ngôn ngữ lập trình C - Nhà xuất bản Giáo dục năm 2006

[2]. Phạm Văn Ất - Giáo trình ngôn ngữ lập trình C - Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật năm 2004

[3]. Quách Tuấn Ngọc. NXB Thống kê tái bản.

[4]. Các trang web, diễn đàn về lập trình C

[5]. Trang web Vietjack.com

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: **Cấu trúc dữ liệu và giải thuật**

Mã môn học: MH11

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 30 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Là môn học cơ sở ngành, nghề công nghệ thông tin trong chương trình đào tạo trung cấp.

- Tính chất: Cấu trúc dữ liệu và giải thuật là một trong những môn học nền tảng và quan trọng nhất trong ngành Công nghệ thông tin. Nó đóng vai trò như một chiếc cầu nối, kết nối lý thuyết với thực tiễn, giúp các lập trình viên giải quyết các vấn đề phức tạp một cách hiệu quả.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

+ Hiểu được ý tưởng và phương pháp cài đặt các thuật toán phổ biến trong tin học như sắp xếp, tìm kiếm...

+ Trình bày được những kiến thức liên quan đến danh sách tuyến tính STACK, QUEUE....

- Về kỹ năng:

+ Xây dựng và cài đặt được các thuật toán trên máy tính.

+ Lựa chọn được các cấu trúc dữ liệu phù hợp với bài toán trong thực tế.

+ Áp dụng cài đặt được các thuật toán vào các bài toán cụ thể.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có khả năng tự học, chủ động trong việc cập nhật các kiến thức của môn học.

+ Có tinh thần trách nhiệm trong các hoạt động học tập. Từ những kiến thức lập trình đòi hỏi độ chính xác cao giúp cho sinh viên ý thức hơn và biết cách sắp xếp khoa học công việc học tập và các hoạt động trong đời sống.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

| Số TT | Tên bài, mục | Thời gian (giờ) | | | |
|-------------|--|-----------------|-----------|--------------------|----------|
| | | Tổng Số | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập | Kiểm tra |
| 1 | Chương 1: Thuật toán và phân tích 1. Thuật toán và cấu trúc dữ liệu 2. Các phương pháp biểu diễn thuật toán | 5 | 2 | 3 | |
| 2 | Chương 2: Thuật toán sắp xếp 1. Bài toán sắp xếp 2. Một số phương pháp sắp xếp cơ bản Thực hành | 20 | 10 | 9 | 1 |
| 3 | Chương 3: Thuật toán tìm kiếm 1 Bài toán tìm kiếm 2. Tìm kiếm trên dãy chưa sắp xếp 3. Tìm kiếm trên dãy đã sắp xếp Thực hành | 20 | 10 | 9 | 1 |
| | Chương 4. Danh sách tuyến tính 1. Khái niệm danh sách tuyến tính 2. Danh sách tuyến tính kiểu ngăn xếp STACK 3. Danh sách tuyến tính kiểu hàng đợi Queue Thực hành | 15 | 6 | 9 | |
| Cộng | | 60 | 28 | 30 | 2 |

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1. Thuật toán và phân tích thuật toán

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

- Hiểu các khái niệm cơ bản
- Trình bày được phương pháp hiểu diễn thuật toán
- Vận dụng các phương pháp đã học để biểu diễn thuật toán

2. Nội dung bài:

2.1. Thuật toán và cấu trúc dữ liệu

2.1.1. Khái niệm thuật toán

2.1.2. Độ phức tạp của thuật toán

2.1.3. Cấu trúc dữ liệu

2.2. Các phương pháp biểu diễn thuật toán

2.2.1. Phương pháp liệt kê

2.2.2. Sử dụng lưu đồ

2.2.3. Sử dụng ngôn ngữ tựa

Chương 2. Thuật toán sắp xếp

Thời gian: 20 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được ý tưởng của các thuật toán sắp xếp đã học
- Mô tả được hoạt động của thuật toán trên một bộ dữ liệu mẫu
- Áp dụng các thuật toán đã học vào các bài toán lập trình

2. Nội dung bài:

2.1. Bài toán sắp xếp

2.2. Một số phương pháp sắp xếp cơ bản

2.2.1. Thuật toán sắp xếp chọn

2.2.2. Thuật toán sắp xếp chèn

2.2.3. Thuật toán sắp xếp nổi bọt

Chương 3: Thuật toán tìm kiếm

Thời gian: 20 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được ý tưởng của các thuật toán tìm kiếm đã học
- Mô tả được hoạt động của thuật toán trên một bộ dữ liệu mẫu
- Áp dụng các thuật toán đã học vào các bài toán lập trình

2. Nội dung bài:

2.1. Bài toán tìm kiếm

2.2. Tìm kiếm trên dãy chưa sắp xếp

- 2.2.1. Tìm kiếm tuần tự
- 2.2.2. Tìm kiếm tuần tự có cải tiến
- 2.3. Tìm kiếm trên dãy đã sắp xếp
- 2.3.1. Tìm kiếm tuần tự
- 2.3.2. Tìm kiếm nhị phân

Chương 4: Danh sách tuyến tính

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm danh sách tuyến tính
- Mô tả cấu trúc và các thao tác của các loại danh sách đã học
- Áp dụng các cấu trúc đã học vào các bài toán lập trình

2. Nội dung bài:

- 2.1. Khái niệm danh sách tuyến tính
- 2.2. Danh sách tuyến tính kiểu ngăn xếp STACK
- 2.3. Danh sách tuyến tính kiểu hàng đợi Queue

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

- Phòng học lý thuyết có máy chiếu.
- Phòng thực hành tin học có cài đặt phần mềm C.

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy tính
- Máy chiếu
- Đĩa phần mềm C

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Bài giảng môn Cấu trúc dữ liệu và giải thuật
- Bài tập thực hành

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Về kiến thức đạt được các yêu cầu sau:
 - + Hiểu được ý tưởng và phương pháp cài đặt các thuật toán phổ biến trong tin học như sắp xếp, tìm kiếm...
 - + Trình bày được những kiến thức liên quan đến danh sách tuyến tính STACK, QUEUE...
- Về kỹ năng: Đánh giá kỹ năng thực hành của học viên trong bài thực hành đạt được các yêu cầu sau:
 - + Xây dựng và cài đặt được các thuật toán trên máy tính.

- + Lựa chọn được các cấu trúc dữ liệu phù hợp với bài toán trong thực tế.
- + Áp dụng cài đặt được các thuật toán vào các bài toán cụ thể.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực tự chủ và độc lập giải quyết các yêu cầu trong các bài thực hành.

2. Phương pháp: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra viết, trắc nghiệm và thực hành, thông qua những tiết thảo luận, báo cáo kết quả tự học.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Trung cấp ngành Công nghệ thông tin.

- Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Khi giảng dạy giáo viên sử dụng các học cụ trực quan, máy tính, máy chiếu để mô tả nội dung bài học. Thực hiện cẩn thận, chính xác các thao tác.

- Đối với người học: Cần nắm chắc kiến thức, làm bài tập và thực hành ngay sau mỗi bài học lý thuyết.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Phương pháp để diễn tả giải thuật.
- Ý tưởng và giải thuật của các thuật toán sắp xếp và tìm kiếm
- Cấu trúc của danh sách tuyến tính

4. Tài liệu tham khảo:

[1]. PGS.TS. Đỗ Xuân Lôi - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật - 2007 - NXB Đại học quốc gia Hà Nội

[2]. Đinh Mạnh Tường - Cấu trúc dữ liệu - NXB giáo dục 2006

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: **Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin**

Mã môn học: MH12

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 42 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

- Vị trí: Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin là môn học chuyên môn nghề trong chương trình giáo dục trung cấp nghề Công nghệ thông tin, môn học được bố trí sau khi học môn Cơ sở dữ liệu.

- Tính chất: Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin là một trong những môn học quan trọng nhằm cung cấp các kiến thức về dữ liệu, thông tin, hệ thống thông tin.

II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức:

+ Có hiểu biết cơ bản về các khái niệm: dữ liệu, thông tin, hệ thống, hệ thống thông tin.

+ Nhận biết cơ bản được các thành phần có trong biểu đồ: ngữ cảnh, luồng dữ liệu.

- Kỹ năng:

+ Xây dựng được biểu đồ: ngữ cảnh, chức năng và biểu đồ phân rã chức năng cho một hệ thống đã được mô tả.

+ Xây dựng được biểu đồ luồng dữ liệu các mức cho một hệ thống thông qua bài toán đã được mô tả, mô hình dữ liệu logic cho bài toán được mô tả trước.

+ Thiết kế được một số giao diện đơn giản cho hệ thống và cài đặt một hệ thống thông tin hoàn chỉnh.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Yêu cầu tính độc lập trong thực hiện bài tập

+ Làm bài kiểm tra và thi hết môn

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

| Số TT | Tên bài, mục | Thời gian (giờ) | | | |
|-------|--|-----------------|-----------|--------------------|----------|
| | | Tổng số | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập | Kiểm tra |
| 1 | Chương 1. Phương pháp luận phát triển hệ thống 1. Khái niệm về hệ thống thông tin 2. Tiến hóa của cách tiếp cận phát triển HTTT 3. Vòng đời phát triển HTTT 4. Các phương pháp khác nhau phát triển HTTT 5. Hệ thống thông tin xây dựng thành công 6. Sơ đồ tổng quát quá trình phân tích thiết kế HTTT | 2 | 1 | 1 | |
| 2 | Chương 2. Khảo sát hiện trạng xác định yêu cầu hệ thống 1. Khảo sát thu thập thông tin của hệ thống 2. Các phương pháp truyền thống xác định yêu cầu 3. Phương pháp hiện đại để xác định yêu cầu 4. Các khái niệm sử dụng trong khảo sát 5. Các bước thực hiện sau khảo sát 6. Kiểm tra | 10 | 2 | 7 | 1 |
| 3 | Chương 3. Mô hình nghiệp vụ của hệ thống 1. Khái niệm mô hình nghiệp vụ 2. Biểu đồ phân rã chức năng và các biểu đồ phân rã chức năng 3. Xác định phạm vi hệ thống 4. Ví dụ | 10 | 3 | 7 | |

| | | | | | |
|-------------|--|-----------|-----------|-----------|----------|
| 4 | Chương 4. Mô hình hóa quá trình xử lý 1. Mô hình hóa tiến trình nghiệp vụ 2. Biểu đồ luồng dữ liệu 3. Phát triển các biểu đồ luồng dữ liệu của một ứng dụng 4. Sử dụng biểu đồ luồng để phân tích 5. Kiểm tra | 15 | 3 | 11 | 1 |
| 5 | Chương 5. Mô hình dữ liệu quan niệm 1. Khái niệm về mô hình dữ liệu quan niệm 2. Khái niệm và ký pháp của mô hình E-R 3. Mô hình hóa các trường hợp mở rộng 4. Biểu diễn các quy tắc nghiệp vụ 5. Các bước xây dựng một mô hình dữ liệu quan niệm Ví dụ | 10 | 3 | 7 | |
| 6 | Chương 6. Thiết kế mô hình dữ liệu logic 1. Nội dung thiết kế mô hình dữ liệu logic 2. Các loại mô hình cơ sở dữ liệu logic 3. Mô hình dữ liệu quan hệ 4. Xây dựng mô hình dữ liệu logic 5. Quy trình thiết kế mô hình dữ liệu logic 6. Ví dụ tổng thể 7. Kiểm tra | 13 | 3 | 9 | 1 |
| Cộng | | 60 | 15 | 42 | 3 |

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1. Phương pháp luận phát triển hệ thống

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu:

- Hiểu về dữ liệu, thông tin, hệ thống thông tin, vòng đời phát triển của một hệ thống thông tin

2. Nội dung bài:

- 2.1. Khái niệm về hệ thống thông tin
- 2.2. Tiến hóa của cách tiếp cận phát triển HTTT
- 2.3. Vòng đời phát triển HTTT
- 2.4. Các phương pháp khác nhau phát triển HTTT
- 2.5. Hệ thống thông tin xây dựng thành công
- 2.6. Sơ đồ tổng quát quá trình phân tích thiết kế HTTT

Chương 2. Khảo sát hiện trạng xác định yêu cầu hệ thống

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Nắm được các bước và các công việc cần làm của quá trình khảo sát hiện trạng.

2. Nội dung bài:

- 2.1. Khảo sát thu thập thông tin của hệ thống
- 2.2. Các phương pháp truyền thống xác định yêu cầu
- 2.3. Phương pháp hiện đại để xác định yêu cầu
- 2.4. Các khái niệm sử dụng trong khảo sát
- 2.5. Các bước thực hiện sau khảo sát

Chương 3: Mô hình nghiệp vụ của hệ thống

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Hiểu thế nào là mô hình nghiệp vụ
- Vẽ được biểu đồ phân các chức năng của một hệ thống thông tin

2. Nội dung bài:

- 2.1. Khái niệm mô hình nghiệp vụ
- 2.2. Biểu đồ phân rã chức năng và các biểu đồ phân rã chức năng
- 2.3. Xác định phạm vi hệ thống
- 2.4. Ví dụ

Chương 4: Mô hình hóa quá trình xử lý

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu:

- Xác định được các thành phần trong biểu đồ luồng dữ liệu
- Xây dựng các mô hình luồng dữ liệu: mức ngữ cảnh, mức đỉnh và dưới đỉnh.

2. Nội dung bài:

- 4.1. Mô hình hóa tiến trình nghiệp vụ
- 4.2. Biểu đồ luồng dữ liệu
- 4.3. Phát triển các biểu đồ luồng dữ liệu của một ứng dụng
- 4.4. Sử dụng biểu đồ luồng để phân tích
- 4.5. Kiểm tra

Chương 5. Mô hình dữ liệu quan niệm

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Hiểu về các chuẩn trong CSDL
- Xây dựng được mô hình dữ liệu quan niệm

2. Nội dung bài:

- 5.1. Khái niệm về mô hình dữ liệu quan niệm
- 5.2. Khái niệm và ký pháp của mô hình E-R
- 5.3. Mô hình hóa các trường hợp mở rộng
- 5.4. Biểu diễn các quy tắc nghiệp vụ
- 5.5. Các bước xây dựng một mô hình dữ liệu quan niệm
- 5.6. Ví dụ tổng thể

Chương 6. Thiết kế mô hình dữ liệu logic

Thời gian: 13 giờ

1. Mục tiêu:

- Trang bị kiến thức về mô hình dữ liệu mức logic

2. Nội dung bài:

- 6.1. Nội dung thiết kế mô hình dữ liệu logic
- 6.2. Các loại mô hình cơ sở dữ liệu logic
- 6.3. Mô hình dữ liệu quan hệ
- 6.4. Xây dựng mô hình dữ liệu logic
- 6.5. Quy trình thiết kế mô hình dữ liệu logic
- 6.6. Ví dụ tổng thể
- 6.7. Kiểm tra

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:
 - Phòng học lý thuyết có máy chiếu.
 - Phòng thực hành có đủ máy tính hoạt động tốt
2. Trang thiết bị máy móc:
 - Máy tính
 - Máy chiếu
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:
 - Bài giảng môn Phân tích thiết kế hệ thống
 - Bài tập thực hành
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức:
 - + Nắm bắt được thế nào là dữ liệu, hệ thống thông tin. Các phương pháp để phân tích và thiết kế một hệ thống thông tin
 - + Trình bày được các bước thiết kế dữ liệu logic cho hệ thống
- Về kỹ năng:
 - + Phân biệt được các thành phần trong biểu đồ luồng dữ liệu
 - + Biết cách Vẽ biểu đồ phân cấp chức năng, biểu đồ luồng. Xây dựng được biểu đồ dữ liệu quan niệm
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực tự chủ và độc lập giải quyết các yêu cầu trong các bài thực hành.

2. Phương pháp: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra viết, trắc nghiệm và bài tập, thông qua những tiết thực hành.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Trung cấp ngành Công nghệ thông tin.

- Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Khi giảng dạy giáo viên sử dụng các học cụ trực quan, máy tính, máy chiếu để mô tả nội dung bài học. Thực hiện cẩn thận, chính xác các thao tác.

- Đối với người học: Cần nắm chắc kiến thức, làm bài tập và thực hành ngay sau mỗi bài học lý thuyết.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Mô hình nghiệp vụ của hệ thống
- Mô hình hóa quá trình xử lý
- Mô hình dữ liệu quan niệm

4. Tài liệu tham khảo:

[1]. Đinh Thế Hiển, Phân tích thiết kế hệ thống, NXB Thống kê.

[2] Phạm Minh Tuấn, Hướng dẫn phân tích thiết kế hệ thống, NXB Giáo dục.

[3] PGS. TS. Hàn Viết Thuận, Phân tích thiết kế hệ thống thông tin, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân.

[4] TS Trương Văn Tú - TS. Trần Thị Song Minh. Giáo trình Hệ thống thông tin quản lý. NXB Thống kê - 2012

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học **Mạng máy tính**

Mã môn học: **MD13**

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 42 giờ; Kiểm tra: 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Mạng máy tính là môn học cần thiết thuộc nhóm các môn học đào tạo ngành, nghề Công nghệ thông tin.

- Tính chất: Môn Mạng máy tính có nội dung được sử dụng rộng rãi trong các lĩnh vực của doanh nghiệp như chia sẻ tài nguyên, tối ưu hóa các kết nối của các thiết bị mạng nội bộ trong doanh nghiệp.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Trình bày được các khái niệm cơ bản về mạng máy tính, đặc điểm và nguyên lý hoạt động của các thiết bị mạng, hiểu được quy trình thiết kế một mạng nội bộ đơn giản.

- Về kỹ năng:

+ Mô tả được đặc điểm và nguyên lý hoạt động của các thiết bị mạng LAN.

+ Thiết kế được một mạng nội bộ đơn giản.

+ Triển khai lắp đặt máy tính và các thiết bị mạng

+ Cài đặt và cấu hình các phần mềm dịch vụ cho máy chủ và các máy trạm

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có khả năng tự học, chủ động trong việc cập nhật các kiến thức của môn học.

+ Có tinh thần trách nhiệm trong các hoạt động học tập. Từ những kiến thức đòi hỏi độ chính xác giúp cho học viên ý thức và biết cách sắp xếp khoa học công việc học tập và các hoạt động trong đời sống.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

| Số TT | Tên bài, mục | Thời gian (giờ) | | | |
|-------|--|-----------------|-----------|--------------------|----------|
| | | Tổng số | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập | Kiểm tra |
| 1 | Chương 1: TỔNG QUAN VỀ CÔNG NGHỆ MẠNG MÁY TÍNH 1. lịch sử mạng máy tính 2. Giới thiệu chung về mạng 2.1. Mạng thông tin và mạng ứng dụng 2.2. Mô hình điện toán mạng 2.2.1. Sự cần thiết phải có mô hình truyền thông 3. Đặc trưng cơ bản của mạng máy tính 3.1. Đường truyền 3.2. Kỹ thuật chuyển mạch | 4 | 4 | | |

| | | | | | |
|---|---|----|---|----|---|
| | <p>3.3. Kiến trúc mạng</p> <p>3.4. Hệ điều hành mạng</p> <p>4. Phân loại mạng máy tính</p> <p>4.1. mạng cục bộ LAN (Local Area Network)</p> <p>4.2. Mạng đô thị MAN (Metropolitan Area Network)</p> <p>4.3. Mạng diện rộng WAN (Wide Area Network)</p> <p>4.4. Phân biệt giữa mạng cục bộ và mạng diện rộng</p> <p>Câu hỏi ôn tập</p> | | | | |
| 2 | <p>Chương 2: MÔ HÌNH THAM CHIẾU OSI</p> <p>1. Mô hình tham chiếu OSI</p> <p>2. Các giao thức trong mô hình OSI</p> <p>2.1. Khái niệm giao thức (protocol)</p> <p>2.2. Các tổ chức định chuẩn</p> <p>2.3. Mô hình OSI</p> <p>3. Chức năng của các lớp trong mô hình tham chiếu OSI</p> <p>Câu hỏi ôn tập</p> | 4 | 3 | | 1 |
| 3 | <p>Chương 3: KỸ THUẬT MẠNG CỤC BỘ</p> <p>1. Cơ bản về truyền thông</p> <p>1.1. Khái niệm</p> <p>1.2. Tần số truyền thông</p> <p>1.3. Các đặc tính của phương tiện truyền dẫn</p> <p>1.4. Các kiểu truyền dẫn</p> <p>2. Vật tải truyền</p> <p>2.1. Vật tải hữu tuyến</p> <p>2.2. Vật tải vô tuyến</p> <p>3. Thiết bị mạng</p> <p>3.1. Card mạng (NIC hay Adapter)</p> <p>3.2. Card mạng dùng cáp điện thoại</p> <p>3.3. Modem</p> <p>3.4. Hub (Bộ tập trung)</p> <p>3.5. Switch</p> <p>3.6. Wireless Access Point</p> <p>3.7. Repeater (Bộ tiếp sức)</p> <p>3.8. Bridge (Cầu nối)</p> <p>3.9. Router (Bộ tìm đường)</p> <p>3.10. Gateway (Cổng nối)</p> <p>4. Kỹ thuật mạng Ethernet</p> <p>4.1. Ethernet là gì?</p> | 14 | 2 | 12 | |

| | | | | | |
|---|---|----|---|----|---|
| | <p>4.2. Chuẩn 10Base2</p> <p>4.3. Chuẩn 10Base5</p> <p>4.4. Chuẩn 10BaseT</p> <p>4.5. Chuẩn 10BaseFL</p> <p>4.6. Chuẩn 100VG – AnyLAN</p> <p>4.7. Chuẩn 100BaseX</p> <p>Câu hỏi ôn tập</p> <p>Kiểm tra</p> | | | | |
| 4 | <p>Chương 4: CÁC BỘ GIAO THỨC</p> <p>1. Giới thiệu TCP/IP</p> <p>2. Các mô hình và giao thức</p> <p>2.1. Giao thức IP</p> <p>2.2. Một số giao thức điều khiển</p> <p>2.3. Giao thức lớp chuyển tải (Transport Layer)</p> <p>2.4. NetWare IPX/SPX</p> <p>3. Địa chỉ Ipv4 và Subnet Mask</p> <p>3.1. Giao thức Internet</p> <p>3.2. Cách biểu diễn địa chỉ</p> <p>3.3 Phân lớp địa chỉ</p> <p>3.4. Mạng riêng</p> <p>3.5. Đánh địa chỉ liên kết cục bộ</p> <p>3.6. Localhost</p> <p>3.7. Địa chỉ Broadcast và địa chỉ Default route</p> <p>3.8. Giải pháp tên miền</p> <p>3.9. Nguy cơ hết địa chỉ</p> <p>3.10. Giải pháp NAT</p> <p>4. Phân chia mạng con</p> <p>4.1. Sự cần thiết của việc chia mạng con</p> <p>4.2. Lợi ích của việc chia mạng con</p> <p>4.3. Mặt nạ mạng con</p> <p>4.4. mặt nạ mạng con tùy biến</p> <p>4.5. Quản trị địa chỉ IP</p> <p>4.6. Chọn mặt nạ mạng con</p> <p>4.7. Tính số các thiết bị trên mỗi mạng con</p> <p>4.8. Gán địa chỉ mạng con</p> <p>4.9. Gán địa chỉ thiết bị</p> <p>Câu hỏi ôn tập</p> | 14 | 2 | 11 | 1 |
| 5 | <p>Chương 5: GIỚI THIỆU VỀ HỆ ĐIỀU HÀNH MẠNG WINDOWS SERVER</p> <p>1. Cài đặt hệ điều hành mạng</p> <p>1.1. Hệ điều hành mạng Windows SERVER</p> | 13 | 2 | 11 | |

| | | | | | |
|-------------|---|-----------|-----------|-----------|----------|
| | <p>1.2. Cấu trúc của hệ điều hành Windows server</p> <p>1.3. Cài đặt Windows Server trên máy chủ</p> <p>1.4. Cài đặt trên các máy trạm</p> <p>1.5. Nâng cấp máy Stand Alone thành máy Domain Controlle và cài đặt Active Directory, DNS</p> <p>2. Quản lý tài khoản người dùng</p> <p>3. Bảo vệ dữ liệu</p> <p>3.1. Cơ chế bảo mật (SRM – Security Reference Monitor)</p> <p>3.2. Quản lý nhập/ xuất (I/O Manager)</p> <p>3.3. I/O Manager</p> <p>3.4. Các cơ chế bảo vệ dữ liệu trong Windows SERVER</p> <p>Câu hỏi ôn tập</p> | | | | |
| 6 | <p>Chương 6: CÔNG NGHỆ WLAN VÀ ADSL</p> <p>1. Công nghệ WLAN</p> <p>1.1. Lịch sử ra đời</p> <p>1.2. Các mô hình WLAN</p> <p>2. Thiết lập mạng WLAN</p> <p>2.1. WLAN là gì?</p> <p>2.2. Mạng không dây là gì</p> <p>2.3. Lịch sử ra đời</p> <p>2.4. Ưu điểm của mạng không dây</p> <p>2.5. Cấu hình mạng WLAN</p> <p>2.6. Kết nối Wi-Fi</p> <p>3. Công nghệ ADSL</p> <p>4. Cấu hình Router ADSL và WLAN</p> <p>4.1. Cấu hình Router ADSL</p> <p>4.2. Cấu hình Router WLAN</p> <p>Bài tập về thiết kế, xây dựng mạng WLAN Kiểm tra</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> | 11 | 2 | 8 | 1 |
| Cộng | | 60 | 15 | 42 | 3 |

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1. Tổng quan về công nghệ mạng máy tính

Thời gian: 04 giờ

Giới thiệu: Với sự phát triển của khoa học và kỹ thuật, hiện nay các mạng máy tính đã phát triển một cách nhanh chóng và đa dạng cả về quy mô, hệ điều hành và ứng dụng. Do vậy việc nghiên cứu chúng ngày càng trở nên phức tạp. Tuy nhiên các mạng máy tính cũng có cùng các điểm chung thông qua đó chúng ta có thể đánh giá và phân loại chúng.

1. Mục tiêu:

- Trình bày được sự hình thành và phát triển của mạng máy tính;
- Mô tả được các đặc trưng cơ bản của mạng máy tính;
- Phân loại và xác định được các kiểu thiết kế mạng máy tính thông dụng

2. Nội dung bài:

1. lịch sử mạng máy tính
 2. Giới thiệu chung về mạng
 - 2.1. Mạng thông tin và mạng ứng dụng
 - 2.2. Mô hình điện toán mạng
 - 2.2.1. Sự cần thiết phải có mô hình truyền thông
 3. Đặc trưng cơ bản của mạng máy tính
 - 3.1. Đường truyền
 - 3.2. Kỹ thuật chuyển mạch
 - 3.3. Kiến trúc mạng
 - 3.4. Hệ điều hành mạng
 4. Phân loại mạng máy tính
 - 4.1. mạng cục bộ LAN (Local Area Network)
 - 4.2. Mạng đô thị MAN (Metropolitan Area Network)
 - 4.3. Mạng diện rộng WAN (Wide Area Network)
 - 4.4. Phân biệt giữa mạng cục bộ và mạng diện rộng
- Câu hỏi ôn tập

Chương 2. Mô hình tham chiếu OSI

Thời gian: 04 giờ

Giới thiệu: Mô hình OSI là một thiết kế dựa vào nguyên lý tầng cấp, lý giải một cách trừu tượng kỹ thuật kết nối truyền thông giữa các máy vi tính và thiết kế giao thức mạng giữa chúng. Mô hình này được phát triển thành một phần trong kế hoạch Kết nối các hệ thống mở (Open Systems Interconnection) do ISO và IUT-T khởi xướng. Nó còn được gọi là Mô hình bảy tầng của OSI.

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm và cấu trúc của các lớp trong mô hình OSI;
- Trình bày được nguyên tắc hoạt động và chức năng từng lớp trong mô hình

2. Nội dung bài:

1. Mô hình tham chiếu OSI
2. Các giao thức trong mô hình OSI
 - 2.1. Khái niệm giao thức (protocol)
 - 2.2. Các tổ chức định chuẩn
 - 2.3. Mô hình OSI
3. Chức năng của các lớp trong mô hình tham chiếu OSI

Câu hỏi ôn tập

Kiểm tra

Chương 3. Kỹ thuật mạng cục bộ

Thời gian: 14 giờ

Giới thiệu: Về nguyên tắc mọi topology của mạng máy tính nói chung đều có thể dùng cho mạng cục bộ. Song do đặc thù của mạng cục bộ nên chỉ có 3 Topology thường được sử dụng: hình sao (star), hình vòng (ring), tuyến tính (bus)

1. Mục tiêu

- Giải thích được các cơ chế truyền dẫn trong hệ thống mạng LAN và các môi trường truyền;
- Trình bày được các loại cable và các thiết bị mạng trong hệ thống mạng LAN; Thực hiện bấm cable mạng theo đúng chuẩn TIA 568A và 568B;
- Trình bày được các cơ chế truy cập đường truyền trong mạng LAN
- Trình bày được các thiết bị trong hệ thống mạng LAN;
- Trình bày được các kiểu kiến trúc của hệ thống mạng LAN;
- Trình bày được cấu trúc của địa chỉ IP và các lớp địa chỉ IP;
- Chia được địa chỉ IP.

2. Nội dung bài:

1. Cơ bản về truyền thông
 - 1.1. Khái niệm
 - 1.2. Tần số truyền thông
 - 1.3. Các đặc tính của phương tiện truyền dẫn
 - 1.4. Các kiểu truyền dẫn
2. Vật tải truyền
 - 2.1. Vật tải hữu tuyến
 - 2.2. Vật tải vô tuyến
3. Thiết bị mạng
 - 3.1. Card mạng (NIC hay Adapter)
 - 3.2. Card mạng dùng cáp điện thoại
 - 3.3. Modem
 - 3.4. Hub (Bộ tập trung)
 - 3.5. Switch
 - 3.6. Wireless Access Point
 - 3.7. Repeater (Bộ tiếp sức)
 - 3.8. Bridge (Cầu nối)
 - 3.9. Router (Bộ tìm đường)

- 3.10. Gateway (Cổng nối)
 - 4. Kỹ thuật mạng Ethernet
 - 4.1. Ethernet là gì?
 - 4.2. Chuẩn 10Base2
 - 4.3. Chuẩn 10Base5
 - 4.4. Chuẩn 10BaseT
 - 4.5. Chuẩn 10BaseFL
 - 4.6. Chuẩn 100VG – AnyLAN
 - 4.7. Chuẩn 100BaseX
- Câu hỏi ôn tập

Chương 4. Các bộ giao thức

Thời gian: 14 giờ

Giới thiệu: Là một tập hợp các quy tắc chuẩn dành cho việc biểu diễn dữ liệu, phát tín hiệu, chứng thực và phát hiện lỗi dữ liệu - những việc cần thiết để gửi thông tin qua các kênh truyền thông, nhờ đó mà các máy tính (và các thiết bị) có thể kết nối và trao đổi thông tin với nhau. Các giao thức truyền thông dành cho truyền thông tín hiệu số trong mạng máy tính có nhiều tính năng để đảm bảo việc trao đổi dữ liệu một cách đáng tin cậy qua một kênh truyền thông không hoàn hảo. Các giao thức có thể được thực hiện bằng phần cứng, phần mềm hoặc kết hợp cả hai.

1. Mục tiêu

- Trình bày được các chức năng của mô hình TCP/IP và mô hình kiến trúc của TCP/IP;
- Trình bày được cơ chế hoạt động của giao thức TCP và UDP;
- Trình bày được hệ thống địa chỉ IPv4 và các lớp địa chỉ IPv4;
- Thực hiện triển khai và phân chia được hệ thống mạng con

2. Nội dung bài:

1. Giới thiệu TCP/IP
2. Các mô hình và giao thức
 - 2.1. Giao thức IP
 - 2.2. Một số giao thức điều khiển
 - 2.3. Giao thức lớp chuyên tải (Transport Layer)
 - 2.4. NetWare IPX/SPX
3. Địa chỉ Ipv4 và Subnet Mask
 - 3.1. Giao thức Internet
 - 3.2. Cách biểu diễn địa chỉ
 - 3.3 Phân lớp địa chỉ
 - 3.4. Mạng riêng
 - 3.5. Đánh địa chỉ liên kết cục bộ
 - 3.6. Localhost
 - 3.7. Địa chỉ Broadcast và địa chỉ Default route
 - 3.8. Giải pháp tên miền
 - 3.9. Nguyên cơ hết địa chỉ

3.10. Giải pháp NAT

4. Phân chia mạng con

4.1. Sự cần thiết của việc chia mạng con

4.2. Lợi ích của việc chia mạng con

4.3. Mặt nạ mạng con

4.4. mặt nạ mạng con tùy biến

4.5. Quản trị địa chỉ IP

4.6. Chọn mặt nạ mạng con

4.7. Tính số các thiết bị trên mỗi mạng con

4.8. Gán địa chỉ mạng con

4.9. Gán địa chỉ thiết bị

Câu hỏi ôn tập, Kiểm tra

Chương 5. Giới thiệu về hệ điều hành Windows Server

Thời gian: 13 giờ

Giới thiệu: Với việc ghép nối các máy tính thành mạng thì cần thiết phải có một hệ thống phần mềm có chức năng quản lý tài nguyên, tính toán và xử lý truy nhập một cách thống nhất trên mạng, hệ như vậy được gọi là hệ điều hành mạng. Mỗi tài nguyên của mạng như tệp, đĩa, thiết bị ngoại vi được quản lý bởi một tiến trình nhất định và hệ điều hành mạng điều khiển sự tương tác giữa các tiến trình và truy cập tới các tiến trình đó.

Căn cứ vào việc truy nhập tài nguyên trên mạng người ta chia các thực thể trong mạng thành hai loại chủ và khách, trong đó máy khách (Client) truy nhập được vào tài nguyên của mạng nhưng không chia sẻ tài nguyên của nó với mạng, còn máy chủ (Server) là máy tính nằm trên mạng và chia sẻ tài nguyên của nó với các người dùng mạng.

Hiện nay các hệ điều hành mạng thường được chia làm hai loại là hệ điều hành mạng ngang hàng (Peer-to-peer) và hệ điều hành mạng phân biệt (client/server).

Với hệ điều hành mạng ngang hàng mỗi máy tính trên mạng có thể vừa đóng vai trò chủ lẫn khách tức là chúng vừa có thể sử dụng tài nguyên của mạng lẫn chia sẻ tài nguyên của nó cho mạng, ví dụ: LANtastic của Artisoft, NetWare lite của Novell, Windows (for Workgroup, 95, SERVER Client) của Microsoft.

Với hệ điều hành mạng phân biệt các máy tính được phân biệt chủ và khách, trong đó máy chủ mạng (Server) giữ vai trò chủ và các máy cho người sử dụng giữ vai trò khách (các trạm). Khi có nhu cầu truy nhập tài nguyên trên mạng các trạm tạo ra các yêu cầu và gửi chúng tới máy chủ sau đó máy chủ thực hiện và gửi trả lời. Ví dụ các hệ điều hành mạng phân biệt: Novell Netware, LAN Manager của Microsoft, Windows SERVER Server của Microsoft, LAN Server của IBM, Vines của Banyan System với server dùng hệ điều hành Unix.

1. Mục tiêu

- Phân biệt được hệ điều hành mạng máy tính, các loại hệ điều mạng phổ biến ngày nay;
- Cài đặt được một hệ điều hành mạng Windows Server trên máy tính; Thiết lập và quản lý được các tài khoản người dùng trên hệ điều hành

2. Nội dung bài:

1. Cài đặt hệ điều hành mạng
 - 1.1. Hệ điều hành mạng Windows SERVER
 - 1.2. Cấu trúc của hệ điều hành Windows server
 - 1.3. Cài đặt Windows Server trên máy chủ
 - 1.4. Cài đặt trên các máy trạm
 - 1.5. Nâng cấp máy Stand Alone thành máy Domain Controlle và cài đặt Active Directory, DNS
 2. Quản lý tài khoản người dùng
 3. Bảo vệ dữ liệu
 - 3.1. Cơ chế bảo mật (SRM – Security Reference Monitor)
 - 3.2. Quản lý nhập/ xuất (I/O Manager)
 - 3.3. I/O Manager
 - 3.4. Các cơ chế bảo vệ dữ liệu trong Windows SERVER
- Câu hỏi ôn tập

Chương 6. Công nghệ WLAN và ADSL

Thời gian: 11 giờ

Giới thiệu: WLAN là một loại mạng máy tính nhưng việc kết nối giữa các thành phần trong mạng không sử dụng các loại cáp như một mạng thông thường, môi trường truyền thông của các thành phần trong mạng là không khí. Các thành phần trong mạng sử dụng sóng điện từ để truyền thông với nhau.

ADSL là từ viết tắt của Tiếng Anh: Asymmetric Digital Subscriber Line dịch sang tiếng Việt là đường dây thuê bao số bất đối xứng, là một dạng của DSL. ADSL cung cấp một phương thức truyền dữ liệu với băng thông rộng, tốc độ cao hơn nhiều so với giao thức truy cập qua đường dây điện thoại truyền thống theo phương thức truy cập quay số (Dial up). Khi truyền băng thông trên đường dây điện thoại được tách ra làm 2 phần, một phần nhỏ dùng cho các tín hiệu như Phone, Fax. Phần lớn còn lại dùng cho truyền tải tín hiệu ADSL. Ý nghĩa của cụm từ "bất đối xứng" trong ADSL là do lượng dữ liệu tải xuống và tải lên là không bằng nhau, với dữ liệu chủ yếu là tải xuống.

1. Mục tiêu

- Trình bày được các công nghệ WLAN và công nghệ ADSL;
- Trình bày được các phương pháp cấu hình router ADSL và Access Point;
- Thực hiện được cấu hình kết nối Internet cho mạng LAN;
- Thực hiện được cấu hình mạng không dây với WLAN

2. Nội dung bài:

1. Công nghệ WLAN
 - 1.1. Lịch sử ra đời
 - 1.2. Các mô hình WLAN

2. Thiết lập mạng WLAN
 - 2.1. WLAN là gì?
 - 2.2. Mạng không dây là gì
 - 2.3. Lịch sử ra đời
 - 2.4. Ưu điểm của mạng không dây
 - 2.5. Cấu hình mạng WLAN
 - 2.6. Kết nối Wi-Fi
 3. Công nghệ ADSL
 4. Cấu hình Router ADSL và WLAN
 - 4.1. Cấu hình Router ADSL
 - 4.2. Cấu hình Router WLAN
- Bài tập về thiết kế, xây dựng mạng WLAN
- Kiểm tra

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:
 - Phòng học lý thuyết có máy chiếu.
 - Phòng thực hành có đầy đủ các thiết bị mạng
2. Trang thiết bị máy móc:
 - Máy tính
 - Máy chiếu
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:
 - Bài giảng môn Mạng máy tính
 - Bài tập thực hành
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:
 - Về kiến thức: Trình bày được các khái niệm cơ bản về mạng máy tính, đặc điểm và nguyên lý hoạt động của các thiết bị mạng, hiểu được quy trình thiết kế một mạng nội bộ đơn giản.
 - Về kỹ năng:
 - + Mô tả được đặc điểm và nguyên lý hoạt động của các thiết bị mạng LAN.
 - + Thiết kế được một mạng nội bộ đơn giản.
 - + Triển khai lắp đặt máy tính và các thiết bị mạng
 - + Cài đặt và cấu hình các phần mềm dịch vụ cho máy chủ và các máy trạm
 - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Có khả năng tự học, chủ động trong việc cập nhật các kiến thức của mô đun.
 - + Có tinh thần trách nhiệm trong các hoạt động học tập. Từ những kiến thức đòi hỏi độ chính xác giúp cho học viên ý thức và biết cách sắp xếp khoa học công việc học tập và các hoạt động trong đời sống

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực tự chủ và độc lập giải quyết các yêu cầu trong các bài thực hành.

2. Phương pháp: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra viết, trắc nghiệm và bài tập, thông qua những tiết thảo luận, báo cáo kết quả tự học.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Trung cấp ngành, nghề Công nghệ thông tin.

- Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Khi giảng dạy giáo viên sử dụng các học cụ trực quan, máy tính, máy chiếu để mô tả nội dung bài học. Thực hiện cẩn thận, chính xác các thao tác.

- Đối với người học: Cần nắm chắc kiến thức, làm bài tập và thực hành ngay sau mỗi bài học lý thuyết.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Địa chỉ IP và cách thiết lập

- Thiết bị mạng và cách lắp đặt mạng

- Thiết kế và kết nối giữa các thiết bị mạng.

4. Tài liệu tham khảo:

[1] Nguyễn Kiều Duyên , Mạng máy tính, Nhà xuất bản Thanh niên, năm 2010.

[2] Nguyễn Quốc Cường, Hoàng Đức hải, InternetWorking với TCP/IP, Nhà xuất bản Giáo dục, năm 2010.

[3] ThS. Huỳnh Nguyên Chính, Giáo trình mạng máy tính nâng cao, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Tp. HCM, năm 2013.

[4] Nguyễn Thúc Hải, Mạng máy tính và các hệ thống mở, Nhà xuất bản giáo dục, năm 1999.

[5]. Ngô Bá Hùng - Phạm Thế Phi, Giáo trình mạng máy tính Đại học Cần Thơ, NXB Giáo dục, năm 01/2005

[6]. Nguyễn Thúc Hải, Giáo trình mạng máy tính và các hệ thống mở của, NXB Giáo dục, năm 2000

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC THỰC HÀNH

Tên môn học thực hành: **Quản trị cơ sở dữ liệu với Access**

Mã môn học thực hành: MH14

Thời gian thực hiện môn học thực hành: 60 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 42 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học thực hành:

- Vị trí: Môn học thực hành Quản trị cơ sở dữ liệu với Access được bố trí sau khi người học học xong môn Tin học, Lập trình cơ bản.

- Tính chất: Môn học Quản trị cơ sở dữ liệu với Access là một trong những môn học cốt lõi trong chương trình đào tạo trung cấp ngành Công nghệ thông tin. Môn học này đóng vai trò quan trọng trong việc trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết để làm việc với cơ sở dữ liệu, một yếu tố không thể thiếu trong hầu hết các ứng dụng phần mềm hiện nay.

II. Mục tiêu môn học thực hành:

- Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ bản về hệ quản trị cơ sở dữ liệu MicroSoft Access. Nắm vững cách tạo bảng và đặt mối quan hệ giữa các bảng. Thiết kế được các form, các mẫu biểu theo yêu cầu của người sử dụng.

- Về kỹ năng: Phân tích thiết kế và cài đặt các bài toán quản lý. Xây dựng các bảng một cách chính xác. Thực hiện chương trình theo đúng giải thuật đã phân tích.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có khả năng tự học, chủ động trong việc cập nhật các kiến thức của môn học.

+ Có tinh thần trách nhiệm trong các hoạt động học tập. Từ những kiến thức đòi hỏi độ chính xác cao giúp cho sinh viên ý thức hơn và biết cách sắp xếp khoa học công việc học tập và các hoạt động trong đời sống.

III. Nội dung môn học thực hành:

| Số TT | Tên bài, mục | Thời gian (giờ) | | | |
|-------|--|-----------------|-----------|--------------------------------|----------|
| | | Tổng số | Lý thuyết | Thực hành, thí nghiệm, bài tập | Kiểm tra |
| 1 | Bài 1. Tổng quan hệ quản trị cơ sở dữ liệu MicroSoft Access - Giới thiệu 1. Mục tiêu 2. Nội dung 2.1. Các khái niệm cơ bản về hệ quản trị CSDL 2.2. Giới thiệu chung về Access 2.3. Môi trường làm việc & các khái niệm cơ bản 2.4 Một số thao tác cơ bản Bài tập | 3 | 1 | 2 | |
| 2 | Bài 2. Xây dựng bảng (Table) - Giới thiệu 1. Mục tiêu 2. Nội dung 2.1. Khái niệm 2.2. Tạo lập bảng (datasheet, sử dụng wizard, thủ công) 2.3. Trường và các thuộc tính 2.4. Nhập liệu 2.5. Làm việc với dữ liệu dạng Datasheet 2.6. Quan hệ giữa các bảng Bài tập Kiểm tra | 5 | 1 | 3 | 1 |
| 3 | Bài 3. Truy vấn dữ liệu (Query) - Giới thiệu 1. Mục tiêu 2. Nội dung 2.1. Giới thiệu chung 2.2. Select query 2.3. Action Query | 15 | 3 | 12 | |

| | | | | | |
|---|---|----|---|----|---|
| | 2.4. Crosstab Query (Truy vấn chéo) 2.5. Áp dụng biểu thức | | | | |
| 4 | Bài 4: Xây dựng Form – Giới thiệu 1. Mục tiêu 2. Nội dung 2.1. Khái niệm về form 2.2. Cách tạo form bằng wizard 2.3. Tạo form từ cửa sổ Design 2.4. Các thuộc tính trên form và trên đối tượng 2.5. Kỹ thuật Sub – Form Bài tập Kiểm tra | 15 | 4 | 10 | 1 |
| 5 | Bài 5. Báo biểu (Report) – Giới thiệu 1. Mục tiêu 2. Nội dung 2.1. Giới thiệu report 2.2. Tạo và sử dụng Report bằng Wizard 2.3 tạo và sử dụng Report bằng Design 2.4. Thực thi Report Bài tập Kiểm tra | 15 | 3 | 11 | 1 |
| | Bài 6. MACRO – Giới thiệu 1. Mục tiêu 2. Nội dung 2.1. Tổng quan về lập trình VBA 2.2 Tạo macro 2.3. Tạo các nút lệnh trên Form, thực thi macro trên nút lệnh Bài tập | 5 | 1 | 4 | |

| | | | | | |
|-------------|---|-----------|-----------|-----------|----------|
| | Bài 7. Lập trình VBA - Giới thiệu 1. Mục tiêu 2. Nội dung bài học 2.1. Tổng quan về lập trình VBA 2.2 Các thành phần cơ bản của ngôn ngữ Visual Access 2.3. Các cấu trúc điều khiển 2.4. Phương thức đối tượng Bài tập - Thuật ngữ kỹ thuật - Tài liệu Tham Khảo | 2 | 2 | | |
| Cộng | | 60 | 15 | 42 | 3 |

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1. Tổng quan hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft Access

Thời gian: 03 giờ

- Giới thiệu: Bài này nhằm giới thiệu cho sinh viên những kiến thức tổng quan về phần mềm Microsoft Access là một phần mềm hệ quản trị CSDL. Cách thao tác và làm quen với phần mềm Microsoft Access. Đơn cử trong giáo trình này sử dụng phần mềm Microsoft Access.

1. Mục tiêu:

- Hiểu các khái niệm cơ bản - Mô tả được các bước thực hiện thao tác
- Thành thạo kỹ năng làm việc với môi trường Access
- Nhắc lại các khái niệm cơ bản về hệ quản trị CSDL;
- Biết được xuất xứ và khả năng ứng dụng của phần mềm MS Access;
- Thực hiện các thao tác cơ bản trên cửa sổ Database;
- Thực hiện các thao tác an toàn với máy tính.

2. Nội dung bài:

2.1. Các khái niệm cơ bản về hệ quản trị CSDL

2.2 Giới thiệu chung về Access

2.3. Môi trường làm việc & các khái niệm cơ bản

2.4. Một số thao tác cơ bản

Bài tập

Bài 2. Xây dựng bảng (Table)

Thời gian: 05 giờ

- Giới thiệu: Bài này nhằm giúp cho sinh viên những khái niệm về bảng, trường, mẫu tin, kiểu dữ liệu, các thuộc tính của bảng. Bài học này là nền tảng cho các bài học tiếp theo

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các khái niệm cơ bản
- Mô tả được các bước thực hiện thao tác
- Thành thạo kỹ năng làm việc với bảng CSDL
- Hiểu khái niệm bảng dữ liệu;
- Tạo lập được bảng;
- Thiết lập được các trường, thuộc tính;
- Thao tác được với dữ liệu trong datasheet view;
- Thực hiện các thao tác an toàn với máy tính

2. Nội dung bài:

2.1. Khái niệm

2.2. Tạo lập bảng (datasheet, sử dụng Wizard, thủ công)

2.3. Trường và các thuộc tính

2.4. Nhập liệu

2.5. Làm việc với dữ liệu dạng Datasheet

2.6 Quan hệ giữa các bảng

Kiểm tra

Bài 3. Truy vấn dữ liệu (Query)

Thời gian: 15 giờ

- Giới thiệu: Bài học này giúp sinh viên hiểu các khái niệm về truy vấn dữ liệu trong access, các loại truy vấn trong access, các thuộc tính của truy vấn, các phép toán và các kí tự dùng trong truy vấn. Cách tạo các loại truy vấn thông qua bài tập tự rèn luyện. Là phần tiếp theo của bài học trước và nền tảng cho bài học kế tiếp.

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các khái niệm cơ bản.
- Mô tả được các bước thực hiện thao tác
- Thành thạo kỹ năng tạo các truy vấn
- Hiểu khái niệm truy vấn dữ liệu;
- Tạo và áp dụng được các truy vấn dựa trên các bảng dữ liệu;
- Áp dụng được các biểu thức khi xây dựng truy vấn dữ liệu;
- Thực hiện các thao tác an toàn với máy tính.

2. Nội dung bài:

2.1. Giới thiệu chung

- 2.2. Select query
- 2.3. Action Query
- 2.4. Crosstab Query (Truy vấn chéo)
- 2.5. Áp dụng biểu thức

Bài 4. Xây dựng (Form)

Thời gian: 15 giờ

- Giới thiệu: Bài học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về thiết giao diện trong access. Các khái niệm về form, các cách tạo form, các thuộc tính của form. Vận dụng các bài học trước để thiết giao diện theo yêu của bài tập thực hành. Là nền tảng để sinh viên có thể tự thiết kế một phần mềm ứng dụng thực tế.

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các khái niệm cơ bản
- Mô tả được các bước thực hiện thao tác
- Thành thạo kỹ năng thiết kế các Report
- Hiểu ứng dụng của Form trong CSDL Access;
- Thiết kế được Form;
- Hiểu và thiết lập được các thuộc tính cho form và đối tượng;
- Thực hiện các thao tác an toàn với máy tính.

2. Nội dung bài:

- 2.1. Khái niệm về form
- 2.2. Cách tạo form bằng Wizard
- 2.3. Tạo form từ cửa sổ Design
- 2.4. Các thuộc tính trên form và trên đối tượng
- 2.5. Kỹ thuật Sub – Form

Bài tập + Kiểm tra

Bài 5. Báo biểu (Report)

Thời gian: 15 giờ

Giới thiệu: Bài này giới thiệu cho sinh viên các loại report, cách tạo và sử dụng report, cách thiết kế một report, cách tạo các điều khiển trong report.

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các khái niệm cơ bản
- Mô tả được các bước thực hiện thao tác
- Thành thạo kỹ năng tạo các truy vấn

- Hiểu ứng dụng của report trong CSDL Access;
- Biết cách tạo ra các Report;
- Vận dụng được Report, biết cách thực thi Report;
- Thực hiện các thao tác an toàn với máy tính.

2. Nội dung bài:

2.1. giới thiệu report

2.2. Tạo và sử dụng report bằng wizard

2.3. Tạo sử dụng Report từ cửa sổ Design

2.4. Thực thi report

Bài tập + Kiểm tra

Bài 6. MACRO

Thời gian: 05 giờ

- Giới thiệu: Bài này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về macro, các khái niệm và công dụng của macro. Ứng dụng của macro trong các nút lệnh trong thiết kế giao diện. Giúp sinh viên tiếp cận với lập trình hướng sự kiện.

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các khái niệm cơ bản
- Mô tả được các bước thực hiện thao tác
- Thành thạo kĩ năng tạo Macro
- Tổ chức nhập dữ liệu trên nhiều bảng
- Hiểu ứng dụng của Macro trong CSDL Access;
- Các thuộc tính và sự kiện thường dùng trong macro;
- Tạo được các macro và áp dụng các macro trên form;
- Thực hiện các thao tác an toàn với máy tính.

2. Nội dung bài:

2.1 Tổng quan về lập trình VBA

2.2. Tạo macro

2.3. Thao tác nút lệnh trên Form, thực thi macro trên các nút lệnh

Bài tập:

Bài 7. Lật trình VBA

Thời gian: 02 giờ

- Giới thiệu: Bài này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về macro, các khái niệm và công dụng của macro. Ứng dụng của macro trong các nút lệnh trong thiết kế giao diện. Giúp sinh viên tiếp cận với lập trình hướng sự kiện.

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các khái niệm cơ bản
- Mô tả được các bước thực hiện thao tác
- Thành thạo kỹ năng tạo menu
- Hiểu ứng dụng của Macro trong CSDL Access;
- Các thuộc tính và sự kiện thường dùng trong macro;
- Tạo được các macro và áp dụng các macro trên form;
- Thực hiện các thao tác an toàn với máy tính.

2.1. Tổng quan về lập trình VBA

2.2. Các thành phần cơ bản của ngôn ngữ Visual Access

2.3. Các cấu trúc điều khiển

2.4. Phương thức đối tượng

Bài tập:

IV. Điều kiện thực hiện môn học thực hành:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

- Phòng học lý thuyết có máy chiếu.
- Phòng thực hành có đầy đủ các thiết bị mạng

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy tính
- Máy chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Bài giảng môn Mạng máy tính
- Bài tập thực hành

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ bản về hệ quản trị cơ sở dữ liệu MicroSof Access. Nắm vững cách tạo bảng và đặt mối quan hệ giữa các bảng. Thiết kế được các form, các mẫu biểu theo yêu cầu của người sử dụng.

- Về kỹ năng: Phân tích thiết kế và cài đặt các bài toán quản lý. Xây dựng các bảng một cách chính xác. Thực hiện chương trình theo đúng giải thuật đã phân tích.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực tự chủ và độc lập giải quyết các yêu cầu trong các bài thực hành.

2. Phương pháp đánh giá: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra viết, trắc nghiệm và bài thực hành, thông qua những tiết thảo luận, báo cáo kết quả tự học.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học thực hành:

1. Phạm vi áp dụng môn học thực hành:

- Chương trình môn học thực hành được sử dụng để giảng dạy cho trình độ trung cấp ngành Công nghệ thông tin.

- Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học thực hành:

- Đối Với giáo viên, giảng viên: Khi giảng dạy giáo viên sử dụng các học cụ trực quan, máy tính, máy chiếu để mô tả nội dung bài học. Thực hiện cẩn thận, chính xác các thao tác.

- Đối với người học: Cần nắm chắc kiến thức, làm bài tập và thực hành ngay sau mỗi bài học lý thuyết.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Tạo bảng
- Tạo các truy vấn
- Thiết kế Form
- Tạo Report

4. Tài liệu tham khảo:

[1]. GS Phạm Văn Át - Hướng dẫn sử dụng Microsoft Access - Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật - Hà Nội

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: **Cấu trúc và bảo trì máy tính**

Mã môn học: MĐ15

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 57 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Là môn học, môn chuyên môn trong chương trình đào tạo trung cấp ngành, nghề Công nghệ thông tin

- Tính chất: môn học này trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết để trở thành kỹ thuật viên máy tính, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Người học ghi nhớ và trình bày được các kiến thức về cấu trúc và bảo trì máy tính như:

+ Cấu trúc, hoạt động của các thành phần chức năng trong bảng mạch chính (Main board)

+ Cấu trúc và phương thức quản lý bộ nhớ của vi xử lý 80386. Cấu trúc, chức năng các loại bộ nhớ trong, bộ nhớ ngoài

+ Các thao tác tiến hành nâng cấp, bảo trì, bảo dưỡng, cài đặt phần mềm và thiết lập cấu hình phần cứng máy tính.

- Về kỹ năng:

+ Nhận biết được cấu trúc phần cứng máy tính, giải thích được các cơ chế hoạt động của thành phần phần cứng máy tính.

+ Vận dụng được các kiến thức đó áp dụng vào thực tế để thực hiện các thao tác đảm bảo an toàn khi thao tác phần cứng

+ Thành thạo các kỹ năng lắp đặt, thay thế, nâng cấp, bảo trì bảo dưỡng, thiết lập và cài đặt cấu hình để một hệ thống máy tính có thể hoạt động tốt.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có khả năng tự học, chủ động trong việc cập nhật các kiến thức của môn học.

+ Có tinh thần trách nhiệm trong các hoạt động học tập. Từ những kiến thức đòi hỏi độ chính xác giúp cho sinh viên ý thức và biết cách sắp xếp khoa học công việc học tập và các hoạt động trong đời sống.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

| Số TT | Tên bài, mục | Thời gian (giờ) | | | |
|-------|---|-----------------|-----------|--------------------|----------|
| | | Tổng số | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập | Kiểm tra |
| 1 | Chương 1. Tổng quan về máy vi tính 1. Cấu trúc chung của máy vi tính 2. Cấu trúc và hoạt động của máy vi tính Thực hành | 5 | 2 | 3 | |
| 2 | Chương 2. Bản mạch chính 1. Họ 80x86 và vi xử lý 8086 2. Địa chỉ bộ nhớ trong 8086 3. Truy nhập vật lý bộ nhớ - các thiết bị ngoại vi 4. Các chip hỗ trợ Thực hành | 10 | 1 | 9 | |
| 3 | Chương 3. Vi xử lý 80-386 1. Mô tả các chân tín hiệu 2. Các chu kỳ bus 3. Các thanh ghi Thực hành Kiểm tra | 10 | 2 | 7 | 1 |
| 4 | Chương 4. Bộ nhớ trong 1. Phân loại bộ nhớ bán dẫn 2. Tổ chức của bộ nhớ 3. Dram 4. SRAM 5. ROM VÀ EPROM 6. Bộ nhớ cache | 10 | 2 | 8 | |
| 5 | Chương 5. Bộ nhớ ngoài 1. Đĩa từ mềm và ổ đĩa mềm 2. Ổ đĩa mềm fdd (floppy disk drive) 3. Đĩa từ cứng và ổ đĩa cứng | 10 | 2 | 7 | 1 |

| | | | | | |
|-------------|--|-----------|-----------|-----------|----------|
| | 4. Tổ chức logic của đĩa mềm và đĩa cứng Thực hành Kiểm tra | | | | |
| 6 | Chương 6. Tổng quan về sửa chữa máy tính 1. Giới thiệu 2. Các thao tác chuẩn bị 3. Các thao tác đảm bảo an toàn 4. Ngăn ngừa sự cố máy tính Thực hành | 10 | 2 | 8 | |
| 7 | Chương 7. Sửa chữa, nâng cấp và bảo trì máy tính 1 Các hư hỏng phần cứng 2. Các hư hỏng phần mềm 3. Lắp đặt và nâng cấp phần cứng 4. Thiết lập cài đặt và cập nhật phần mềm Thực hành | 10 | 2 | 8 | |
| | Chương 8. Virus máy tính 1. Khái niệm , phân loại và cơ chế lây lan 2. Chuẩn đoán, xử lý và phòng chống phần mềm độc hại Thực hành Kiểm tra | 10 | 2 | 7 | 1 |
| Cộng | | 75 | 15 | 57 | 3 |

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1. Tổng quan về máy vi tính

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

- Hiểu các khái niệm cơ bản
- Mô tả được các bước thực hiện thao tác

2. Nội dung bài:

2.1. Cấu trúc chung của máy vi tính

2.2. Cấu trúc và hoạt động của máy vi tính

2.2.1. Hoạt động của PC

2.2.2. Bản mạch chính

2.2.3. Bản mạch ghép nối đồ họa và màn hình

2.2.4. Bản mạch điều khiển ổ đĩa và các ổ đĩa

2.2.5. Ghép nối song song và nối tiếp

2.2.6. Mạng máy tính

2.2.7. Ram Cmos và đồng hồ đo thời gian thực

2.2.8. Bàn phím

2.2.9. Hệ điều hành Os, hệ vào ra cơ sở Bios

Chương 2. Bản mạch chính

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Hiểu các khái niệm cơ bản
- Mô tả được cấu tạo và hoạt động của các thiết bị

2. Nội dung bài:

2.1. Họ 80x86 và vi xử lý 8086

2.1.1. Cấu trúc chung của uP

2.1.2. Các thanh ghi của họ 80 x 86

2.2. Địa chỉ bộ nhớ trong 8086

2.2.1. Đoạn nhớ và địa chỉ logic

2.2.2. Đoạn mã và con trỏ lệnh

2.2.3. Lập trình ở mức máy

2.2.4. Đoạn ngăn xếp và con trỏ ngăn xếp

2.2.5. Đoạn số liệu DS

2.2.6. Các phương pháp định địa chỉ

2.3. Truy nhập vật lý bộ nhớ - các thiết bị ngoại vi

- 2.3.1. Nhận xét chung
- 2.3.2. Chu kỳ bus
- 2.3.3. Các chân nối của 8086 và các tín hiệu
- 2.3.4. Truy nhập bộ nhớ chính
- 2.4. Các chip hỗ trợ
 - 2.4.1. Chip điều khiển ngắt PIC- 8259A
 - 2.4.2. Chip truy nhập bộ nhớ trực tiếp DMA 8237A
 - 2.4.3. Ghép nối song song điều khiển bằng chương trình PPI 8255
 - 2.4.4. Ram cmos và đồng hồ thời gian thực

Chương 3. Vi xử lý 80386

Thời gian: 10 giờ

- 1. Mục tiêu:
 - Hiểu các khái niệm cơ bản
 - Mô tả được cấu tạo và hoạt động của các thiết bị
- 2. Nội dung bài:
 - 2.1. Mô tả các chân tín hiệu
 - 2.2. Các chu kỳ bus
 - 2.3. Các thanh ghi
 - 2.3.1. Các thanh ghi đa năng, thanh ghi cờ và con trỏ lệnh
 - 2.3.2. Các thanh ghi đoạn
 - 2.3.2. Các thanh ghi điều khiển
 - 2.3.3. Các thanh ghi hệ thống
 - 2.3.4. Các thanh ghi kiểm tra và gỡ rối
 - 2.4. Quản lý bộ nhớ
 - 2.4.1. Không gian nhớ và nhiệm vụ nhớ
 - 2.4.2. Các địa chỉ
 - 2.4.3. Quản lý bộ nhớ theo trang

Chương 4. Bộ nhớ trong

Thời gian: 10 giờ

- 1. Mục tiêu:
 - Hiểu các khái niệm cơ bản
 - Mô tả được cấu tạo và hoạt động của các thiết bị
- 2. Nội dung bài:
 - 2.1. Phân loại bộ nhớ bán dẫn
 - 2.2. Tổ chức của bộ nhớ
 - 2.3. Dram
 - 2.3.1. Cấu tạo của DRAM

- 2.3.2. Đọc và viết số liệu
- 2.3.3. Làm tươi DRAM
- 2.3.4. Các môđen hoạt động nhanh của chip DRAM
- 2.4. SRAM
- 2.5. ROM VÀ EPROM
 - 2.5.1. ROM
 - 2.5.2. PROM
 - 2.5.3. EPROM
 - 2.5.4. EEPROM (electric erasable prom)
 - 2.5.6. Bộ nhớ cache

Chương 5. Bộ nhớ ngoài

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Hiểu các khái niệm cơ bản
- Mô tả được cấu tạo và hoạt động của các thiết bị

2. Nội dung bài:

- 2.1. Đĩa từ mềm và ổ đĩa mềm
 - 2.1.1. Đĩa mềm
 - 2.1.2. Phát hiện lỗi với việc kiểm tra mã cro
- 2.2. Ổ đĩa mềm fdd (floppy disk drive)
 - 2.2.1. Cấu tạo của ổ đĩa mềm
 - 2.2.2. Bộ điều khiển ổ đĩa mềm
- 2.3. Đĩa từ cứng và ổ đĩa cứng
 - 2.3.1. Cấu tạo
 - 2.3.2. Format cấp thấp
 - 2.3.3. Bộ điều khiển và ghép nối ổ đĩa cứng
- 2.4. Tổ chức logic của đĩa mềm và đĩa cứng
 - 2.4.1. Sector logic
 - 2.4.2. Phân khu
 - 2.4.3. Boot sector (boot record)

Chương 6. Tổng quan về sửa chữa máy tính

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Hiểu các khái niệm cơ bản
- Mô tả được cấu tạo và hoạt động của các thiết bị
- Biết cách ngăn ngừa, bảo vệ máy tính khỏi các sự cố

2. Nội dung bài:

- 2.1. Giới thiệu
- 2.2. Các thao tác chuẩn bị
- 2.3. Các thao tác đảm bảo an toàn
- 2.4. Ngăn ngừa sự cố máy tính

Chương 7. Sửa chữa, nâng cấp và bảo trì máy tính

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Hiểu các khái niệm cơ bản
- Mô tả được cấu tạo và hoạt động của các thiết bị
- Sửa chữa, khắc phục được một số sự cố thông thường
- Biết cách ngăn ngừa, bảo vệ máy tính khỏi các sự cố

2. Nội dung bài:

- 2.1 Các hư hỏng phần cứng
- 2.2. Các hư hỏng phần mềm
- 2.3. Lắp đặt và nâng cấp phần cứng
- 2.4. Thiết lập cài đặt và cập nhật phần mềm
- 2.5. Bảo trì máy tính

Chương 8. Virus máy tính

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Hiểu các khái niệm cơ bản
- Sửa chữa, khắc phục được một số sự cố do các phần mềm độc hại
- Biết cách ngăn ngừa, bảo vệ máy tính khỏi các phần mềm độc hại

2. Nội dung bài:

- 2.1. Khái niệm, phân loại và cơ chế lây lan
- 2.2. Chuẩn đoán, xử lý và phòng chống phần mềm độc hại

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:
 - Phòng học lý thuyết có máy chiếu.
 - Phòng thực hành có đầy đủ các thiết bị
2. Trang thiết bị máy móc:
 - Máy tính
 - Máy chiếu
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:
 - Bài giảng môn Cấu trúc và bảo trì máy tính
 - Bài tập thực hành
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Người học ghi nhớ và trình bày được các kiến thức về cấu trúc và bảo trì máy tính như:
 - + Cấu trúc, hoạt động của các thành phần chức năng trong bảng mạch chính (Main board)
 - + Cấu trúc và phương thức quản lý bộ nhớ của vi xử lý 80386. Cấu trúc, chức năng các loại bộ nhớ trong, bộ nhớ ngoài
 - + Các thao tác tiến hành nâng cấp, bảo trì, bảo dưỡng, cài đặt phần mềm và thiết lập cấu hình phần cứng máy tính.
 - Về kỹ năng:
 - + Nhận biết được cấu trúc phần cứng máy tính, giải thích được các cơ chế hoạt động của thành phần phần cứng máy tính.
 - + Vận dụng được các kiến thức đó áp dụng vào thực tế để thực hiện các thao tác đảm bảo an toàn khi thao tác phần cứng
 - + Thành thạo các kỹ năng lắp đặt, thay thế, nâng cấp, bảo trì bảo dưỡng, thiết lập và cài đặt cấu hình để một hệ thống máy tính có thể hoạt động tốt.
 - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực tự chủ và độc lập giải quyết các yêu cầu trong các bài thực hành.
2. Phương pháp: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra viết, trắc nghiệm và bài thực hành, thông qua những tiết thảo luận, báo cáo kết quả tự học.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ trung cấp ngành Công nghệ thông tin.

- Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Khi giảng dạy giáo viên sử dụng các học cụ trực quan, máy tính, máy chiếu để mô tả nội dung bài học. Thực hiện cẩn thận, chính xác các thao tác.

- Đối với người học: Cần nắm chắc kiến thức, làm bài tập và thực hành ngay sau mỗi bài học lý thuyết.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Cấu tạo và hoạt động của các thiết bị phần cứng

- Lắp ráp máy tính

- Khắc phục các sự cố máy tính

- Bảo vệ máy tính khỏi các phần mềm độc hại

4. Tài liệu tham khảo:

[1]. Trần Quang Vinh - Cấu trúc máy vi tính - NXB Giáo Dục.

[2]. Nguyễn Mạnh Hùng Quách Tuấn Ngọc (1988) Lập trình hệ thống dành cho máy IBM PC - NXB Giáo Dục.

[3]. Văn Thế Minh - Kỹ thuật vi xử lý - NXB Giáo Dục.

[4]. Nguyễn Nam Trung - Cấu trúc máy tính & Thiết bị ngoại vi - NXB KHKT.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC THỰC HÀNH

Tên môn học thực hành: **Photoshop cơ bản**

Mã môn học thực hành: MĐ16

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 42 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học thực hành:

- Vị trí: Photoshop cơ bản là môn học cần thiết thuộc nhóm các mô đun, môn học đào tạo ngành, nghề Công nghệ thông tin.

- Tính chất: Môn học Photoshop cơ bản trang bị cho sinh viên ngành Công nghệ thông tin những kỹ năng thiết kế đồ họa cơ bản, giúp người học phát triển tư duy sáng tạo, khả năng thẩm mỹ và khả năng thích ứng với công nghệ mới.

II. Mục tiêu môn học thực hành:

- Về kiến thức:

+ Thực hiện được các thao tác cơ bản và một số thao tác nâng cao trong Photoshop

+ Tạo và hiệu chỉnh chữ

+ Biết sử dụng các hiệu ứng và phục hồi ảnh

+ Biết Xuất và In ảnh sau khi chỉnh sửa xong

- Về kỹ năng:

+ Trình bày được các khái niệm, các thao tác khi sử dụng Photoshop.

+ Sử dụng được các công cụ để hiệu chỉnh ảnh, tạo và chỉnh sửa sử, sử dụng các hiệu ứng, phục hồi ảnh, ...

+ Đưa các mẫu thiết kế vào ứng dụng trên các phần mềm.

+ Chọn lựa các hiệu ứng phù hợp với các mẫu sản phẩm đồ họa chuyên nghiệp.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có khả năng tự học, chủ động trong việc cập nhật các kiến thức của mô đun.

+ Có tinh thần trách nhiệm trong các hoạt động học tập. Từ những kiến thức đòi hỏi độ chính xác giúp cho người học ý thức hơn và biết cách sắp xếp khoa học công việc học tập và các hoạt động trong đời sống.

| Số TT | Tên bài, mục | Thời gian (giờ) | | | |
|-------------|--|-----------------|-----------|--------------------------------|----------|
| | | Tổng số | Lý thuyết | Thực hành, thí nghiệm, bài tập | Kiểm tra |
| 1 | Bài mở đầu: Giới thiệu tổng quan về Photoshop | 2 | 2 | | |
| 2 | Bài 1: Các thao tác cơ bản 1. Các thao tác với File 2. Các thao tác với Layer 3. Thao tác trên thanh Taskbar 4. Thao tác trên thanh Menu | 8 | 2 | 6 | |
| 3 | Bài 2: Một số các thao tác nâng cao 1. Hiệu chỉnh ảnh 2. Điều chỉnh màu và tông màu 3. Lớp kênh, mặt nạ Kiểm tra | 8 | 2 | 5 | 1 |
| 4 | Bài 3: Tạo và hiệu chỉnh chữ 1. Tạo chữ - hiệu chỉnh chữ 2. Tạo chữ nghệ thuật | 13 | 2 | 11 | |
| 5 | Bài 4. Các hiệu ứng 1. Các hiệu ứng đặc biệt 2. Các hiệu ứng mỹ thuật 3. Các hiệu ứng thủ thuật hữu dụng Kiểm tra | 13 | 3 | 9 | 1 |
| 6 | Bài 5. Phục hồi ảnh 1. Các thao tác phục hồi dễ dàng 2. Sử dụng eyedropper/Clone Stamp 3. Công cụ Healing Brush và patch 4. Chỉnh sửa màu | 12 | 3 | 9 | |
| 7 | Bài 6: Xuất - In ấn 1. Xuất ảnh 2. In ảnh Thực hành Kiểm tra | 4 | 1 | 2 | 1 |
| Cộng | | 60 | 15 | 42 | 3 |

2. Nội dung chi tiết:

Bài mở đầu: Giới thiệu tổng quan về Photoshop

Thời gian: 02 giờ

Bài 1: Các thao tác cơ bản

Thời gian: 08 giờ

1. Mục tiêu:

- Hiểu các khái niệm cơ bản
- Trình bày được những thao tác cơ bản
- Ứng dụng phần mềm Photoshop xử lý ảnh

2. Nội dung bài:

- 2.1. Các thao tác với File
- 2.2. Các thao tác với Layer
- 2.3. Thao tác trên thanh Taskbar
- 2.4. Thao tác trên thanh Menu

Bài 2: Một số các thao tác nâng cao

Thời gian: 08 giờ

1. Mục tiêu:

- Hiểu các khái niệm cơ bản
- Trình bày được những thao tác nâng cao
- Ứng dụng phần mềm Photoshop xử lý ảnh

2. Nội dung bài:

- 2.1. Hiệu chỉnh ảnh
 - 2.2. Điều chỉnh màu và tông màu
 - 2.3. Lớp kênh, mặt nạ
- Kiểm tra

Bài 3: Tạo và hiệu chỉnh chữ

Thời gian: 13 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được thao tác chèn và chỉnh sửa chữ
- Ứng dụng phần mềm Photoshop để chèn nội dung vào ảnh

2. Nội dung bài:

- 2.1. Tạo chữ - hiệu chỉnh chữ
- 2.2. Tạo chữ nghệ thuật

Bài 4: Các hiệu ứng

Thời gian: 13 giờ

1. Mục tiêu:

- Sử dụng các hiệu ứng của phần mềm Photoshop để chỉnh sửa hiệu ứng của hình ảnh để đạt được mục đích như mong muốn.

2. Nội dung bài:

2.1. Các hiệu ứng đặc biệt

2.2. Các hiệu ứng mỹ thuật

2.3. Các hiệu ứng thủ thuật hữu dụng

Kiểm tra

Bài 5: Phục hồi ảnh

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu:

- Ứng dụng kỹ thuật phục hồi ảnh để có thể phục hồi, tái tạo, chỉnh sửa những khuyết điểm trên ảnh.

2. Nội dung bài:

2.1. Các thao tác phục hồi dễ dàng

2.2. Sử dụng Eyedropper/Clone Stamp

2.3. Công cụ Healing Brush và Patch

2.4. Chỉnh sửa màu

Bài 6: Xuất - In ảnh

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu:

- Để học sinh có thể xuất file ảnh để lưu trữ hoặc in ấn tùy vào từng mục đích khác nhau.

2. Nội dung bài:

2.1. Xuất ảnh

2.2. In ảnh Thực hành

Kiểm tra

IV. Điều kiện thực hiện môn học thực hành:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

- Phòng học lý thuyết có máy chiếu.

- Phòng thực hành có đầy đủ các thiết bị

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy tính

- Máy chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Bài giảng môn Đồ họa ứng dụng

- Bài tập thực hành

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức:

+ Thực hiện được các thao tác cơ bản và một số thao tác nâng cao trong Photoshop

+ Tạo và hiệu chỉnh chữ

+ Biết sử dụng các hiệu ứng và phục hồi ảnh

+ Biết Xuất và In ảnh sau khi chỉnh sửa xong

- Về kỹ năng:

+ Trình bày được các khái niệm, các thao tác khi sử dụng Photoshop.

+ Sử dụng được các công cụ để hiệu chỉnh ảnh, tạo và chỉnh sửa sử, sử dụng các hiệu ứng, phục hồi ảnh, ...

+ Đưa các mẫu thiết kế vào ứng dụng trên các phần mềm.

+ Chọn lựa các hiệu ứng phù hợp với các mẫu sản phẩm đồ họa chuyên nghiệp. yêu cầu trong các bài thực hành.

2. Phương pháp đánh giá: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra viết, trắc nghiệm và bài thực hành, thông qua những tiết thảo luận, báo cáo kết quả tự học.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học thực hành:

1. Phạm vi áp dụng môn học thực hành:

- Chương trình môn học thực hành được sử dụng để giảng dạy cho trình độ trung cấp ngành Công nghệ thông tin.

- Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học thực hành:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Khi giảng dạy giáo viên sử dụng các học cụ trực quan, máy tính, máy chiếu để mô tả nội dung bài học. Thực hiện cẩn thận, chính xác các thao tác.

- Đối với người học: Cần nắm chắc kiến thức, làm bài tập và thực hành ngay sau mỗi bài học lý thuyết.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Sử dụng phần mềm Photoshop thiết kế đồ họa

4. Tài liệu tham khảo:

[1]. Nguyễn Việt Dũng - Adobe Photoshop - NXB Lao động xã hội.

[2]. Nguyễn Việt Dũng - Adobe Photoshop Bài tập và kỹ xảo - NXB Lao động Xã hội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC THỰC HÀNH

Tên môn học thực hành: **AutoCAD cơ bản**

Mã môn học thực hành: MH17

Thời gian thực hiện môn học thực hành: 60 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 42 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học thực hành:

- Vị trí: AutoCAD cơ bản là môn học cần thiết thuộc nhóm các môn học, mô đun chuyên môn đào tạo ngành, nghề Công nghệ thông tin.

- Tính chất: Môn học AutoCAD cơ bản không chỉ trang bị cho người học những kỹ năng vẽ kỹ thuật cơ bản mà còn giúp họ hiểu rõ các nguyên lý của thiết kế kỹ thuật. Đây là một kỹ năng nền tảng quan trọng trong lĩnh vực công nghệ.

II. Mục tiêu môn học thực hành:

- Về kiến thức:

+ Thực hiện được các lệnh cơ bản và một số lệnh nâng cao trong AutoCAD

+ Hiểu được các tạo nên một bản vẽ thiết kế bằng cách sử dụng các lệnh trong AutoCAD.

+ Biết sử dụng các lệnh hiệu chỉnh, lệnh ghi kích thước và một số lệnh tiện ích.

+ Biết Xuất và In bản vẽ.

- Về kỹ năng:

+ Trình bày được các khái niệm, các thao tác khi sử dụng AutoCAD

+ Sử dụng được các lệnh để tạo, hiệu chỉnh, ghi kích thước bản vẽ.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có khả năng tự học, chủ động trong việc cập nhật các kiến thức của môn học.

+ Có tinh thần trách nhiệm trong các hoạt động học tập. Từ những kiến thức đòi hỏi độ chính xác giúp cho người học ý thức hơn và biết cách sắp xếp khoa học công việc học tập và các hoạt động trong đời sống.

| Số TT | Tên bài, mục | Thời gian (giờ) | | | |
|-------|--|-----------------|-----------|--------------------------------|----------|
| | | Tổng số | Lý thuyết | Thực hành, thí nghiệm, bài tập | Kiểm tra |
| 1 | Bài mở đầu: Giới thiệu về phần mềm AUTOCAD | 1 | 1 | | |
| 2 | Bài 1: Làm quen với AutoCAD 1. Một số cách nhập tọa độ 2. Cách bắt điểm 3. Hiệu chỉnh 1 số chức năng | 7 | 2 | 5 | |

| | | | | | |
|---|---|----|---|---|---|
| | 4. Các lệnh và phím tắt | | | | |
| 3 | Bài 2: Các lệnh cơ bản với AutoCAD 1.Lệnh Line 2.Lệnh Circle 3.Lệnh Rectang 4.Lệnh Arc 5.Lệnh Polygon | 7 | 2 | 5 | |
| 4 | Bài 3: Các lệnh hiệu chỉnh trong AutoCAD 1. Lệnh Rotate 2. Lệnh Move 3. Lệnh Scale 4. Lệnh Edit 5. Lệnh Properties 6. Lệnh Matchprop 7. Lệnh Trim 8. Lệnh Fillet 9. Lệnh Chamfer 10. Lệnh Align 11. Lệnh Extend 12. Lệnh Break Kiểm tra | 12 | 2 | 9 | 1 |
| 5 | Bài 4: Các lệnh ghi kích thước trong AutoCAD 1. Lệnh Dimlinear 2. Lệnh Dimaligned 3. Lệnh Dimbaseline 4. Lệnh Dimcontinue 5. Lệnh Dimiameter 6. Lệnh Dimradius 7. Lệnh Dimangular 8. Lệnh Modify Dimension Style Manager | 12 | 2 | 9 | 1 |

| | | | | | |
|------------------|---|-----------|-----------|-----------|----------|
| 6 | Bài 5: Một số lệnh tiện ích khác | | | | |
| | 1. Lệnh Text | | | | |
| | 2. Lệnh phục hồi | | | | |
| | 3. Lệnh Copy | | | | |
| | 4. Lệnh Array | | | | |
| | 5. Lệnh Layer | | | | |
| | 6. Lệnh Offset | | | | |
| | 7. Lệnh Boundary | 12 | 3 | 8 | 1 |
| | 8. Lệnh Mirror | | | | |
| | 9. Lệnh Bhatch | | | | |
| | 10. Lệnh Block | | | | |
| | 11. Lệnh Insert | | | | |
| | 12. Lệnh Erase | | | | |
| | 13. Lệnh Stretch | | | | |
| 14. Lệnh Explode | | | | | |
| 7 | Bài 6: Xuất bản vẽ ra ảnh | | | | |
| | 1. Xuất bản file trong AutoCAD | 9 | 3 | 6 | |
| | 2. In bản vẽ Kiểm tra | | | | |
| Cộng | | 60 | 15 | 42 | 3 |

2. Nội dung bài

Bài mở đầu: Giới thiệu về phần mềm AUTOCAD

Thời gian: 01 giờ

Bài 1: Làm quen với AutoCAD

Thời gian: 07 giờ

1. Mục tiêu:

- Hiểu các khái niệm cơ bản
- Trình bày được những thao tác cơ bản
- Ứng dụng phần mềm AutoCAD để thực hiện các bản vẽ

2. Nội dung bài:

- 2.1. Một số cách nhập tọa độ
- 2.2. Cách bắt điểm
- 2.3. Hiệu chỉnh 1 số chức năng
- 2.4. Các lệnh và phím tắt

Bài 2: Các lệnh cơ bản với AutoCAD

Thời gian: 07 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được những lệnh cơ bản trong AutoCAD.
- Làm quen với những lệnh vẽ cơ bản trong AutoCAD và lệnh tắt tương ứng nhằm tăng tốc quá trình thực hiện bản vẽ.

2. Nội dung bài:

- 2.1. Lệnh Line
- 2.2. Lệnh Circle
- 2.3. Lệnh Rectang
- 2.4. Lệnh Arc
- 2.5. Lệnh Polygon

Bài 3: Các lệnh hiệu chỉnh trong AutoCAD

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được những lệnh hiệu chỉnh trong AutoCAD
- Sử dụng lệnh hiệu chỉnh để chỉnh sửa, di chuyển, xoay,... các chi tiết trong bản vẽ.

2. Nội dung bài:

- 2.1. Lệnh Rotate
- 2.2. Lệnh Move
- 2.3. Lệnh Scale
- 2.4. Lệnh Edit
- 2.5. Lệnh Properties
- 2.6. Lệnh Matchprop
- 2.7. Lệnh Trim
- 2.8. Lệnh Fillet
- 2.9. Lệnh Chamfer
- 2.10. Lệnh Align
- 2.11. Lệnh Extend
- 2.12. Lệnh Break

Kiểm tra

Bài 4: Các lệnh ghi kích thước trong AutoCAD

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu:

- Sử dụng các lệnh để ghi lại kích thước của từng chi tiết trên bản vẽ kỹ thuật.

2. Nội dung bài:

- 2.1. Lệnh Dimlinear
- 2.2. Lệnh Dimaligned
- 2.3. Lệnh Dimbaseline
- 2.4. Lệnh Dimcontinue
- 2.5. Lệnh Dimiameter
- 2.6. Lệnh Dimradius
- 2.7. Lệnh Dimangular
- 2.8. Lệnh Modify Dimension Style Manager

Bài 5: Một số lệnh tiện ích khác

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu:

- Sử dụng các lệnh để chèn nội dung chữ, sao chép, phục hồi, ... trên bản vẽ kỹ thuật.

2. Nội dung bài:

- 2.1. Lệnh Text
- 2.2. Lệnh phục hồi
- 2.3. Lệnh Copy
- 2.4. Lệnh Array
- 2.5. Lệnh Layer
- 2.6. Lệnh Offset
- 2.7. Lệnh Boundary
- 2.8. Lệnh Mirror
- 2.9. Lệnh Bhatch
- 2.10. Lệnh Block
- 2.11. Lệnh Insert
- 2.12. Lệnh Erase
- 2.13. Lệnh Stretch
- 2.14. Lệnh Explode

Bài 6: Xuất bản vẽ ra ảnh

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu:

- Để học sinh có thể xuất file bản vẽ kỹ thuật để lưu trữ hoặc in ấn tùy vào từng mục đích khác nhau.

2. Nội dung bài:

2.1. Xuất bản file trong AutoCAD

2.2. In bản vẽ

Kiểm tra

IV. Điều kiện thực hiện môn học thực hành:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

- Phòng học lý thuyết có máy chiếu.
- Phòng thực hành có đầy đủ các thiết bị

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy tính
- Máy chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Bài giảng môn Đồ họa ứng dụng
- Bài tập thực hành

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức:

- + Thực hiện được các lệnh cơ bản và một số lệnh nâng cao trong AutoCAD
- + Hiểu được các tạo nên một bản vẽ thiết kế bằng cách sử dụng các lệnh trong AutoCAD.

- + Biết sử dụng các lệnh hiệu chỉnh, lệnh ghi kích thước và một số lệnh tiện ích.
- + Biết Xuất và In bản vẽ.

- Về kỹ năng:

- + Trình bày được các khái niệm, các thao tác khi sử dụng AutoCAD
- + Sử dụng được các lệnh để tạo, hiệu chỉnh, ghi kích thước bản vẽ.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực tự chủ và độc lập giải quyết các yêu cầu trong các bài thực hành.

2. Phương pháp đánh giá: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra viết, trắc nghiệm và bài thực hành, thông qua những tiết thảo luận, báo cáo kết quả tự học.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học thực hành:

1. Phạm vi áp dụng môn học thực hành:

- Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ trung cấp ngành Công nghệ thông tin.

- Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học thực hành:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Khi giảng dạy giáo viên sử dụng các học cụ trực quan, máy tính, máy chiếu để mô tả nội dung bài học. Thực hiện cẩn thận, chính xác các thao tác.

- Đối với người học: Cần nắm chắc kiến thức, làm bài tập và thực hành ngay sau mỗi bài học lý thuyết.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Sử dụng phần mềm AutoCAD thiết kế đồ họa

4. Tài liệu tham khảo:

[1]. ThS Nguyễn Minh Thuận Nguyễn Quốc Bình - Giáo Trình AutoCAD 2010 Thiết Kế 2D Và 3D.

[2]. Nguyễn Phú Quý - Giáo trình AutoCAD 2010.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC THỰC HÀNH

Tên môn học thực hành: **Thiết kế trang Web**

Mã môn học thực hành: MH18

Thời gian thực hiện môn học thực hành: 60 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 42 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học thực hành:

- Vị trí: Thiết kế trang Web là môn học cần thiết thuộc nhóm các môn học, môn chuyên môn đào tạo ngành, nghề Công nghệ thông tin.

- Tính chất: Môn học Thiết kế trang web là một trong những môn học cốt lõi và ứng dụng cao trong chương trình đào tạo trung cấp ngành Công nghệ thông tin. Môn học này giúp người học trang bị những kiến thức và kỹ năng cần thiết để xây dựng và phát triển các website.

II. Mục tiêu môn học thực hành:

- Về kiến thức: Người học ghi nhớ và trình bày được các kiến thức về thiết kế Web như:

+ Các thao tác cơ bản để thiết kế nên một trang web.

+ Các thao tác nâng cao bổ xung đối tượng đặc biệt vào trang Web Xuất bản một trang web hoàn chỉnh

+ Quản trị website

+ Tính thẩm mỹ và sáng tạo trong việc trình bày và tổ chức các thông tin quảng bá.

- Về kỹ năng:

+ Thực hiện thành thạo các thao tác soạn thảo, phương thức thiết kế, xuất bản, cập nhật, nâng cấp, thay thế, chỉnh sửa, quản trị website

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có khả năng tự học, chủ động trong việc cập nhật các kiến thức của môn học.

+ Có tinh thần trách nhiệm trong các hoạt động học tập. Từ những kiến thức đòi hỏi độ chính xác giúp cho người học ý thức và biết cách sắp xếp khoa học công việc học tập và các hoạt động trong đời sống.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian:

| Số TT | Tên bài, mục | Thời gian (giờ) | | | |
|-------|---|-----------------|-----------|--------------------------------|----------|
| | | Tổng số | Lý thuyết | Thực hành, thí nghiệm, bài tập | Kiểm tra |
| 1 | Bài 1: Tổng quan về WWW – Ngôn ngữ HTML 1. Mục tiêu 2. Nội dung 2.1. Lịch sử WWW 2.2. Nhập môn ngôn ngữ HTML 2.3. Trang và văn bản trên trang 2.4. Bảng biểu (Table) và trang khung (Frame) 2.5. Multimedia trên trang Web Thực hành | 16 | 4 | 11 | 1 |
| 2 | Bài 2. Thiết kế Web tĩnh 1. Mục Tiêu 2. Nội dung bài học 2.1. Tổng quan 2.2. Đối tượng của Form 2.4 Các yếu tố động trên trang 2.5. Liên kết 2.6. Hoàn thiện trang Web tĩnh Thực hành Kiểm tra | 24 | 6 | 17 | 1 |
| 3 | Bài 3. Xây dựng Web động 1. Mục tiêu 2. Nội dung bài học 2.1. Tổng quan về ASP.Net và ADO.Net 2.2. Các đối tượng ASP.Net 2.3. Các đối tượng ADO.Net 2.4. Điều khiển kiểm tra hợp lệ 2.5. Điều khiển hiển thị dữ liệu | 20 | 5 | 14 | 1 |

| | | | | |
|---|-----------|-----------|-----------|----------|
| 2.6. Điều khiển kết nối dữ liệu 2.7. Thiết kế giao diện phía người dùng Web 2.8. Thiết kế giao diện quản trị Web 2.9. Hoàn thiện Website động Thực hành Kiểm tra | | | | |
| Cộng | 60 | 15 | 42 | 3 |

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1. Tổng quan về WWW – Ngôn ngữ HTML

Thời gian: 16 giờ

Giới thiệu: World Wide Web (www), gọi tắt là web, là một không gian thông tin toàn cầu mà mọi người có thể truy nhập (gửi và nhận thông tin) qua các máy tính nối với mạng Internet. Các tài liệu trên web được lưu trữ trong một hệ thống siêu văn bản (hypertext) đặt tại các máy Webserver nối mạng Internet.

HTML (tiếng Anh, viết tắt cho HyperText Markup Language, hay là "Ngôn ngữ Đánh dấu Siêu văn bản") là một ngôn ngữ đánh dấu được thiết kế ra để tạo nên các trang web với các mẫu thông tin được trình bày trên World Wide Web. Cùng với CSS và JavaScript, HTML tạo ra bộ ba nền tảng kỹ thuật cho World Wide Web.

1. Mục tiêu:

- Hiểu các khái niệm cơ bản
- Biết cách cân nhắc, lựa chọn ngôn ngữ thiết kế Web
- Hiểu được lịch sử của WWW;
- Hiểu được cấu trúc của một trang HTML;
- Có khả năng thiết kế được giao diện;
- Biết cách tổ chức được thông tin trong trang chủ;
- Thực hiện các thao tác an toàn với máy tính.

2. Nội dung bài:

2.1. Lịch sử WWW

2.2. Nhập môn ngôn ngữ HTML

2.3. Trang và văn bản trên trang

2.4. Bảng biểu (Table) và trang khung (Frame)

2.5. Multimedia trên trang Web

Bài 2. Thiết kế Web tĩnh

Thời gian: 24 giờ

Giới thiệu: Website tĩnh là gì: là trang web sử dụng hoàn toàn ngôn ngữ HTML, sau khi tải trang HTML từ máy chủ xuống, trình duyệt sẽ biên dịch mã và hiển thị nội dung trang web, người dùng hầu như không thể tương tác với trang web.

- Nội dung website ít khi cập nhật và ít nên bạn muốn tiết kiệm chi phí
 - Website bạn nhỏ và bạn thuê luôn người chuyên về web để quản trị
- + Ưu điểm của website tĩnh: Tốc độ truy cập nhanh bởi nó chỉ là những file HTML Chi phí đầu tư thấp bởi bạn không phải trả tiền nhiều cho Coder, về giao diện Designer có thể thiết kế theo kiểu mới lạ.
- + Nhược điểm của website tĩnh: Khó quản lý nội dung, khó nâng cấp bảo trì...

1. Mục tiêu:

- Hiểu các khái niệm cơ bản
- Mô tả được cách chọn mua tên miền
- Hiểu được các chế độ hiển thị một trang Web;
- Có khả năng đưa một File vào Web;
- Có khả năng tạo được các bảng biểu và các Frame;
- Tạo được ứng dụng bảng liên kết trang Web;
- Xây dựng được các ứng dụng Multimedia;
- Sử dụng tốt các công cụ hỗ trợ thiết kế Web;
- Thực hiện các thao tác an toàn với máy tính.

2. Nội dung bài học:

2.1. Tổng quan

2.2. Đối tượng Form

2.3. Các đối tượng của Form

2.4. Các yếu tố động trên trang

2.5. Liên kết

2.6. Hoàn thiện trang Web tĩnh

Bài 3. Xây dựng Web động

Thời gian: 20 giờ

Giới thiệu: Website động là gì: là một tập hợp các dữ liệu số hóa được tổ chức thành cơ sở dữ liệu, các dữ liệu số hóa được gọi ra trình diễn trên các trang web dưới dạng văn bản, âm thanh, hình ảnh. nó có thêm các phần xử lý thông tin và truy xuất dữ liệu còn website tĩnh thì không. Khác với web tĩnh, web động luôn luôn có thông tin mới do các thông tin này được cập nhật bởi phần mềm quản trị web do các công ty thiết kế website cung cấp. Các thông tin mới này được lưu vào cơ sở dữ liệu của website và đưa ra sử dụng dựa theo yêu cầu của người dùng.

Trang web động được các chuyên gia lập trình, sử dụng các ngôn ngữ lập trình tạo ra mã nguồn dựa theo yêu cầu của trang web.

1. Mục tiêu:

- Hiểu các khái niệm cơ bản
- Cài đặt, cấu hình được IIS và ngôn ngữ lập trình Web;
- Sử dụng tốt công cụ ADO.Net;
- Sử dụng tốt các đối tượng, tiện ích của ngôn ngữ lập trình;
- Có khả năng kết nối với cơ sở dữ liệu;
- Hoàn thiện Website động
- Thiết kế giao diện phía người dùng và phía quản trị Web
- Thực hiện các thao tác an toàn với máy tính

2. Nội dung bài học:

2.1. Tổng quan về ASP.Net và ADO.Net

2.2. Các đối tượng ASP.Net

2.3. Các đối tượng ADO.Net

2.4. Điều khiển kiểm tra hợp lệ

2.5. Điều khiển hiển thị dữ liệu

2.6. Điều khiển kết nối dữ liệu

2.7. Thiết kế giao diện phía người dùng Web

2.8. Thiết kế giao diện quản trị Web

2.9. Hoàn thiện Website động

IV. Điều kiện thực hiện môn học thực hành:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

- Phòng học lý thuyết có máy chiếu.
- Phòng thực hành có đầy đủ các thiết bị

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy tính
- Máy chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Bài giảng môn Thiết kế trang Web
- Bài tập thực hành

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Người học ghi nhớ và trình bày được các kiến thức về thiết kế Web như:

- + Các thao tác cơ bản để thiết kế nên một trang web.
- + Các thao tác nâng cao bổ xung đối tượng đặc biệt vào trang Web Xuất bản một trang web hoàn chỉnh

- + Quản trị website
- + Phương pháp thiết kế Website thân thiện và sáng tạo trong việc trình bày và tổ chức các thông tin quảng bá.

- Về kỹ năng:

- + Thực hiện thành thực các thao tác soạn thảo, phương thức thiết kế, xuất bản, cập nhật, nâng cấp, thay thế, chỉnh sửa, quản trị website.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực tự chủ và độc lập giải quyết các yêu cầu trong các bài thực hành.

2. Phương pháp đánh giá: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra viết, trắc nghiệm và bài thực hành, thông qua những tiết thảo luận, báo cáo kết quả tự học.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học thực hành:

1. Phạm vi áp dụng môn học thực hành:

- Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ trung cấp ngành Công nghệ thông tin.

- Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học thực hành:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Khi giảng dạy giáo viên sử dụng các học cụ trực quan, máy tính, máy chiếu để mô tả nội dung bài học. Thực hiện cẩn thận, chính xác các thao tác.

- Đối với người học: Cần nắm chắc kiến thức, làm bài tập và thực hành ngay sau mỗi bài học lý thuyết.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Các bước tạo trang Web
- Quản trị Website

4. Tài liệu tham khảo:

- [1]. Đặng Ngọc Bình - Thiết kế Web siêu tốc - Index 2016.
- [2]. Nguyễn Văn Lân, Kỹ thuật xây dựng ứng dụng ASP.NET Tập 1,2,3, NXB Lao động và Xã hội 2008.
- [3]. Kỹ sư Phạm Quang Huy, Giáo trình thiết kế Web và làm hoạt hình, NXB Giao thông vận tải, năm 2003.
- [4]. Hoàng Hải, Giáo trình tự học thiết kế Web động, NXB Lao động Xã Hội, Tháng 9 năm 2007.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC THỰC HÀNH

Tên môn học thực hành: **Thiết kế và lắp đặt hệ thống mạng**

Mã môn học thực hành: MĐ19

Thời gian thực hiện môn học thực hành: 60 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 42 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học thực hành

- Vị trí: Thiết kế và lắp đặt hệ thống mạng là môn học thực hành trong môn học, mô đun chuyên môn, trong chương trình đào tạo trung cấp ngành, nghề Công nghệ thông tin.

- Tính chất: Môn học Thiết kế và lắp đặt hệ thống mạng là một trong những môn học thực hành trong chương trình đào tạo trung cấp ngành Công nghệ thông tin. Môn học này trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng thực tế để thiết kế, xây dựng và quản lý các hệ thống mạng máy tính.

II. Mục tiêu môn học thực hành:

- Về kiến thức: Trình bày được quy trình thiết kế và cài đặt hệ thống mạng, đặc điểm và nguyên lý hoạt động của các thiết bị mạng, hiểu các chức năng và ứng dụng phần mềm thiết kế mạng.

- Về kỹ năng:

+ Thực hiện được các bước xây dựng hệ thống mạng.

+ Sử dụng được các phần mềm thiết kế và cài đặt mạng.

+ Triển khai lắp đặt máy tính và các thiết bị mạng

+ Cài đặt và cấu hình các phần mềm dịch vụ cho máy chủ và các máy trạm

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có khả năng tự học, chủ động trong việc cập nhật các kiến thức của môn học.

+ Có tinh thần trách nhiệm trong các hoạt động học tập. Từ những kiến thức đòi hỏi độ chính xác giúp cho học viên ý thức và biết cách sắp xếp khoa học công việc học tập và các hoạt động trong đời sống.

III. Nội dung môn học thực hành:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

| Số TT | Tên bài, mục | Thời gian (giờ) | | | |
|-------|---|-----------------|-----------|--------------------------------|----------|
| | | Tổng số | Lý thuyết | Thực hành, thí nghiệm, bài tập | Kiểm tra |
| 1 | Bài 1. Tổng quan về thiết kế và cài đặt mạng 1. Thu thập yêu cầu của khách hàng 2. Phân tích yêu cầu 3. Thiết kế giải pháp 4. Cài đặt mạng 5. Kiểm thử mạng 6. Bảo trì hệ thống | 7 | 2 | 5 | |
| 2 | Bài 2: Mạng cục bộ 1. Các chuẩn mạng cục bộ 2. Cơ sở cầu nối 3. Cơ sở bộ chuyển mạch Thực hành | 7 | 2 | 4 | 1 |
| 3 | Bài 3. Mạng cục bộ ảo (Virtual LAN) 1. Giới thiệu 2. Kiến trúc của switch 3. Các giải thuật hoán chuyển 4. Thông lượng tổng 5. Phân loại switch 6. Thiết kế mạng với giao thức IP Thực hành | 8 | 2 | 6 | |
| 4 | Bài 4. Danh sách điều khiển truy cập 1. Khái niệm danh sách truy cập 2. Nguyên tắc hoạt động của danh sách truy cập Thực hành | 7 | 2 | 4 | 1 |
| 5 | Bài 5. Thiết kế mạng cục bộ LAN 1. Giới thiệu về trình thiết kế mạng LAN 2. Lập sơ đồ thiết kế mạng Thực hành | 7 | 2 | 5 | |

| | | | | | |
|-------------|---|-----------|-----------|-----------|----------|
| 6 | Bài 6. Sử dụng phần mềm Microsoft Visio thiết kế mạng 1. Giới thiệu 2. Làm việc với Visio | 9 | 2 | 7 | |
| 7 | Bài 7. Xây dựng mạng LAN 1. Kỹ thuật đấu nối 2. Các bước tiến hành thi công 3. Đấu nối và cấu hình phần cứng 4. Cài đặt hệ điều hành mạng 5. Cài đặt các dịch vụ mạng. Thực hành | 15 | 3 | 11 | 1 |
| Cộng | | 60 | 15 | 42 | 3 |

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1. Tổng quan về thiết kế và cài đặt mạng

Thời gian: 07 giờ

1. Mục tiêu:

- Hiểu các và mô tả được các bước thiết kế và cài đặt hệ thống mạng

2. Nội dung bài:

2.1. Thu thập yêu cầu của khách hàng

2.2. Phân tích yêu cầu

2.3. Thiết kế giải pháp

2.4. Cài đặt mạng

2.5. Kiểm thử mạng

2.6. Bảo trì hệ thống

Bài 2: Mạng cục bộ

Thời gian: 07 giờ

1. Mục tiêu:

- Hiểu các kiến thức về mạng cục bộ, cấu tạo và nguyên lý hoạt động của các thiết bị mạng

2. Nội dung bài:

2.1. Các chuẩn mạng cục bộ

2.2. Cơ sở cầu nối

2.3. Cơ sở bộ chuyển mạch

Thực hành

Bài 3. Mạng cục bộ ảo (Virtual LAN)

Thời gian: 08 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các khái niệm cơ bản
- Mô tả được các bước thực hiện thao tác
- Thành thạo kỹ năng làm việc với mạng cục bộ ảo

2. Nội dung bài:

2.1. Giới thiệu

2.2. Kiến trúc của switch

2.3. Các giải thuật hoán chuyển

2.4. Thông lượng tổng

2.5. Phân loại switch

2.6. Thiết kế mạng với giao thức IP Thực hành

Bài 4. Danh sách điều khiển truy cập

Thời gian: 07 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các khái niệm cơ bản
- Mô tả được các bước thực hiện thao tác
- Thành thạo kỹ năng tạo danh sách điều khiển truy cập

2. Nội dung bài:

2.1. Khái niệm danh sách truy cập

2.2. Nguyên tắc hoạt động của danh sách truy cập

Thực hành

Bài 5. Thiết kế mạng cục bộ LAN

Thời gian: 07 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các khái niệm cơ bản
- Mô tả được các bước thực hiện thao tác
- Thành thạo kỹ năng lập sơ đồ thiết kế mạng LAN

2. Nội dung:

2.1. Giới thiệu về trình thiết kế mạng LAN

2.2. Lập sơ đồ thiết kế mạng

Thực hành

Bài 6. Sử dụng phần mềm Microsoft Visio thiết kế mạng

Thời gian: 09 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các khái niệm cơ bản
- Mô tả được các bước thực hiện thao tác
- Sử dụng thành thạo phần mềm Microsoft Visio thiết kế mạng

2. Nội dung:

2.1. Giới thiệu

2.2. Làm việc với Visio

Bài 7. Xây dựng mạng LAN

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các khái niệm cơ bản
- Mô tả được các bước thực hiện thao tác
- Thành thạo các kỹ năng xây dựng mạng LAN

2. Nội dung:

2.1. Kỹ thuật đấu nối

2.2. Các bước tiến hành thi công

2.3. Đấu nối và cấu hình phần cứng

2.4. Cài đặt hệ điều hành mạng

2.5. Cài đặt các dịch vụ mạng Thực hành

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

- Phòng học lý thuyết có máy chiếu.
- Phòng thực hành có đầy đủ các thiết bị mạng

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy tính
- Máy chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Bài giảng môn Thiết kế và lắp đặt hệ thống mạng
- Bài tập thực hành

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức: trình bày được quy trình thiết kế và cài đặt hệ thống mạng, đặc điểm và nguyên lý hoạt động của các thiết bị mạng hiểu các chức năng và ứng dụng phần mềm thiết kế mạng.

- Về kỹ năng:

+ Thực hiện được các bước xây dựng hệ thống mạng.

+ Sử dụng được các phần mềm thiết kế và cài đặt mạng.

+ Triển khai lắp đặt máy tính và các thiết bị mạng

+ Cài đặt và cấu hình các phần mềm dịch vụ cho máy chủ và các máy trạm

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực tự chủ và độc lập giải quyết các yêu cầu trong các bài thực hành.

2. Phương pháp đánh giá: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra viết, trắc nghiệm và bài tập, thông qua những tiết thảo luận, báo cáo kết quả tự học.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học thực hành:

1. Phạm vi áp dụng môn học thực hành:

- Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ trung cấp ngành Công nghệ thông tin.

- Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học thực hành:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Khi giảng dạy giáo viên sử dụng các học cụ trực quan, máy tính, máy chiếu để mô tả nội dung bài học. Thực hiện cẩn thận, chính xác các thao tác.

- Đối với người học: Cần nắm chắc kiến thức, làm bài tập và thực hành ngay sau mỗi bài học lý thuyết.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Các bước thiết kế và cài đặt mạng

- Mạng cục bộ ảo

- Phần mềm thiết kế hệ thống mạng

- Xây dựng mạng LAN

4. Tài liệu tham khảo:

[1]. Nguyễn Gia Như, Lê Trọng Vĩnh - Giáo trình thiết kế mạng - NXB Thông tin và Truyền thông 2016

[2]. Giáo trình hệ thống máy tính CCNA - NXB Lao động xã hội 2006

[3]. Tống Văn Ôn - Mạng máy tính - NXB Thống kê 2006

[4]. Trương Cẩm Hồng - Các kỹ thuật kết nối mạng không dây - NXB Thống kê 2006.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC THỰC HÀNH

Tên môn học thực hành: **Quản trị CSDL với SQL server**

Mã môn học thực hành: MH20

Thời gian thực hiện môn học thực hành: 60 giờ; (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thi ngẫu nhiên thảo luận, bài tập: 28 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học thực hành

- Vị trí: Môn học Quản trị CSDL với SQL server là môn học, mô đun chuyên môn, trong chương trình đào tạo trung cấp ngành, nghề Công nghệ thông tin

- Tính chất: Môn học Thực hành Quản trị CSDL với SQL Server cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng thực tế để quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu (CSDL) bằng phần mềm SQL Server.

II. Mục tiêu môn học thực hành:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được mô hình CSDL Client/Server.

+ Ghi nhớ và phân biệt được các đặc trưng của mô hình Client/Server.

+ Phân tích được các tầng cấu trúc của mô hình Client/Server.

+ Phân biệt được các mô hình CSDL.

+ Trình bày lịch sử phát triển của hệ quản trị CSDL MS SQL Server

+ Trình bày được chức năng của các công cụ của hệ quản trị CSDL MS SQL Server

+ Ghi nhớ các bước thiết kế bảng dữ liệu, cú pháp của các câu truy vấn trong hệ quản trị CSDL MS SQL Server

+ Phân biệt các mối quan hệ 1-1, 1-n, n-n và thiết lập được quan hệ cho các bảng.

- Về kỹ năng:

+ Cài đặt được phần mềm hệ quản trị CSDL MS SQL Server

+ Sử dụng được các công cụ hỗ trợ của hệ quản trị CSDL MS SQL Server

+ Cấu hình được hệ thống quản trị CSDL trên Server nội bộ.

+ Sử dụng được phần mềm quản trị CSDL MS SQL Server

+ Thiết kế được các bảng dữ liệu với các kiểu dữ liệu phù hợp

+ Thực hiện được các truy vấn Select, Insert, Update và Delete của ngôn ngữ SQL Server trong công cụ Query Analyzer.

+ Đọc được hồ sơ thiết kế CSDL

+ Thực hiện được các thao tác tạo người sử dụng, phân quyền cho người sử dụng

+ Chuyển đổi được CSDL đơn giản từ hệ quản trị CSDL MS SQL sang MS Access hoặc sang các hệ quản trị CSDL khác và ngược lại.

+ Sao lưu và phục hồi được CSDL

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nghiêm túc, tự giác trong học tập.

+ Đảm bảo an toàn cho người và thiết bị

III. Nội dung môn học thực hành:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

| Số TT | Tên bài, mục | Thời gian (giờ) | | | |
|-------|---|-----------------|-----------|--------------------------------|----------|
| | | Tổng số | Lý thuyết | Thực hành, thí nghiệm, bài tập | Kiểm tra |
| 1 | Bài 1. Tổng quan về mô hình client/server 1. Các kiến thức tổng quan về CSDL 2. Các giai đoạn phát triển của một hệ quản trị CSDL 3. Giới thiệu về mô hình Client/Server và các hệ quản trị CSDL phục vụ cho mô hình Client/Server. 4. Các đặc trưng của mô hình Client/server | 3 | 2 | 1 | |
| 2 | Bài 2: Cấu hình csdl client/server 1. Tổng quan về cấu trúc Client/Server 2. Các tầng cấu trúc 3. Các mô hình dữ liệu của hệ thống Client/Server | 6 | 4 | 2 | |
| 3 | Bài 3. Hệ quản trị CSDL MS SQL server 1. Giới thiệu hệ quản trị CSDL MS SQL Server 2. Cài đặt MS SQL Server 3. Các công cụ của MS SQL 4. Làm việc với công cụ Enterprise Manager 5. Nhận xét 6. Bài tập | 6 | 3 | 3 | |
| 4 | Bài 4. Các thao tác trên MS SQL server 1. Đăng nhập vào MS SQL Server 2. Kiểu dữ liệu trong MS SQL 3. Tạo CSDL trong MS SQL Server 4. Tạo bảng trong MS SQL Server 5. Tạo quan hệ giữa các bảng trong CSDL | 30 | 14 | 15 | 1 |

| | | | | |
|---|-----------|-----------|-----------|----------|
| 6. Nhập dữ liệu trong MS SQL Server 7. Truy vấn SQL 8. Bài tập | | | | |
| Bài 5. Thiết kế, bảo trì và phát triển mô hình client/server 1. Đọc hồ sơ thiết kế CSDL 2. Bảo mật CSDL 3. Chuyển đổi cơ sở dữ liệu từ các nguồn cơ sở dữ liệu 4. Sao lưu dự phòng cơ sở dữ liệu 5. Bảo trì cơ sở dữ liệu | 15 | 7 | 7 | 1 |
| Cộng | 60 | 30 | 28 | 2 |

2 Nội dung chi tiết:

Bài 1. Tổng quan về mô hình client/server

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được mô hình CSDL Client/Server.
- Ghi nhớ và phân biệt được các đặc trưng của mô hình Client/Server.
- Nghiêm túc, tự giác trong học tập.

2. Nội dung bài:

- 2.1. Các kiến thức tổng quan về CSDL
- 2.2. Các giai đoạn phát triển của một hệ quản trị CSDL
- 2.3. Giới thiệu về mô hình Client/Server và các hệ quản trị CSDL phục vụ cho mô hình Client/Server.
- 2.4. Các đặc trưng của mô hình Client/server

Bài 2: Cấu hình CSDL client/server

Thời gian: 06 giờ

1. Mục tiêu:

- Phân tích được các tầng cấu trúc của mô hình Client/Server.
- Phân biệt được các mô hình CSDL.
- Nghiêm túc, tự giác trong học tập.
- Đảm bảo an toàn cho người và thiết bị.

2. Nội dung bài:

- 2.1. Tổng quan về cấu trúc Client/Server
- 2.2. Các tầng cấu trúc
- 2.3. Các mô hình dữ liệu của hệ thống Client/Server

Bài 3. Hệ quản trị CSDL MS SQL server

Thời gian: 06 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày lịch sử phát triển của hệ quản trị CSDL MS SQL Server
- Cài đặt được phần mềm hệ quản trị CSDL MS SQL Server
- Sử dụng được các công cụ hỗ trợ của hệ quản trị CSDL MS SQL Server
- Cấu hình được hệ thống quản trị CSDL trên Server nội bộ.
- Nghiêm túc, tự giác trong học tập.
- Đảm bảo an toàn cho người và thiết bị.

2. Nội dung bài:

- 2.1. Giới thiệu hệ quản trị CSDL MS SQL Server
- 2.2. Cài đặt MS SQL Server
- 2.3. Các công cụ của MS SQL
- 2.4. Làm việc với công cụ Enterprise Manager
- 2.5. Nhận xét
- 2.6. Bài tập

Bài 4. Các thao tác trên MS SQL server

Thời gian: 30 giờ

1. Mục tiêu:

- Sử dụng được phần mềm quản trị CSDL MS SQL Server
- Thiết kế được các bảng dữ liệu với các kiểu dữ liệu phù hợp
- Phân biệt các mối quan hệ 1-1, 1-n, nên và thiết lập được quan hệ cho các bảng.
- Thực hiện được các truy vấn Select, Insert, Update và Delete của ngôn ngữ SQL Server trong công cụ Query Analyzer.
- Thực hiện các thao tác an toàn với máy tính

2. Nội dung bài:

- 2.1. Đăng nhập vào MS SQL Server
- 2.2. Kiểu dữ liệu trong MS SQL
- 2.3. Tạo CSDL trong MS SQL Server
- 2.4. Tạo bảng trong MS SQL Server
- 2.5. Tạo quan hệ giữa các bảng trong CSDL
- 2.6. Nhập dữ liệu trong MS SQL Server
- 2.7. Truy vấn SQL
- 2.8. Bài tập

Bài 5. Thiết kế, bảo trì và phát triển mô hình client/server

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu:

- Đọc được hồ sơ thiết kế CSDL
 - Thực hiện được các thao tác tạo người sử dụng, phân quyền cho người sử dụng
- Chuyển đổi được CSDL đơn giản từ hệ quản trị CSDL MS SQL sang MS Access hoặc sang các hệ quản trị CSDL khác và ngược lại.
- Sao lưu và phục hồi được CSDL
 - Thực hiện các thao tác an toàn với máy tính

2. Nội dung bài:

- 2.1. Đọc hồ sơ thiết kế CSDL
- 2.2. Bảo mật CSDL
- 2.3. Chuyển đổi cơ sở dữ liệu từ các nguồn cơ sở dữ liệu
- 2.4. Sao lưu dự phòng cơ sở dữ liệu
- 2.5. Bảo trì cơ sở dữ liệu

IV. Điều kiện thực hiện môn học thực hành:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:
 - Phòng học lý thuyết có máy chiếu.
 - Phòng thực hành có đầy đủ các thiết bị mạng
2. Trang thiết bị máy móc:
 - Máy tính
 - Máy chiếu
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:
 - Bài giảng môn Quản trị CSDL với SQL Server
 - Bài tập thực hành
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày được mô hình CSDL Client/Server.
 - + Ghi nhớ và phân biệt được các đặc trưng của mô hình Client/Server.
 - + Phân tích được các tầng cấu trúc của mô hình Client/Server.
 - + Phân biệt được các mô hình CSDL.
 - + Trình bày lịch sử phát triển của hệ quản trị CSDL MS SQL Server
 - + Trình bày được chức năng của các công cụ của hệ quản trị CSDL MS SQL

Server

- + Ghi nhớ các bước thiết kế bảng dữ liệu, cú pháp của các câu truy vấn trong hệ quản trị CSDL MS SQL Server
- + Phân biệt các mối quan hệ 1-1, 1-n, n-n và thiết lập được quan hệ cho các bảng.
- Về kỹ năng:
 - + Cài đặt được phần mềm hệ quản trị CSDL MS SQL Server
 - + Sử dụng được các công cụ hỗ trợ của hệ quản trị CSDL MS SQL Server
 - + Cấu hình được hệ thống quản trị CSDL trên Server nội bộ.
 - + Sử dụng được phần mềm quản trị CSDL MS SQL Server
 - + Thiết kế được các bảng dữ liệu với các kiểu dữ liệu phù hợp
 - + Thực hiện được các truy vấn Select, Insert, Update và Delete của ngôn ngữ SQL Server trong công cụ Query Analyzer.
 - + Đọc được hồ sơ thiết kế CSDL
 - + Thực hiện được các thao tác tạo người sử dụng, phân quyền cho người sử dụng
- + Chuyển đổi được CSDL đơn giản từ hệ quản trị CSDL MS SQL sang MS Access hoặc sang các hệ quản trị CSDL khác và ngược lại.
- + Sao lưu và phục hồi được CSDL
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Nghiêm túc, tự giác trong học tập.
 - + Đảm bảo an toàn cho người và thiết bị.

2. Phương pháp đánh giá: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra viết, trắc nghiệm tập thực hành, thông qua những tiết thảo luận, báo cáo kết quả nghi

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học thực hành:

1. Phạm vi áp dụng môn học thực hành:

- Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ trung cấp ngành Công nghệ thông tin.

- Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học thực hành:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Khi giảng dạy giáo viên sử dụng các học cụ trực quan, máy tính, máy chiếu để mô tả nội dung bài học. Thực hiện cẩn thận, chính xác các thao tác.

- Đối với người học: Cần nắm chắc kiến thức, làm bài tập và thực hành ngay sau mỗi bài học lý thuyết.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Các thao tác trên MS SQL server

- Thiết kế, bảo trì và phát triển mô hình client/server Tài liệu tham khảo:

[1]. Phạm Hữu Khang, Phương Lan - SQL Server 2008 quản trị cơ sở dữ liệu - NXB Lao động xã hội 2009

[2]. Đỗ Thị Minh Phụng - Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server - NXB Đại học Quốc Gia thành phố Hồ Chí Minh 2018

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC THỰC HÀNH

Tên môn học thực hành: **Thực hành nghề nghiệp 1**

Mã môn học thực hành: MH21

Thời gian thực hiện môn học: 120 giờ;

- + Thực tập: 118 giờ
- + Kiểm tra: 2 giờ
- + Số bài kiểm tra: 2 bài

I. Vị trí, tính chất của môn học thực hành:

- Vị trí: Môn học được bố trí sau khi học sinh học xong tất cả các môn học chung, các môn học đào tạo chuyên ngành.

- Tính chất: Môn học Thực hành nghề nghiệp 1 là cầu nối giữa lý thuyết và thực tiễn, giúp người học vận dụng những kiến thức đã học vào các tình huống thực tế công việc. Môn học này không chỉ giúp người học rèn luyện kỹ năng chuyên môn mà còn giúp họ phát triển toàn diện các kỹ năng mềm cần thiết cho công việc.

II. Mục tiêu môn học thực hành:

- Kiến thức:

- Nắm vững cấu trúc máy tính, khắc phục một số sự cố thường gặp trong máy tính và mạng máy tính

Hiểu nguyên lý và phương pháp ứng dụng các phần mềm đã học vào công tác văn phòng

- Kỹ năng:

+ Thực hiện thành thạo việc cài đặt sửa chữa và bảo trì hệ thống máy tính

+ Rèn luyện tính khoa học, chính xác cẩn thận trong công việc của người làm CNTT.

CNTT.

+ Thành thạo các kỹ năng sử dụng bộ phần mềm office phục vụ cho công tác văn phòng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có năng lực dẫn dắt về nội dung của môn học đã được đào tạo,

+ Có khả năng tự ứng dụng được các kiến thức của môn học cho các yêu cầu thực tế.

+ Khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

III. Nội dung môn học thực hành:

| Số TT | Tên bài, mục | Thời gian (giờ) | | | |
|-------------|--|-----------------|-----------|--------------------------------|----------|
| | | Tổng số | Lý thuyết | Thực hành, thí nghiệm, bài tập | Kiểm tra |
| 1 | CẤU TRÚC VÀ BẢO TRÌ MÁY TÍNH 1. Sửa chữa và cài đặt máy tính 2. Khắc phục sự cố máy tính 3. Khắc phục sự cố mạng 4. Thiết lập cấu hình hệ thống Kiểm tra | 60 | | 59 | 1 |
| 2 | ỨNG DỤNG BỘ PHẦN MỀM OFFICE TRONG CÔNG TÁC VĂN PHÒNG 1. Soạn thảo văn bản 2. Bảng tính excel 3. Sử dụng phần mềm trình chiếu 4. Quản trị cơ sở dữ liệu Kiểm tra | 60 | | 59 | 1 |
| Cộng | | 120 | | 118 | 2 |

IV. Điều kiện thực hiện môn học thực hành

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng:
Phòng thực hành máy tính có máy chiếu
2. Trang thiết bị máy móc:
 - Máy tính
 - Máy chiếu
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:
Đề cương thực tập tốt nghiệp

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:
 - Kiến thức:
 - Nắm vững cấu trúc máy tính, khắc phục một số sự cố thường gặp trong máy tính và mạng máy tínhHiểu nguyên lý và phương pháp ứng dụng các phần mềm đã học vào công tác văn phòng
 - Kỹ năng:

- + Thực hiện thành thạo việc cài đặt sửa chữa và bảo trì hệ thống máy tính.
- + Rèn luyện tính khoa học, chính xác cẩn thận trong công việc của người làm CNTT.

- + Thành thạo các kỹ năng sử dụng các kỹ năng sử dụng bộ phần mềm office phục vụ cho công tác văn phòng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Có khả năng tự học, chủ động trong việc tổng hợp kiến thức của các môn học để ứng dụng trong công việc sau này.

- + Có tinh thần trách nhiệm trong các hoạt động học tập.

2. Phương pháp đánh giá: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra thực hành và kết quả của từng bài thi kết thúc môn học.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học thực hành

1. Phạm vi áp dụng môn học thực hành:

Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Trung cấp ngành Công nghệ thông tin.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học thực hành:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Khi hướng dẫn giáo viên sử dụng các học cụ trực quan, máy tính, máy chiếu để mô tả nội dung của từng phần thực hiện cẩn thận, chính xác các thao tác.

- Đối với người học: Cần chủ động tích cực trong giai đoạn thực tập nghề nghiệp để tổng hợp kỹ năng thực hành chuẩn bị cho công việc trong tương lai.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Sửa chữa và cài đặt máy tính
- Khắc phục sự cố máy tính
- Khắc phục sự cố mạng
- Ứng dụng phần mềm trong công tác văn phòng

4. Tài liệu tham khảo:

[1] Tự học lắp ráp và sửa chữa máy tính; Tác giả: Water PC; Nhà xuất bản: Văn hóa Thông tin.

[2]. Hướng dẫn tự học và khắc phục sự cố máy tính cá nhân; Tác giả: Việt Văn Book; Nhà xuất bản: Hồng Đức.

[3]. TS Quách Tuấn Ngọc, Cách viết báo cáo khoa học, đề tài tốt nghiệp. Ba giáo dục, 2000

[4]: PGS.TS Bùi Thế Tâm - Giáo trình Tin học văn phòng - 2010, NXB thời đại.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: **Thực hành nghề nghiệp 2**

Mã mô đun: MĐ22

Thời gian thực hiện mô đun: 180 giờ;

+ Thực tập: 178 giờ

+ Kiểm tra: 2 giờ

+ Số bài kiểm tra: 2 bài

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Mô đun được bố trí sau khi học sinh học xong tất cả các môn học chung, các môn học đào tạo chuyên ngành.

- Tính chất: Mô đun Thực hành nghề nghiệp 2 giúp người học nắm vững kiến thức chuyên ngành và ứng dụng vào thực tế. Trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết để thành công trong công việc. Phát triển khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, giao tiếp, thuyết trình. rèn luyện khả năng làm việc độc lập và nâng cao trình độ chuyên môn.

II. Mục tiêu mô đun:

- Kiến thức:

+ Trình bày được ứng dụng của phần mềm thiết kế đồ họa đã được học. Phân biệt được các công cụ và cách sử dụng các công cụ trong thiết kế đồ họa

+ Trình bày được ứng dụng và những công cụ và các thao tác với cơ sở dữ liệu SQL server

- Kỹ năng:

+ Sử dụng thành thạo phần mềm thiết kế đồ họa

+ Sử dụng thành thạo SQL quản trị cơ sở dữ liệu

+ Rèn luyện tính khoa học, chính xác cẩn thận trong công việc của người làm CNTT.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có năng lực dẫn dắt về nội dung của môn học đã được đào tạo.

+ Có khả năng tự ứng dụng được các kiến thức của môn học cho các yêu cầu thực tế.

+ Khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

III. Nội dung mô đun

| Số TT | Tên bài, mục | Thời gian (giờ) | | | |
|-------------|---|-----------------|-----------|--------------------------------|----------|
| | | Tổng số | Lý thuyết | Thực hành, thí nghiệm, bài tập | Kiểm tra |
| 1 | <p>I. ĐỒ HỌA ỨNG DỤNG</p> <p>1. Xử lý ảnh với PhotoShop</p> <p> 1.1. Tạo và hiệu chỉnh chữ</p> <p> 1.2. Các hiệu ứng</p> <p> 1.3. Phục hồi ảnh</p> <p>2. Corel Draw</p> <p> 2.1. Xử lý văn bản</p> <p> 2.2. Tạo hiệu ứng đặc biệt</p> <p> 2.3. Vẽ và hiệu chỉnh</p> <p>Kiểm tra</p> | 90 | | 89 | 1 |
| 2 | <p>II. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQLserver</p> <p>1. Ứng dụng SQL server thiết kế cơ sở dữ liệu cho các hệ thống quản lý</p> <p>2. Sử dụng truy vấn SQL để quản trị cơ sở dữ liệu</p> <p>3. Thiết kế, bảo trì và phát triển mô hình client/server</p> <p>Kiểm tra</p> | 90 | | 89 | 1 |
| Tổng | | 180 | | 178 | 2 |

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng:
 Phòng thực hành máy tính có máy chiếu
2. Trang thiết bị máy móc:
 - Máy tính
 - Máy chiếu
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:
 Đề cương thực hành nghề nghiệp 2

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức:

+ Trình bày được ứng dụng của phần mềm thiết kế đồ họa đã được học. Phân biệt được các công cụ và cách sử dụng các công cụ trong thiết kế đồ họa

+ Trình bày được ứng dụng và những công cụ và SQL server

- Kỹ năng:

+ Sử dụng thành thạo phần mềm thiết kế đồ họa

+ Sử dụng thành thạo SQL quản trị cơ sở dữ liệu

+ Rèn luyện tính khoa học, chính xác cẩn thận trong công việc của người làm CNTT.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có năng lực dẫn dắt về nội dung của môn học đã được đào tạo.

+ Có khả năng tự ứng dụng được các kiến thức của môn học cho các yêu cầu thực tế.

+ Khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

2. Phương pháp đánh giá: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra thực hành và kết quả của từng bài thi kết thúc mô đun.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Trung cấp ngành Công nghệ thông tin.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Khi hướng dẫn giáo viên sử dụng các học cụ trực quan, máy tính, máy chiếu để mô tả nội dung của từng phần thực hiện cẩn thận, chính xác các thao tác.

- Đối với người học: Cần chủ động tích cực trong giai đoạn thực tập nghề nghiệp để tổng hợp kỹ năng thực hành chuẩn bị cho công việc trong tương lai

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Xử lý ảnh với PhotoShop

- Xử lý ký tự bằng Corel Draw

- Quản trị CSDL SQL server

4. Tài liệu tham khảo:

[1]. Nguyễn Việt Dũng - Adobe Photoshop - NXB Lao động xã hội.

[2]. Nguyễn Việt Dũng - Adobe Photoshop Bài tập và kỹ xảo - NXB Lao động Xã hội.

[3]. Nguyễn Phú Quảng - Giáo trình sử dụng Corel Draw - NXB Giáo dục.

[4] Phạm Huy Khang, Phương Lan- SQL Server 2008 quản trị cơ sở dữ liệu - NXB Lao động xã hội 2009

[5] Đỗ Thị Minh Phụng - Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server - Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia thành phố Hồ Chí Minh 2018

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: **Kỹ năng làm việc nhóm**

Mã môn học: MH23

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thảo luận, bài tập: 28 giờ; kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Là môn học dạy kỹ năng mềm
- Tính chất: Môn học Kỹ năng làm việc nhóm nhằm trang bị cho người học, những kiến thức và kỹ năng cần thiết để giao tiếp hiệu quả trong cuộc sống và công việc.

II. Mục tiêu môn học:

1. Về kiến thức:

- + Học sinh nắm được khái niệm, phân loại, đặc điểm, vai trò của cá nhân trong nhóm, thấy được sự cần thiết của làm việc nhóm.
- + Thấy được yêu cầu tất yếu của làm việc nhóm, hiểu bản chất của hình thức làm việc nhóm, cơ cấu tổ chức nhóm.
- + Giải thích được tầm quan trọng sự khác biệt trong việc tạo thành công của nhóm.
- + Giải thích được nguyên tắc điều chỉnh hoạt động giao tiếp trong nhóm.
- + Giải thích được các mâu thuẫn thường phát sinh trong nhóm và tăng cường động lực làm việc cho các thành viên.

2. Về kỹ năng:

- + Vận dụng các điểm khác biệt của các thành viên để tạo thành công của nhóm.
- + Tăng cường động lực làm việc trong nhóm.
- + Xây dựng được mục đích, tầm nhìn của một nhóm.
- + Thực hành giao tiếp hiệu quả trong nhóm.
- + Vận dụng kỹ năng để điều hành nhóm giải quyết một số vấn đề cụ thể. Vận dụng để giải quyết các bài tập lớn khi học các môn chuyên môn, thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ khác.
- + Ứng dụng mô hình để giải thích các hiện tượng trong cuộc sống và công việc.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Hợp tác và định hướng giải quyết vấn đề
- + Tạo lập môi trường tích cực
- + Chấp nhận sự khác biệt của các thành viên trong một nhóm
- + Tích cực học tập, nắm vững lý thuyết và vận dụng linh hoạt vào các hoạt động nhóm được phân công.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

| Số TT | Tên chương, mục | Thời gian(giờ) | | | |
|-------|---|----------------|-----------|--------------------|----------|
| | | Tổng số | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập | Kiểm tra |
| 1 | Chương 1: Những vấn đề chung về làm việc nhóm 1. Các khái niệm và tầm quan trọng của làm việc nhóm 1.1. Các khái niệm 1.2. Lợi ích của làm việc nhóm 2. Quy mô và phân loại nhóm 2.1. Quy mô nhóm 2.2. Phân loại nhóm 3. Các giai đoạn hình thành và phát triển nhóm 4. Vai trò của các thành viên trong nhóm Bài tập mô phỏng - Phân nhóm, đặt tên và khẩu hiệu nhóm - Trắc nghiệm: 2 đạo quân và kết quả cuộc chiến (phân tích yếu tố thành công khi làm việc nhóm) - Xếp đĩnh (phân tích yếu tố gắn kết tạo dựng kết quả) Sau bài tập, nhóm báo cáo kết quả. Giảng viên đúc rút lý thuyết đã học từ bài thực hành. | 9 | 3 | 6 | |
| 2 | Chương 2: Xây dựng nhóm làm việc hiệu quả 1. Xác định mục tiêu, phân công nhiệm vụ và trách nhiệm rõ ràng 1.1. Xác định mục tiêu 1.2. Phân công nhiệm vụ và trách nhiệm rõ ràng | 17 | 7 | 9 | 1 |

| | | | | | |
|---|---|----|---|----|---|
| | <p>2. Tạo lập môi trường làm việc hiệu quả</p> <p>2.1. Điều kiện vật chất và tinh thần</p> <p>2.2. Nguyên tắc hoạt động nhóm</p> <p>3. Duy trì hoạt động truyền thông và giao tiếp hiệu quả</p> <p>3.1 Các hình thức giao tiếp</p> <p>3.2 Lắng nghe</p> <p>4. Giải quyết xung đột trong nhóm</p> <p>4.1 Quan niệm mới về xung đột</p> <p>4.2 Nguồn gốc của xung đột</p> <p>4.3 Các biện pháp giải quyết xung đột</p> <p>5 Tăng cường động lực làm việc nhóm</p> <p>5.1 Một số vấn đề chung về động lực</p> <p>5.2 Một số cách thức tạo động lực phổ biến</p> <p>Bài tập mô phỏng</p> <p>- Trò chơi: “Chữ cái đầu”- Thi đấu nhóm (đo mức độ phản ứng của nhóm khi làm việc)</p> <p>- Trò chơi: Ngôn ngữ cơ thể và các động vật- thi đấu nhóm (ứng dụng ngôn ngữ cơ thể và các bí quyết giao tiếp)</p> <p>- Giải quyết tình huống: mâu thuẫn nhóm hành động- ứng dụng Mindmap trong giải quyết công việc nhóm</p> <p>Sau bài tập, nhóm báo cáo kết quả. Giảng viên đúc rút lý thuyết đã học từ bài thực hành.</p> | | | | |
| 3 | <p>Chương 3: Kỹ năng lãnh đạo nhóm hiệu quả</p> <p>1. Những vấn đề chung về lãnh đạo</p> <p>1.1 Khái niệm</p> <p>1.2 Những tố chất cần thiết của người lãnh đạo</p> <p>1.3 Vai trò của người lãnh đạo</p> <p>2. Một số kỹ năng cần thiết của người lãnh đạo nhóm</p> <p>2.1 Kỹ năng lập kế hoạch</p> | 19 | 5 | 13 | 1 |

| | | | | | |
|--|--|-----------|-----------|-----------|----------|
| | 2.2 Kỹ năng tổ chức công việc 2.3 Kỹ năng điều hành cuộc họp Bài tập mô phỏng - Đóng vai: Thuyết phục khách hàng (chiến lược và thực thi trong nhóm; khả năng duy trì quan hệ, thuyết phục) - Trò chơi: Cá lớn, cá bé- thi đấu nhóm (tạo động lực nhóm) Sau bài tập, nhóm báo cáo kết quả. Giảng viên đúc rút lý thuyết đã học từ bài thực hành. | | | | |
| | Cộng | 45 | 15 | 28 | 2 |

2.Nội dung chi tiết:

Chương 1: Những vấn đề chung về nhóm và làm việc nhóm

Thời gian: 09 giờ

1. Mục tiêu: Giúp cho sinh viên hiểu rõ về những nhóm và các quá trình hình thành, phát triển một nhóm cụ thể. Từ đó xác định được vị trí vai trò của cá nhân trong nhóm và nhận định được sự khác biệt trong nhóm có ý nghĩa như thế nào.

2. Nội dung bài:

2.1. Các khái niệm và tầm quan trọng của làm việc nhóm

2.1.2. Các khái niệm

2.1.3. Lợi ích của làm việc nhóm

2.2. Quy mô và phân loại nhóm

2.2.1. Quy mô nhóm

2.2.2. Phân loại nhóm

2.3. Các giai đoạn hình thành và phát triển nhóm

2.4. Vai trò của các thành viên trong nhóm

Chương 2: Xây dựng nhóm làm việc hiệu quả

Thời gian: 17 giờ

1. Mục tiêu: Giúp người học hiểu rõ vai trò của mục tiêu, phân bổ công việc trong nhóm sao cho hiệu quả, phát huy các nguồn lực thúc đẩy thành công nhóm. Rèn luyện giao tiếp nhóm hiệu quả.

2. Nội dung bài:

2.1. Xác định mục tiêu, phân công nhiệm vụ và trách nhiệm rõ ràng

2.1.1. Xác định mục tiêu

2.1.2. Phân công nhiệm vụ và trách nhiệm rõ ràng

- 2.2. Tạo lập môi trường làm việc hiệu quả
 - 2.2.1. Điều kiện vật chất và tinh thần
 - 2.2.2. Nguyên tắc hoạt động nhóm
- 2.3. Duy trì hoạt động truyền thông và giao tiếp hiệu quả
 - 2.3.1 Các hình thức giao tiếp
 - 2.3.2 Lắng nghe
- 2.4. Giải quyết xung đột trong nhóm
 - 2.4.1. Quan niệm mới về xung đột
 - 2.4.2. Nguồn gốc của xung đột
 - 2.4.3. Các biện pháp giải quyết xung đột
- 2.5. Tăng cường động lực làm việc nhóm
 - 2.5.1. Một số vấn đề cung về động lực
 - 2.5.2. Một số cách thức tạo động lực phổ biến

Chương 3: Kỹ năng lãnh đạo nhóm hiệu quả

Thời gian: 19 giờ

1. Mục tiêu: Người học nắm bắt được vai trò của người lãnh đạo nhóm, và một số kỹ năng giúp người lãnh đạo thành công trong công tác điều hành nhóm tiến tới mục tiêu.

2. Nội dung bài:

- 2.1. Những vấn đề chung về lãnh đạo
 - 2.1.1 Khái niệm
 - 2.1.2 Những tố chất cần thiết của người lãnh đạo
 - 2.1.3 Vai trò của người lãnh đạo
- 2.2. Một số kỹ năng cần thiết của người lãnh đạo nhóm
 - 2.2.1. Kỹ năng lập kế hoạch
 - 2.2.2. Kỹ năng tổ chức công việc
 - 2.2.3. Kỹ năng điều hành cuộc họp

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học có đầy đủ trang thiết bị : bàn , ghế, bảng, phấn, thiết bị ánh sáng, máy móc trình chiếu; và hệ thống cửa, quạt đảm bảo giúp cho quá trình tích lũy kiến thức diễn ra thuận lợi.

2. Trang thiết bị máy móc: Ngoài phương tiện giảng dạy truyền thống giáo viên còn có thể sử dụng Máy chiếu Projector, Laptop, sơ đồ, tranh ảnh minh họa giúp làm rõ và sinh động nội dung bài học.

Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Giáo trình : Kỹ năng làm việc nhóm- Cao đẳng Công nghiệp In (dự kiến biên soạn)
- Tập bài giảng kỹ năng làm việc nhóm- Đại học khoa học xã hội và nhân văn

Các điều kiện khác: Có không gian sinh hoạt tập thể thoáng rộng để phục vụ cho việc thực hành các trò chơi vận dụng trong quá trình học nhằm tăng cường liên kết nhóm.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: toàn bộ những kiến thức về nhóm, các phương pháp làm việc nhóm hiệu quả và các kỹ năng cơ bản của một người lãnh đạo nhóm.

- Kỹ năng: đánh giá quá trình sinh viên vận dụng các kiến thức cơ bản vào trong việc giải quyết các bài tập tình huống, các vấn đề cụ thể.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp: (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt và tích cực thảo luận...)

+ Phần tự học, tự nghiên cứu có sự hướng dẫn của giảng viên: (Hoàn thành tốt nội dung, nhiệm vụ mà giảng viên giao cho)

+ Tham gia hoạt động theo nhóm

2. Phương pháp: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra viết, trắc nghiệm và thực hành, thông qua tiết thảo luận, báo cáo kết quả tự học

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Được áp dụng trong kỳ đầu tiên, năm đầu tiên của khóa học. Các khoa có thể đưa môn học vào trong chương trình bởi môn học mang lại ý nghĩa thiết thực trong rèn luyện kỹ năng mềm cho sinh viên ngay khi học tập môn học, các môn học khác và ứng dụng ngay trong thực tế để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống hàng ngày và trong công việc tương lai.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Giáo viên có thể vận dụng phương pháp thuyết trình, giảng giải kết hợp phương pháp gợi mở, phát vấn để người học nghề có thể tham gia tích cực vào bài giảng.

- Đối với người học: Học sinh cần có thái độ tích cực trong quá trình tích lũy môn học, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, tự giác tham gia các bài tập thực hành và vận dụng vào trong những tình huống cụ thể

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Giáo viên giảng dạy môn Kỹ năng làm việc nhóm có thể là giáo viên chuyên trách hoặc kiêm nhiệm hoặc giáo viên thỉnh giảng từ các đơn vị giáo dục khác.

- Thảo luận, luyện tập tình huống nhằm mục đích củng cố, ghi nhớ, khắc sâu kiến thức đã học. Khuyến khích các giáo viên, giảng viên áp dụng phương pháp dạy học tích cực

4. Tài liệu tham khảo:

- Tập bài giảng điện tử của Vietnamlearning về kỹ năng làm việc nhóm (www.vietnamlearning.vn)
- Tập bài giảng kỹ năng làm việc nhóm của trung tâm đào tạo Tâm việt (www.tamviet.edu.vn)

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: **Khởi tạo doanh nghiệp**

Mã môn học: MH24

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thảo luận: 28 giờ
Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Khởi tạo doanh nghiệp là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo trung cấp ngành Công nghệ thông tin.

- Tính chất: Môn học Khởi tạo doanh nghiệp trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết để bắt đầu và phát triển một doanh nghiệp công nghệ. Môn học này không chỉ cung cấp kiến thức về kinh doanh mà còn kết hợp với kiến thức chuyên môn về công nghệ thông tin, giúp người học có cái nhìn toàn diện về việc khởi nghiệp trong lĩnh vực này.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được một số kiến thức cơ bản về cơ sở khởi tạo doanh nghiệp và khởi nghiệp kinh doanh.

+ Xác định được các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của bản thân đối với việc khởi nghiệp kinh doanh.

+ Trình bày được các nội dung cơ bản của kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh và tổ chức thực hiện kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh.

- Về kỹ năng:

+ Xây dựng và trình bày được 01 bản kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh cụ thể dựa trên ý tưởng kinh doanh của người học.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có khả năng tự học, chủ động trong việc cập nhật các kiến thức của môn học.

+ Có tinh thần trách nhiệm trong các hoạt động học tập. Giúp cho sinh viên ý thức và biết cách sắp xếp khoa học công việc học tập và các hoạt động trong đời sống.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

| Số TT | Tên chương, mục | Thời gian (giờ) | | | |
|-------|---|------------------|-----------|--------------------|----------|
| | | Tổng số | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập | Kiểm tra |
| 1 | <p>Chương 1. Cơ sở của khởi tạo doanh nghiệp</p> <p>1. Một số khái niệm về kinh doanh, doanh nghiệp và khởi tạo doanh nghiệp.</p> <p>2. Các đặc trưng, tố chất và kỹ năng cần thiết của người kinh doanh.</p> <p>2.1. Đặc trưng của người kinh doanh.</p> <p>2.2. Tố chất cần có của người kinh doanh.</p> <p>2.3. Kỹ năng cần thiết của người kinh doanh.</p> <p>2.4. Văn hóa và đạo đức trong kinh doanh.</p> <p>3. Những yêu cầu và điều kiện để khởi nghiệp kinh doanh.</p> <p>3.1. Yêu cầu đối với khởi nghiệp kinh doanh.</p> <p>3.2. Điều kiện để khởi nghiệp kinh doanh (tài chính, pháp lý, tổ chức và các điều kiện khác).</p> <p>4. Ảnh hưởng của môi trường kinh doanh đến sự phát triển doanh nghiệp.</p> | 15 | 5 | 10 | |

| | | | | | |
|---|--|----|---|---|---|
| 2 | <p>Chương 2. Lập kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh</p> <p>1. Ý tưởng kinh doanh và ra quyết định khởi nghiệp kinh doanh</p> <p>Xem xét nhu cầu và thị trường</p> <p>1.1. Hình thành ý tưởng kinh doanh.</p> <p>1.2. Các vấn đề pháp lý và xác định, lựa chọn cơ hội kinh doanh.</p> <p>1.3. Ra quyết định khởi nghiệp kinh doanh.</p> <p>2. Nội dung chính của kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh.</p> <p>2.1. Cấu trúc, nội dung và hình thức của bản kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh.</p> <p>2.2. Kế hoạch về sản xuất, kinh doanh.</p> <p>2.3. Kế hoạch về nhân sự, tổ chức.</p> <p>2.4. Kế hoạch về tài chính, cơ sở vật chất.</p> <p>2.5. Đánh giá hiệu quả và tính khả thi của kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh.</p> <p>2.6. Kế hoạch marketing.</p> <p>2.7. Kiểm tra</p> | 15 | 5 | 9 | 1 |
| 3 | <p>Chương 3. Tổ chức thực hiện kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh</p> <p>1. Tổ chức các hoạt động kinh doanh</p> <p>2. Tổ chức bộ máy điều hành kinh doanh</p> <p>3. Tạo lập và sử dụng các nguồn lực kinh doanh</p> <p>4. Tổ chức mạng lưới thông tin trong kinh doanh</p> | 15 | 5 | 9 | 1 |

| | | | | | |
|-------------|--|-----------|-----------|-----------|----------|
| | 5. Kiểm soát quá trình thực hiện kinh doanh 6. Kiểm tra | | | | |
| Cộng | | 45 | 15 | 28 | 2 |

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1. Cơ sở của khởi tạo doanh nghiệp

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu:

- Hiểu các khái niệm cơ bản;
- Trình bày được các đặc trưng, tố chất và kỹ năng cần thiết của người kinh doanh.

2. Nội dung bài:

1.1. Một số khái niệm về kinh doanh, doanh nghiệp và khởi tạo doanh nghiệp.

1.2. Các đặc trưng, tố chất và kỹ năng cần thiết của người kinh doanh.

1.2.1. Đặc trưng của người kinh doanh.

1.2.2. Tố chất cần có của người kinh doanh.

1.2.3. Kỹ năng cần thiết của người kinh doanh.

1.2.4. Văn hóa và đạo đức trong kinh doanh.

1.3. Những yêu cầu và điều kiện để khởi nghiệp kinh doanh.

1.3.1. Yêu cầu đối với khởi nghiệp kinh doanh.

1.3.2. Điều kiện để khởi nghiệp kinh doanh (tài chính, pháp lý, tổ chức và các điều kiện khác).

1.4. Ảnh hưởng của môi trường kinh doanh đến sự phát triển doanh nghiệp.

Chương 2. Lập kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu:

- Hiểu các khái niệm cơ bản;
- Trình bày được phương pháp lập kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh;
- Xây dựng được kế hoạch khởi nghiệp.

2. Nội dung bài:

2.1. Ý tưởng kinh doanh và ra quyết định khởi nghiệp kinh doanh:

2.1.1. Xem xét nhu cầu và thị trường.

2.1.2. Hình thành ý tưởng kinh doanh.

2.1.3. Các vấn đề pháp lý và xác định, lựa chọn cơ hội kinh doanh.

2.1.4. Ra quyết định khởi nghiệp kinh doanh.

- 2.2. Nội dung chính của kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh
 - 2.2.1. Cấu trúc, nội dung và hình thức của bản kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh.
 - 2.2.2. Kế hoạch về sản xuất, kinh doanh.
 - 2.2.3. Kế hoạch về nhân sự, tổ chức.
 - 2.2.4. Kế hoạch về tài chính, cơ sở vật chất.
 - 2.2.5. Đánh giá hiệu quả và tính khả thi của kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh.
 - 2.2.6. Kế hoạch marketing.

Chương 3. Tổ chức thực hiện kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu:

- Hiểu các khái niệm cơ bản;
- Trình bày được kế hoạch khởi nghiệp.

2. Nội dung bài:

- 2.1. Tổ chức các hoạt động kinh doanh
- 2.2. Tổ chức bộ máy điều hành kinh doanh
- 2.3. Tạo lập và sử dụng các nguồn lực kinh doanh
- 2.4. Tổ chức mạng lưới thông tin trong kinh doanh
- 2.5. Kiểm soát quá trình thực hiện kinh doanh

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

- Phòng học lý thuyết có máy chiếu.

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy tính
- Máy chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Bài giảng môn Khởi tạo doanh nghiệp

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày được một số kiến thức cơ bản về cơ sở khởi tạo doanh nghiệp và nghiệp kinh doanh;
 - + Xác định được các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của bản thân đối với việc khởi nghiệp kinh doanh;
 - + Trình bày được các nội dung cơ bản của kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh và tổ chức thực hiện kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh.
- Về kỹ năng:

+ Xây dựng và trình bày được 01 bản kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh cụ thể dựa trên ý tưởng kinh doanh của người học.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có khả năng tự học, chủ động trong việc cập nhật các kiến thức của môn học.

+ Có tinh thần trách nhiệm trong các hoạt động học tập. Giúp cho sinh viên ý thức và biết cách sắp xếp khoa học công việc học tập và các hoạt động trong đời sống.

2. Phương pháp: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra viết, trắc nghiệm và thực hành, thông qua những tiết thảo luận, báo cáo kết quả tự học.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ trung cấp ngành Công nghệ thông tin.

- Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên, giảng viên: Khi giảng dạy giáo viên sử dụng các học cụ trực quan, máy tính, máy chiếu để mô tả nội dung bài học.

- Đối với người học: Cần nắm chắc kiến thức, làm bài tập và thực hành ngay sau mỗi bài học lý thuyết.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Khái niệm cơ bản.

- Xây dựng kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh

- Tổ chức thực hiện kế hoạch

4. Tài liệu tham khảo:

[1]. Topica - khởi tạo doanh nghiệp

[2]. Nguyễn Ngọc Huyền - Khởi sự kinh doanh và tái lập doanh nghiệp -

NXB ĐH Kinh tế quốc dân